

Ông Tướng Tinh Bảo Bí Ẩn Và Những Điệp Vụ Siêu Hạng



Ông tướng tình báo bí ẩn và những điệp vụ siêu hạng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Trong những nhà tình báo siêu hạng của chúng ta, có 2 điệp viên vừa được phong quân hàm cấp tướng vừa được phong danh hiệu anh hùng. Đó là Phạm Xuân Ẩn và ông. Tên của vị lão tướng này cho đến nay vẫn chưa hề xuất hiện trên sách báo. Cuộc đời ông là một chuỗi dài những chuyện hào hùng gay cấn xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc, trong đó có hơn 20 năm hoạt động đơn độc giữa Sài Gòn.

Bằng lòng yêu nước vô bờ bến và tài năng bẩm sinh, ông đã thực hiện nhiều điệp vụ siêu hạng, trong đó có việc cứu ông hoàng Norodom Shihanouk và cứu ông Nguyễn Văn Linh (sau này là Tổng Bí thư Đảng)... Ông là ai vậy ? Đồng đội gọi ông là Ba Quốc, còn trong giấy tờ, ông là Đặng Trần Đức, thiếu tướng anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam... Năm nay đã 83 tuổi, ông vẫn chưa được nghỉ hưu. Và khi chúng tôi khởi đăng loạt ký sự này thì ông đang nằm bệnh viện vì một căn bệnh hết sức hiểm nghèo...

Bước chân vào nghề

Hai năm trước, khi thu thập thông tin để viết thiên ký sự về tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn, chúng tôi có dịp “thâm nhập” vào các mạng lưới tính báo và được gặp nhiều điệp viên siêu hạng. Chúng tôi bị cuốn hút bởi các chiến công và những câu chuyện ly kỳ của họ, đã đành là như vậy rồi. Nhưng càng thâm nhập sâu, càng hiểu nhiều hơn về họ, chúng tôi càng bị một sức cuốn hút khác, mạnh mẽ hơn. Đó là những nhân cách lớn được tạo ra từ lòng yêu nước và tâm hồn trong trẻo của họ. Ai trong số họ cũng có một cuộc đời đầy sóng gió nhưng tất cả đều sống thầm lặng. Họ không hiếu danh. Đức tính đó cuốn hút mạnh mẽ chúng tôi, nhưng cũng gây cho chúng tôi không ít khó khăn, bởi họ không muốn nói về mình.

Lần đầu tiên chúng tôi biết về ông Ba Quốc là từ câu chuyện với ông Mười Nho, một cán bộ chỉ huy tình báo lão thành. Trong những lần nói chuyện với chúng tôi về Phạm Xuân Ẩn, ông Mười Nho có kể chuyện về ông Ba Quốc và “hứa” sẽ giới thiệu chúng tôi gặp ông – người mà ông Mười Nho cho là cũng rất “lùng lẫy”. Nhưng đến lần gặp sau thì ông Mười Nho lắc đầu, ông nói ông đã “cố gắng hết sức mình” để thuyết phục, nhưng ông Ba Quốc không đồng ý để ai viết về mình. Chúng tôi đem câu

chuyện này nói với một sĩ quan tình báo quân đội, người hay lui tới chỗ ông. Anh này cũng lắc đầu : “Khó lắm. Ông ấy sống âm thầm, vĩnh viễn không muốn ai biết về những chuyện của ông ấy”. Cuối cùng, chúng tôi phải nhờ đến người chỉ huy cao nhất của cơ quan tình báo quốc phòng. Đó là một vị tướng trẻ, từng làm trợ lý cho ông Ba Quốc. Vị tướng trực tiếp dẫn chúng tôi đến giới thiệu với ông Ba Quốc bằng một lời “bảo lãnh” khiến chúng tôi hơi bất ngờ : “Thưa chú, Báo Thanh niên là tờ báo nổ phát súng đầu tiên vào tập đoàn tội ác Năm Cam và những kẻ bảo kê cho Năm Cam, chú có thể yên tâm”. Và hoàn toàn không giống như chúng tôi hình dung. Thiếu tướng anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam Đặng Trần Đức không phải là một ông già nghiêm nghị, khó tánh và lập dị. Ông trả lời vị tướng trẻ bằng một nụ cười cực kỳ hiền từ. Trên khuôn mặt nhiều nếp nhăn nhưng đầy thần sắc của ông vừa lộ rõ khí phách, vừa ẩn chứa những nét bao dung đôn hậu. Sau này chúng tôi mới biết, ngày xưa khi làm sĩ quan trong Đặc ủy Trung ương tình báo Sài Gòn, ông mang tên Nguyễn Văn Tá, biệt hiệu là Tá “bụt”.

“Anh Ba Quốc thâm nhập vào cơ quan an ninh địch lúc Pháp còn chiếm Hà Nội. Sau Hiệp định Genève, anh theo Pháp di cư vào Nam, làm việc rất sớm ở Sở Nghiên cứu chính trị xã hội (cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn thời Ngô Đình Diệm- PV), sau đó là sĩ quan tình báo của Phủ đặc ủy Trung ương tình báo... Mỗi tháng anh có 2 lần báo cáo, mỗi báo cáo có khoảng 50-70 tin chính trị, có khi trên 100 tin. Đồng chí viết tin ra xong rồi mã hóa bằng chữ tốc ký. Phải nói cường độ lao động của anh rất lớn, hoạt động trong vùng địch với tinh thần tận tụy, dũng cảm... Anh Ba Quốc là một điển hình cơ cán tình báo đi sâu làm việc trong cơ quan an ninh tình báo cấp trung ương của địch là mục tiêu tình báo lý tưởng của bất cứ tình báo quốc tế nào, vì cơ quan này tập trung nhiều cơ mật cấp cao và đa dạng của địch. Nhờ bình phong này, anh tồn tại trong cơ quan an ninh địch từ 1950 đến 1974...”. Đó là lời nhận xét của thiếu tướng Nguyễn Đức Trí, nguyên thủ trưởng cơ quan tình báo miền về ông. Nhưng đó là chuyện sau này.

Còn sau đây là vài dòng tiểu sử trước khi ông “thâm nhập vào cơ quan an ninh địch” : Tháng 5-1945 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng xã Thanh Trì (Hà Nội). Sau khi củng cố chính quyền xã, ông huy động nhân dân lên tham gia cuộc mítting ngày 19/8 tại Nhà hát lớn Hà Nội. Sau đó được điều về Hà nội làm công an, tham gia phá một số vụ án, trong đó có vụ án Ôn Như Hầu. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông là đoàn trưởng mặt trận Khâm Thiên, đánh nhau với Pháp 1 tháng, sau đó được lệnh rút vào Đô Lương (Nghệ An), làm trưởng khu Đức Hòa. Tháng 5/1949, ông chuyển sang ngành tình báo quân sự và được giao nhiệm vụ vào hoạt động tại Hà Nội. Ông vào Hà Nội với danh nghĩa là đi tìm vợ con bị thất lạc. Và ông đã tận dụng tất cả các quan hệ để tìm chỗ đứng trong lòng địch. Ông nhờ một người quen, là con rể của một nhân vật rất có thế lực ở Hà Nội. Người này đưa ông đến giới thiệu với bố vợ của ông ta là Đàm Y, quận trưởng quận 1 (Hàng Trống) và là tay chân đắc lực của Tổng trấn Bắc Việt Nghiêm Xuân Thiện. Ông đã thiết lập được mối quan hệ thân tình đặc biệt với Đàm Y và chính mối quan hệ này đã tạo một bước ngoặt cho cuộc đời hoạt động tình báo của ông sau

này. Từ đây, ông bước chân vào cơ quan công an của Pháp...

Bài học đầu tiên: Lòng dân

Ông Ba Quốc nhớ lại: "Theo quy ước, sau khi thiết lập quan hệ với ông Đàm Y, tôi phải bắt liên lạc với cấp trên. Hộp thư mật đặt tại 80 Hàng Bạc. Nhưng khi tôi đến gặp cô gái cần gặp thì có một chuyện lạ. Cô ta trông thấy tôi lập tức quay vào nhà. Tôi biết ngay là có người đang theo dõi. Hộp thư coi như bị hủy bỏ...

Tôi mất liên lạc. Mà mất liên lạc, không có chỉ đạo thì tôi không biết tiếp theo phải làm gì. Suốt cả một tuần lễ tôi rủ em vợ của ông Đàm Y và người lái xe lấy ô tô của ông ta đi chơi la cà các phòng trà và quán bia, hết nơi này đến nơi khác, đi đâu tôi cũng được giới thiệu là cháu của Đàm Y ở quê ra. Mục đích của tôi là tìm người quen để nối liên lạc. Nhưng làm cách này không được. Tôi làm quen một người phụ nữ làm công ở nhà Đàm Y, quan sát tôi biết người này có cảm tình với kháng chiến. Đó là bác Năm Gái. Tôi liền nói thật với bác và quả đúng như nhận định của tôi. Tôi nhờ bác ra căn cứ bắt liên lạc cho tôi. Bác đi, nhưng không hiểu sao mất tích luôn, không bao giờ trở lại nữa. Hết cách. Cuối cùng tôi phải xin ông Đàm Y đưa tôi vào làm công an và sau đó xin làm luôn Đồn trưởng Công an Từ Sơn, với lý do là làm ở vị trí đó tôi mới có điều kiện tìm được vợ con. Ông Đàm Y rất có thể lực, nên việc của tôi được chấp nhận dễ dàng. Đây là đồn kiểm soát bắt hàng lậu trên các chuyến xe tuyến Hà Nội - Bắc Giang. Mục đích của tôi lúc này là tìm cho được người tin cậy để bắt liên lạc. Tôi quan sát, phát hiện trong xóm phía sau đồn có một cô gái, tên là Quỳ, có thể là người liên lạc của ta, nhưng không dám tiếp cận. Tôi dùng một phương pháp khác. Từ khi làm đồn trưởng, tôi lệnh cho nhân viên không được bắt hàng, tất cả hàng lậu cho đi hết. Không ai hiểu vì sao tôi làm như vậy. Dân buôn thấy tôi dễ quá, đâm ra sợ, đến mức họ phải mang hàng vào đồn bảo tôi phải làm biên bản, họ sợ tôi dễ quá sẽ bị cấp trên chuyển đi nơi khác. Thời gian này tôi tập trung nghiên cứu những tay trùm chở hàng lậu qua đây, phát hiện thấy vợ tên Đồn trưởng Bảo an (đóng cách đồn của tôi khoảng 1,5 km) cũng là trùm buôn lậu. Đến một hôm, tôi ra lệnh bắt toàn bộ hàng của tên Đồn trưởng Bảo an".

Thấy chúng tôi ngạc nhiên, ông cười, nói tiếp: "Các anh có biết tôi làm như vậy để làm gì không? Là để tạo ra một sự cố, may ra tìm được người của mình, vì tôi đợi lâu quá. Và quả như tôi dự đoán. Hôm sau, tên đồn trưởng dẫn một tốp lính tấn công đồn của tôi. Quân của tôi chỉ có mấy người thì làm gì được nó, nên bỏ chạy hết. Còn một mình tôi, chúng đánh tôi một trận toi bời. Tôi không chạy, vì mục đích của tôi là để cho chúng đánh mà. Lúc ấy nhiều dân buôn ðề lên người ðể đỡ ðòn cho tôi, nhưng tôi cũng bị một trận ðau ê ẩm, cả người bê bết máu. Khi chúng bỏ đi, cô Quỳ mà tôi ðã kể ở trên ðến ðưa tôi về nhà, lấy lá thuốc rịt các vết thương cho tôi. Nhờ chuyện ðó tôi mới biết chắc cô Quỳ là người tốt, nhưng cũng không biết chắc cô ấy có phải là người bên mình hay không. Tôi ðành phải liêu một lần nữa. Tôi nói với cô tôi là người của cách mạng, cần phải bắt liên lạc gấp. Tôi nhờ cô ra căn cứ tìm cách liên lạc với anh Văn Tùng, lúc ðó là người chỉ huy của tôi. Cô Quỳ nhận lời đi theo ðề

ngệ của tôi. Ba ngày sau cô trở lại, bảo tôi đến số 3 Hàng Khoai gặp người cần gặp. Tôi đến gặp anh Văn Tùng, báo cáo tình hình và nhận chỉ thị. Anh Văn Tùng yêu cầu tôi ra lại vùng giải phóng một thời gian để bàn cụ thể cách thức hoạt động lâu dài sau này, thời gian và địa điểm đón tôi được hẹn trước. Tôi giao công việc cho đồn phó, nói rằng tôi phải dành một thời gian đi đón vợ con.

Đến giờ hẹn, tôi được cậu giao thông ra đón. Lúc tôi và cậu ấy đang đi trên đê Đáp Cầu của sông Đuống để ra vùng giải phóng thì phát hiện một toán lính Pháp đi tuần bên kia bờ đê. Cậu ta đưa tôi xuống vệ đê để tránh toán lính, vừa đi một đoạn thì cậu giao thông dẫm phải một quả mìn, mìn nổ làm cậu ta chết tại chỗ, còn tôi thì bị ngất đi. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy có bàn tay đung vào người. Mở mắt ra, tôi nghe ngay giọng một cô gái: "U ơi, u ơi... Anh ấy tỉnh rồi!". Tôi chưa hiểu gì cả, thì một cụ già chạy vào ôm lấy tôi khóc nức nở: "Ôi con ơi... con của mẹ sống rồi, ơn trời phật...". Điều gì vậy? Tôi vẫn không hiểu. Tôi có quen bà này đâu... Nhưng khi tỉnh hẳn, tôi lập tức hiểu ngay, thì ra là người dân đã cứu tôi. Bà cụ biết chắc tôi là Việt Minh, nên đã nhận tôi là con, nói với bọn địch rằng con của bà ngẫu nhiên đi gần chỗ nổ mìn, không quen biết người vừa chết. Nhờ lòng dân mà tôi thoát nạn. Sau đó bà cụ đưa tôi vào bệnh viện điều trị vết thương. Một tháng sau tôi trở lại nhà ông Đàm Y và nói dối rằng trên đường đi tìm vợ con tôi đã bị bệnh sốt rét...".

Câu chuyện ông kể thật là giản dị. Bác Năm Gái làm công, cô Quỳ, hai mẹ con bà cụ... Họ ở khắp nơi, bây giờ kẻ mất người còn, nhưng thế hệ kế tiếp thế hệ, tấm lòng của dân là biển cả, là thiên la địa võng. Bất kể anh là ai, hễ anh chống ngoại xâm, anh yêu nước, anh làm những chuyện ích nước lợi dân thì được đùm bọc chở che, ngược lại thì anh không có đường thoát. Dân tộc Việt Nam này là như vậy, thời nào cũng vậy. Bài học đó đã thấm tụt nhiên vào máu thịt của người chiến sĩ tình báo.

Nhưng mọi chuyện chưa phải đã thuận buồm xuôi gió. Ông Đàm Y có thể tin ông, nhưng cơ quan mật vụ của Pháp thì không đơn giản. Vũ Đình Lý, Trưởng Công an Hà Nội lúc đó biết rõ ông là Việt Minh được "đánh" vào Hà Nội để hoạt động nên muốn ra lệnh bắt ông...

Câu chuyện về kho vàng

Xung quanh câu chuyện quan hệ với gia đình ông Đàm Y có nhiều uẩn khúc, liên quan đến những vấn đề riêng tư nhạy cảm của gia đình ông sau này. Đó là một bí mật, nhưng không phải là bí mật của ngành tình báo, mà là bí mật về số phận của những người thân của ông, có lẽ "người ngoài" không nên biết. Ông chỉ nói rằng, ông Đàm Y không có con trai, ông ta muốn lo mọi chuyện cho ông Ba Quốc để sau này ông Ba Quốc lo cho ông ta lúc tuổi già.

Câu chuyện đó mang nhiều tình tiết hết sức tế nhị, nhưng đại khái là hai bên có một sự thỏa thuận... Trở lại chuyện rắc rối từ cơ quan công an Hà Nội. Mặc dù ông Đàm Y có nghi ngờ ông Ba Quốc là Việt Minh, nhưng ông ta vẫn can thiệp không cho Vũ Đình Lý ra lệnh bắt ông Ba Quốc. Vì vậy ông mới được yên ổn.

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết. Địch tổ chức một đợt di cư ào ạt vào Nam. Ông được lệnh theo theo quân Pháp vào Nam tiếp tục hoạt động. Nhưng có một vấn đề gay gắt không biết làm sao giải quyết được. Đó là hồ sơ nghi vấn ông làm Việt Minh vẫn đang ở chỗ Vũ Đình Lý. Với hồ sơ đó, khi vào Nam chắc chắn ông sẽ bị bắt ngay. Chỉ có cách duy nhất là nhờ ông Đàm Y. Và ông Y đã giúp ông. Với thế lực của mình, ông Đàm Y đã nói với Bạch Văn Luy, là Chánh án tòa án tối cao lúc đó, rút toàn bộ hồ sơ nghi vấn của ông ra khỏi cơ quan công an, chỉ để lại hồ sơ hành chánh. Và ông đã vào Nam với tư cách là người trong ngành công an của Pháp cùng một bản lý lịch hoàn toàn “trong sạch”, không dính đến Việt Minh.

Ông bảo, khi nhận nhiệm vụ làm tình báo quân sự, khi vào hậu phương của địch ông phải làm hai chức năng : Thứ nhất là báo tin tức về địch, thường xuyên và đột xuất. Thứ hai là “hành động cách mạng”, bằng cách : vô hiệu hóa âm mưu thủ đoạn của địch chống phá ta, phát hiện cán bộ của ta làm tay sai cho địch và kích động, khai thác mâu thuẫn nội bộ địch. Muốn làm được “hai chức năng” đó, phải “chui” thật sâu, “leo” thật cao vào các cơ quan cơ mật của đối phương. Đó là việc hoàn toàn không dễ chút nào. Ông nghĩ mãi chuyện đó trong đầu. Khi xuống Hải Phòng để lên tàu vào Nam, ông tìm cách làm quen với những người “có máu mặt”. Tình cờ ông gặp được một người Tây lai, đó là Ginard, Trưởng phòng nhì của Pháp. Anh ta nói với ông rằng anh ta biết người Pháp đang có kế hoạch chuyển một số vàng rất lớn về Pháp. Anh ta gợi ý : “Nếu ông quen ai có thế lực, tôi sẽ cho biết cụ thể về kế hoạch đó. Tôi muốn có tiền hoa hồng”. Thế là tự nhiên ông có được một “bữa bổi”.

Vào Sài Gòn, ông làm việc ở Nha Công an Nam phần, nhiệm vụ là làm kế toán. Tất nhiên ông không hài lòng với việc đó. “Làm kế toán thì không thể có điều kiện làm đại sự được”, ông nghĩ. Ông cố tìm cách làm sao có thể vào sâu các cơ quan cơ mật của địch. Và ông nhớ đến “vụ vàng” của Ginard. Để khai thác được vụ này, việc đầu tiên là phải tìm xem ở đây ai là người có thế lực nhất bên cạnh gia đình Ngô Đình Diệm. Qua nhiều người, ông biết người đó là Trần Kim Tuyền, là Trưởng ban công tác đặc biệt Phủ Tổng thống (Sở Nghiên cứu chính trị xã hội) . Nhưng tiếp cận với Trần Kim Tuyền không phải dễ. Ông lại phải tìm hiểu những ai là người thân của Trần Kim Tuyền. Biết được Kiều Văn Lân, chủ nhiệm báo Tự Do là bạn thân của Trần Kim Tuyền. Ông đến làm quen với ông Lân. Khi quen biết rồi, ông nói với ông Lân về “vụ vàng”. Và ông Lân báo ngay việc đó với Trần Kim Tuyền. Ngay ngày hôm sau, Trần Kim Tuyền gọi ông cùng ông Lân đến. Ông nhớ lại : “Sau khi nghe tôi nói chuyện này, bác sĩ Tuyền bảo tôi dẫn Ginard đến gặp ông ta. Tôi tới cư xá Pháp tìm Ginard và đưa Ginard đến gặp bác sĩ Tuyền. Kết quả là, sau khi nghe Ginard nói cụ thể, bác sĩ Tuyền báo cáo với Ngô Đình Nhu, rồi giao nhiệm vụ cho tôi cùng với Ginard tới Ngân hàng tìm hiểu và theo dõi xem bao giờ thì người Pháp chuyển vàng xuống tàu và vàng sẽ được chuyển như thế nào. Tôi mang theo 3 “đàn em” - những người người lính comando cũ, theo tôi từ Hà Nội, đó là Châu “gối”, Qua “đen” và Thạch Sanh. Lúc đó lại xảy ra một sự cố...”.

Ông kể tiếp : “Trên đường đi tới Ngân hàng, tôi và 3 người của tôi đột nhiên bị bắt. Người bắt chúng tôi là đại úy Nguyễn Đức Xích, trưởng phòng nhì của Lữ đoàn an ninh Phủ Tổng thống. Người ra lệnh bắt là trung tá Lữ đoàn trưởng Lý Thái Như. Tôi bị giam ở một buồng trên lầu, còn 3 người của tôi bị giam ở dưới trại giam. Tôi rất phân vân, không hiểu vì sao mình bị bắt. Tôi đi làm việc cho Phủ Tổng thống mà bị người của Phủ Tổng thống bắt. Tôi nghĩ thế là hết rồi, chắc là địch đã phát hiện ra tung tích, tôi đã bị lộ...”.

“Người hùng” của Cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống

Một buổi sáng nằm trong buồng giam, đang nghĩ một chặng đường mới chưa bắt đầu mà coi như đã hết, ông Ba Quốc bỗng nghe một tiếng "soạt" nhẹ. Một mảnh giấy vo tròn ai đó vớt vào sàn nhà. Ông nhặt lên, mở ra đọc, trong đó có một dòng chữ:

"Bọn em bị chúng tra tấn rất tàn bạo. Chúng bắt bọn em khai anh và bọn em nhận lệnh của bác sĩ Tuyên ám sát trung tá Lý Thái Như (xin lỗi bạn đọc, kỳ trước đánh máy nhầm là Lý Thanh Như - PV), Lữ đoàn trưởng An ninh Phủ Tổng thống và đại tá Nguyễn Cao, tham mưu biệt bộ Phủ Tổng thống". Đó là mảnh giấy do người của ông bị giam ở dưới tìm cách ném lên. Ông nhớ lại: “Nhận được mảnh giấy đó tôi thờ phào nhẹ nhõm. Tôi biết mình đã rơi vào chỗ mâu thuẫn nội bộ giữa đám tay chân của Ngô Đình Cẩn (trung tá Như) và tay chân của Ngô Đình Nhu (bác sĩ Tuyên). Tôi chờ đợi và nghĩ cách đối phó, nghĩ cách khai thác mâu thuẫn này. Nằm trong phòng giam mà tôi cảm thấy lý thú vô cùng...”.

Chừng một tuần lễ sau, đại úy Xích vào phòng giam gặp ông. Xích bảo: "Anh cứ yên tâm. Tôi tuy là Trưởng phòng nhì của ông Như nhưng là người của bác sĩ Tuyên. Bác sĩ Tuyên bảo tôi sẽ lo cho anh ra...”.

Nghe đại úy Xích nói những lời như vậy ông nghĩ ngay đây là một thủ đoạn của Lý Thái Như. Chưa biết chúng sẽ bày trò gì đây. Nhưng ông vẫn "lật bài ngựa" với Xích: "Tôi không biết ông là người của ai, nhưng dù anh là người của ai đi nữa thì tôi vẫn kính trọng bác sĩ Tuyên, ông ấy là người có đạo đức. Còn ông Như là người bậy bạ...". Đại úy Xích ra về không nói gì thêm.

Khoảng 10 ngày tiếp đó, cũng vào một buổi sáng, một người lính vào mở cửa buồng giam dẫn ông đi. Ông nghĩ chắc chúng sẽ đưa ông đi tra tấn. Nhưng không phải. Chúng đưa ông đến một căn phòng rộng. Ở giữa có đặt một cái bàn có một người ngồi. Đứng một bên là 3 người đàn em của ông, còn đứng phía bên kia là trung tá Như và những người của ông ta.

Khi ông bước vào, người ngồi giữa bảo: "Tôi là đại diện của tổng thống được giao đến xử vụ này". Nhìn sang ông, người đó hỏi: "Ông có phải là ông Tá không? Ông hãy cho biết hết những gì đã xảy ra, phải khai cho đúng sự thật". Ông kể đúng sự thật, từ chuyện bác sĩ Tuyên giao cho ông đi theo dõi vụ Pháp chuyển vàng từ ngân hàng về Pháp, đến việc bị người của trung tá Như bắt giam trên đường làm

nhiệm vụ. Kể xong, ông chỉ vào Lý Thái Như nói “phía” thêm: "Cách đây 3 ngày, ông Như một mình tới buồng giam đưa tôi lên xe jeep chở đến bên sông Nhà Bè, bắt tôi phải ký vào một biên bản đã đánh máy sẵn với nội dung là: Tôi nhận lệnh của bác sĩ Tuyền đến ám sát trung tá Như và đại tá Cao. Tất nhiên việc đó là bịa đặt sai sự thật nên tôi không ký. Ông Như cho tôi một thời gian suy nghĩ và dọa rằng nếu tôi không ký ông ta sẽ bỏ tôi vào bao bố quẳng xuống sông...". Lý Thái Như nghe đến đó há hốc mồm, rồi nổi xung lên, định xông vào đánh ông. Nhưng người ngồi giữa trợn mắt quát: "Ông không được làm bậy. Tôi là người của tổng thống. Trước mặt tôi mà ông còn có thái độ như vậy, huống hồ... Thôi, ngày mai mời ông và người của ông dẫn ông Tá và người của ông Tá tới Dinh Tổng thống. Tổng thống sẽ trực tiếp xử vụ này". Quay sang ông, người đại diện tổng thống nói tiếp: "Tôi cũng báo cho ông Tá biết là ông hãy yên tâm. Người của ông cũng đã báo hết cho tôi nghe chuyện này rồi". Nhìn nét mặt trung tá Như ông thấy ông ta không giấu được vẻ lo lắng. Ông ta lo lắng tột độ...

Sau đó, Lý Thái Như đưa ông về phòng của ông ta, lấy rượu mời ông và tỏ ra rất ân hận. Như bật khóc và nói với ông như năn nỉ: "Mong anh thương tình. Ngày mai vào gặp tổng thống mà anh nói như thế này thì sự nghiệp của tôi sẽ tan thành mây khói". Ông trả lời lấp lửng: "Trung tá làm sao thì tôi cũng làm như vậy mà..."

Sáng hôm sau, ông kể: “Lý Thái Như và người của ông ta đưa chúng tôi tới tầng hầm của Dinh Độc lập. Tại đây tôi đã thấy bác sĩ Trần Kim Tuyền và mấy người khác chờ sẵn. Đợi khoảng 1 tiếng, Vũ Văn Hải, Chánh văn phòng của Ngô Đình Diệm xuống, bảo rằng ông Diệm hôm nay bận tiếp khách ngoại quốc không đến được, tổng thống sẽ có quyết định sau, bây giờ ai làm gì thì về làm việc ấy... Phía bác sĩ Tuyền vui như thắng trận. Họ công kênh tôi về cơ quan như một người hùng. Hôm đó bác sĩ Tuyền tặng tôi 1.000 đồng, bảo mang về cho nhà tôi yên tâm rồi tiếp tục làm nhiệm vụ, công việc vẫn chưa xong đâu...". Một tháng sau, trung tá Lý Thái Như bị cách chức. Bác sĩ Tuyền được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị xã hội (Cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống) thay Vũ Tiên Huân. Ông chính thức được điều về Sở này, với cấp bậc là chuyên viên 3.

Cần biết, để trở thành một cán bộ chính thức của Sở Nghiên cứu chính trị - xã hội, phải có đủ 3 điều kiện: Một, phải là đảng viên đảng Cần lao; hai, phải là người Công giáo; ba, phải là người miền Trung. Nhưng vì ông đã "lập công lớn", nên Trần Kim Tuyền bảo: "Anh là trường hợp đặc biệt". Bác sĩ Tuyền chỉ khuyên ông vào đạo Công giáo. Ông Tuyền cũng giao cho linh mục Thụ làm người bồi dưỡng giáo lý và giao cho Hoàng Ngọc Điệp, Phó giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị - xã hội làm "cha đỡ đầu" cho ông. Từ đây ông trở thành người "hoàn toàn tin cậy" của Trần Kim Tuyền...

“Biết địch, biết ta”

Như mọi người đều biết, Hiệp định Genève được ký kết năm 1954, những người cộng sản và nhân dân Việt Nam vẫn thành thật tin rằng 2 năm sau sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhưng Ngô Đình

Diệm thì không quan tâm đến bản Hiệp định và nguyện vọng của nhân dân. Với sự hậu thuẫn của Mỹ, Diệm phế truất Bảo Đại, xây dựng miền Nam thành “nước Việt Nam Cộng hòa”.

Vì chủ trương nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Genève, nên Đảng Cộng sản chủ trương không đấu tranh vũ trang. Ngay cả khi biết chắc chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành Hiệp định, Đảng vẫn chỉ cho phép tiến hành đấu tranh chính trị, đấu tranh “đòi thi hành Hiệp định Genève”. Trong khi đó, Ngô Đình Diệm triệt để thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”, lê máy chém khắp miền Nam. Hậu quả là thực lực của cách mạng cũng như phong trào yêu nước của nhân dân đều bị chìm trong biển máu. Ở Sài Gòn, chính quyền Ngô Đình Diệm một mặt thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”, một mặt tiến hành dẹp các giáo phái võ trang thân Pháp. Để củng cố vị trí của mình, chính quyền Ngô Đình Diệm mà người “chèo lái” thực chất là Ngô Đình Nhu, đã dần dần dần biến thành chế độ độc tài “gia đình trị”. Trong đó, người “lãnh đạo tinh thần” bên trên là ông anh ruột Ngô Đình Diệm - Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Điều hành trực tiếp công việc của chính phủ là một ông em ruột – cố vấn Ngô Đình Nhu. Trực tiếp “cai quản” miền trung cũng là một ông em ruột – Ngô Đình Cẩn. Chế độ Ngô Đình Diệm ngay sau khi hình thành đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn và những mâu thuẫn đó ngày càng trở nên gay gắt. Ngay trong gia đình họ cũng bộc lộ mâu thuẫn. Đó là mâu thuẫn giữa Ngô Đình Nhu với Ngô Đình Cẩn. Lâu nay sách báo viết về gia đình họ Ngô thường miêu tả Ngô Đình Cẩn là một anh nhà quê bất tài “chân đi guốc gỗ, miệng nhai trầu”, nhưng tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn thì cho rằng “Ngô Đình Cẩn là một người rất tài giỏi, nếu anh em Diệm – Nhu nghe lời Cẩn thì chưa chắc chế độ Ngô Đình Diệm đã sụp đổ lúc đó”. Nhưng đó là chuyện không liên quan đến thiên ký sự này. Chúng tôi muốn nói lướt qua một chút để bạn đọc hiểu thêm nhân vật chính của chúng ta lúc này đang ở trong một bối cảnh như thế nào.

Tuy là “lãnh chúa miền trung”, nhưng Ngô Đình Cẩn vẫn “thò tay” rất sâu vào hầu hết các vấn đề ở Sài Gòn, nhất là “vấn đề nhân sự”. Ngô Đình Cẩn muốn tìm cách đưa người thân tín gốc miền trung của mình vào các cương vị trọng yếu trong chế độ, còn Ngô Đình Nhu thì thích dùng người Bắc di cư. Ngô Đình Nhu đặc biệt tin dùng Trần Kim Tuyến, còn Ngô Đình Cẩn thì rất ghét Tuyến, muốn đưa người của ông ta thay Tuyến. Vì vậy mới có chuyện đàn em của Cẩn tìm cách hãm hại Tuyến và nhân vật chính của chúng ta đã khai thác một cách ngoạn mục “sự cố” đó để củng cố vị trí của mình trong cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống.

Không thấy ông nói về kết quả của “vụ vàng”, chúng tôi thắc mắc. Ông cười : “Sau đó là việc của họ. Được việc của mình rồi, tôi không quan tâm đến vụ ấy nữa”. Nghe ông nói một câu như vậy chúng tôi hiểu rõ hơn về tính cách của ông : Tính mục đích của nhà tình báo này là rất cao. Ông không quan tâm đến những gì không liên quan đến nhiệm vụ của mình.

Trở thành chuyên viên của Sở Nghiên cứu chính trị, ông Ba Quốc tập trung nghiên cứu tất cả những công việc của cơ quan này và bắt đầu khai thác những gì có thể khai thác. Ông nói thành thật : “Tôi

không được đào tạo gì nhiều, học vấn cũng vậy mà nghiệp vụ tình báo cũng vậy. Chỉ đến khi vào trong lòng địch tôi mới tự học. Ban đầu tôi hơi lo vì vào đây tiếp xúc với toàn là luật sư, bác sĩ, trí thức... mà mình từ miền bắc vào, trông nhà quê lắm. Nhưng sau một thời gian học hỏi, thích nghi, tôi thấy bọn họ cũng không hơn gì mình, cả về kiến thức, về nghiệp vụ... Từ đó tôi thấy tự tin hơn”. Ông làm việc tận tụy, chu đáo, mẫn cán để tạo lòng tin cho Trần Kim Tuyền.

Vừa thể hiện “tính chuyên nghiệp” trong công việc hàng ngày, ông vừa nhanh chóng tìm hiểu để biết rõ những cái mạnh và cái yếu của cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống, ngoài chức năng, nhiệm vụ và các thủ đoạn của nó. Ông kể : “Năm 1956, Mỹ cấp cho Sở Nghiên cứu chính trị xã hội (Phòng 4) 50 triệu đồng (tiền Sài Gòn lúc đó) để tổ chức biệt kích đánh phá miền Bắc. Biệt kích thì chọn những người công giáo di cư, hầu hết là người Bùi Chu-Phát Diệm để người Mỹ huấn luyện. Còn số tiền đó thì dùng để mua một chiếc tàu viển dương loại tốt. Nhưng, bác sĩ Tuyền lại quan tâm đến việc khác nhiều hơn, nên ông ta đã dùng 30 triệu dùng để chi cho công việc của Đảng Cần Lao và củng cố Tổng liên đoàn lao động của Bùi Lượng để chống lại Tổng liên đoàn lao công của Trần Quốc Bửu do Mỹ khống chế. Số tiền còn lại đi mua tàu, bị Phòng 4 ăn bớt một ít, người đi mua ăn bớt một ít nữa, nên chỉ mua được một chiếc tàu cũ nát không ra gì. Sau chương trình đó, Mỹ vẫn nhận được tin tức về miền Bắc, nhưng dùng một cái người Mỹ sinh nghi. Bởi họ kiểm tra những tin tức đó, thấy không phải gửi trực tiếp từ Hà Nội mà lấy từ người của Trần Kim Tuyền ở Lào và Campuchia. Năm 1958, người Mỹ yêu cầu kiểm soát chương trình này. Để đối phó, Trần Kim Tuyền tạo sự cố cho tàu nổ luôn ngoài khơi, cho phép thuyền trưởng và thuyền phó nhảy trước khỏi tàu để thoát nạn”. Đó là một trong những câu chuyện cho thấy chính quyền Ngô Đình Diệm và bản thân Trần Kim Tuyền nhận viện trợ của Mỹ mà bắt đầu “qua mặt” người Mỹ như thế nào. Những việc đại loại như thế ông đều theo dõi kỹ, để “biết địch, biết ta”.

Năm 1956, địch bắt đầu đánh phá ác liệt các “cơ sở nằm vùng của Việt cộng”. Người chỉ huy trực tiếp của ông là ông Ba Hội cũng bị bắt. Trong bối cảnh đó, Trần Kim Tuyền bất ngờ giao cho ông thực hiện một kế hoạch đặc biệt. Đó là một vụ án cực kỳ quan trọng mà đích thân Ngô Đình Nhu phải chỉ đạo trực tiếp và theo dõi từng ngày một. Còn đối với ông, đây là một công việc vô cùng gay cấp...

Giải cứu ông Nguyễn Văn Linh và 9 đặc khu ủy viên SG-GĐ

Ông Ba Quốc kể: "Chuyện là như thế này. Một đặc khu ủy viên Sài Gòn - Gia Định đang hoạt động ở nội thành tên Huỳnh Kim Hiệp, là một tên phản bội, làm tay sai cho địch. Nghề nghiệp công khai của hắn là thư ký bưu điện. Hiệp đã nhiều lần đến Sở Nghiên cứu chính trị của Trần Kim Tuyền báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức cách mạng ở Sài Gòn. Trần Kim Tuyền giao cho tôi phụ trách vụ này.

Tôi được giao quản lý, khai thác Huỳnh Kim Hiệp. Hiệp trực tiếp báo cáo tình hình hằng ngày cho tôi, tôi trả lương cho hắn mỗi tháng 1.000 đồng. Trần Kim Tuyền cũng giao cho tôi 2 đội ngoại tuyến

để theo dõi toàn bộ hoạt động của Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Hiệp báo tất cả danh sách đặc khu ủy, gồm bí thư và 9 đặc khu ủy viên, nơi ở và các hoạt động hằng ngày của họ. Tôi dùng 2 đội ngoại tuyến đi trinh sát theo dõi mọi hoạt động của đặc khu ủy. Đây là một vụ án đặc biệt, nên Ngô Đình Nhu trực tiếp theo dõi. Tôi phải làm báo cáo mọi diễn biến hằng ngày của từng thành viên đặc khu ủy trình lên Trần Kim Tuyến hoặc Phó giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị xã hội Hoàng Ngọc Diệp để những người này báo cáo lên Ngô Đình Nhu...".

Đây quả là một vụ hết sức cam go. Chúng tôi hỏi: "Những người trong đặc khu ủy lúc đó đang ở đâu?". Ông Quốc nói: "Ở trong nội thành Sài Gòn cả. Bí thư tên là Trình Văn Thanh, làm nghề sửa radio ở tiệm radio Nguyễn Văn Ba trên đường Nguyễn Trãi, còn 9 ông kia mỗi ông làm việc và ở mỗi nơi khác nhau, rải rác trong thành phố. Thông qua các đội ngoại tuyến tôi nắm chắc hết, cả lý lịch, hình ảnh, quy luật hoạt động...". "Ông có báo cáo lên cấp trên không?". "Làm sao mà báo được. Không thể báo tin này về tổ chức của mình được, vì trước hết anh Ba Hội, người chỉ huy của tôi đã bị bắt, tôi không biết liên lạc với ai. Thứ nữa là địch theo dõi vụ này rất chặt, theo dõi từng chút một, tôi không thể và không có thì giờ tìm cách liên lạc, mà nếu tìm cách báo được thì chắc chắn mấy ông này đã bị bắt hết rồi. Vì vậy tôi phải tùy cơ ứng biến... Suốt trong thời gian theo dõi, tôi luôn luôn nghĩ cách tốt nhất để cứu những người này, nhưng tôi hoạt động đơn thương độc mã, nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra cách. Nếu để lộ thì tôi sẽ mất mạng. Mạng sống của tôi là chuyện nhỏ, nhưng vấn đề là nếu tôi bị lộ thì chắc chắn những người kia sẽ bị tóm gọn, đó là chuyện lớn hơn nhiều...".

Giữa lúc cam go đó thì có một sự cố xảy ra, cũng hết sức nguy hiểm. Ông nhớ lại: "Khi tôi đang theo dõi vụ này thì có một công văn bên Tổng nha Cảnh sát gửi sang Sở Nghiên cứu chính trị xã hội, kèm theo lệnh truy bắt một người có tên là Thọ...". "Thọ là ai vậy?". "Thọ là tôi chứ còn ai vào đây nữa... Câu chuyện là như thế này. Khi anh Ba Hội liên lạc với tôi trước đó, thỉnh thoảng chúng tôi có đến nhà một người tên là Tài Luy. Tài Luy làm tài xế bên Bộ Tư pháp. Những lần gặp Tài Luy, anh Ba Hội gọi tên tôi là Thọ. Lúc anh Ba Hội bị bắt thì Tài Luy cũng bị bắt luôn. Anh Ba Hội bị địch tra tấn vô cùng tàn bạo, nhưng anh vẫn kiên trung bất khuất, không những không khai báo mà còn không để lộ bất cứ một dấu hiệu nào để địch có thể lần ra dấu tích của đồng đội. Đó cũng là niềm khích lệ rất lớn đối với tôi trong suốt cả đời hoạt động tình báo của mình. Nhưng Tài Luy thì khác. Anh ta đã khai ra tôi. Anh ấy khai người mang tên Thọ làm ở Tổng nha Cảnh sát kèm theo bản mô tả hình dáng, đúng là tôi. Tài Luy chỉ biết tôi tên là Thọ thôi, không biết tên khác. Bên tổng nha điều tra, căn cứ vào hình dáng, cũng nghi vấn, nên gửi công văn yêu cầu truy bắt...". "Lúc đó ông đối phó như thế nào?". Ông kể tiếp: "Công văn đó gửi cho văn phòng, văn phòng đưa trực tiếp cho Trần Kim Tuyến. Bác sĩ Tuyến giao hồ sơ đó cho tôi, bảo rằng: Anh điều tra xem đó là thằng nào? Tôi bảo: Vâng...". "Rồi ông làm thế nào?". Ông cười: "Tôi giao việc đó cho Phòng 1 của Sở Nghiên cứu chính trị, ém luôn bản mô tả về hình dáng, bảo họ điều tra có ai tên là Thọ từ tổng nha chuyển sang không. Sau khi thẩm tra hồ sơ,

Phòng 1 bảo không có ai tên là Thọ từ tổng nha chuyển sang cả. Tôi báo lại cho Trần Kim Tuyền. Bác sĩ Tuyền cũng tin như vậy, không yêu cầu điều tra thêm. Thế là tôi thoát nạn. Thật hứ hồn...".

Trở lại vụ đặc khu ủy. Ông kể tiếp: "Sau 3 tháng theo dõi vụ án, Ngô Đình Nhu đột nhiên quyết định phá án. Kế hoạch hốt gọn đặc khu ủy được giao cho Giám đốc An ninh quân đội Nguyễn Văn Thảng. Tôi có nhiệm vụ theo dõi. Tôi phải bàn giao toàn bộ hồ sơ, nhân dạng, địa điểm... của toàn bộ các thành viên đặc khu ủy cho đại úy Nguyễn Văn Thảng để lực lượng An ninh quân đội tiến hành bắt. Kế hoạch phá án hết sức chặt chẽ và bí mật hoàn toàn. Đến nước này thì tôi đành phải liều...".

Trước tình huống này, đúng là ông phải liều, không có cách nào khác. "Ông liều như thế nào?", chúng tôi hỏi. Ông kể: "Tôi phải bàn giao cho Giám đốc An ninh quân đội từng người một, bàn giao một cách cụ thể tên tuổi, địa chỉ, nhân dạng, anh này là bí thư, anh kia là đặc khu ủy viên... để nó bắt. Theo kế hoạch là ngày thứ Hai phải bắt. Tôi tính toán phải liều cứu cho được những người này, nên tôi bàn giao cho đại úy Thảng vào ngày thứ Sáu tuần trước. Đại úy Thảng và người của anh ta có 3 ngày để theo dõi, nghiên cứu địa hình ở tất cả những nơi có người của đặc khu ủy. Trong thời gian đó tôi cũng sẽ kịp thực hiện kế hoạch của tôi".

"Ông có kế hoạch gì vậy?". Ông cười: "Kế hoạch là như thế này. Khi bàn giao xong đầu vào đó, tôi đến ngay tiệm radio Nguyễn Văn Ba trên đường Nguyễn Trãi, nơi ông Trình Văn Thanh đang làm nghề công khai. Tôi phải đến ngay lúc người của tôi đã chấm dứt việc theo dõi và người của đại úy Thảng chưa kịp triển khai kế hoạch theo dõi, như vậy mới bảo đảm an toàn. Lúc tôi đến, tôi thấy ông Thanh đang sửa radio bên trong. Tôi đã nhìn kỹ ảnh của ông nên biết ngay đây là Bí thư Đặc khu ủy. Tưởng tôi là khách hàng, ông hỏi tôi cần gì. Tôi không trả lời mà tranh thủ nói nhanh với ông: Thảng Huỳnh Kim Hiệp đã phản bội. Sáng thứ Hai anh và toàn bộ người của anh sẽ bị chúng bắt hết. Nói xong tôi đi ngay. Ra đường tôi ngoảnh lại thì thấy ông Thanh vẫn còn ngẩn người nhìn theo...".

"Báo được tin cho ông Trình Văn Thanh ông còn lo lắng không?". "Tôi vừa yên tâm vừa lo lắng. Yên tâm là vì tôi biết nhận được tin đó ông Thanh và những người trong đặc khu ủy sẽ có cách thoát nạn. Tuy họ hoàn toàn không biết tôi là ai, nhưng chỉ riêng việc tôi báo cho họ tin đó thì họ phải biết là họ đã bị lộ, họ đang gặp nguy hiểm. Còn lo thì tất nhiên rồi. Khi kế hoạch phá án của Ngô Đình Nhu không thành công, chúng sẽ truy thông tin lộ từ đâu...". Nhưng đó là chuyện sau này.

Và sau đây là việc "phá án". Ông kể tiếp: "Sau 3 ngày theo dõi, sáng thứ Hai bọn chúng thực hiện việc bắt người. Từng nhóm được khai đến các địa điểm khác nhau. Nguyễn Văn Thảng dẫn một toán lính đến bắt ông Trình Văn Thanh. Tôi cùng đi với Thảng để theo dõi. Hai chiếc xe Jeep đậu núp sau hàng cây xé cửa tiệm Radio Nguyễn Văn Ba và 5 chiếc mô tô núp quanh đó chờ đợi. Mục đích của chúng là bắt cóc ông Thanh ngay trên đường để tránh "bứt dây động rừng". Lúc đó tôi rất hồi hộp, nhưng tất nhiên vẫn giữ được khuôn mặt bình thản. Đúng 7h30, tôi thấy ông Thanh lù lù dắt chiếc xe gắn máy từ tiệm Radio lên đường Nguyễn Trãi. Tôi hơi hốt hoảng, bụng bảo dạ: Thôi chết rồi, mình

đã nói rõ như thế mà cha này tự dẫn thân vào miệng cọp. Nhưng một thoáng sau tôi lại nghĩ : Chắc là cha này kiêu. Nếu vậy thì cha này sẽ có cách... Tôi dán mắt vào ông Thanh quan sát. Tôi thấy ông chống chân xe máy lên, đạp cho nổ máy. Cùng lúc đó hai chiếc xe Jeep và 5 chiếc mô tô cũng nổ máy. Ông cho xe nổ máy xong, nhìn lại phía sau nhếch mép cười, rồi chạy thẳng. Khi nhìn ông Thanh nhếch mép cười, tôi nghĩ : chà chà... chắc là cha này có âm mưu gì rồi. Lập tức hai chiếc xe Jeep và toán mô tô của an ninh quân đội rượt theo. Tim tôi như đứng lại mặc dù tôi vẫn giữ vẻ bên ngoài hoàn toàn bình tĩnh. Ông Thanh chạy được một đoạn, đến chợ An Đông, loáng một cái ông nhắc xe lên vỉa hè. Hai chiếc xe Jeep và toán mô tô cứ thế rượt tới, thắng không kịp, lao ngay vào mấy chiếc xích lô. Lập tức, mấy anh xích lô và một đám đông dân chúng chặn xe của bọn an ninh quân đội lại, đòi bắt đền. Thừa cơ, ông Trình Văn Thanh chạy vào chợ An Đông trốn mất...”. “Còn 9 người kia thì sao ?”. “9 người kia cũng trốn luôn, chúng không bắt được ai cả. Vụ này tôi thấy lý thú quá”.

“Sau đó thì việc gì diễn ra ?”. “Để sống những người kia, Ngô Đình Nhu lòng lộn lên. Sự việc nghiêm trọng tới mức Nguyễn Văn Thắng bị mất chức Giám đốc An ninh quân đội. Còn tôi thì vô can. Vì tôi đã bàn giao toàn bộ cho An ninh quân đội, không còn trách nhiệm gì nữa”.

“Ông có biết Trình Văn Thanh là ai không ?”. “Không. Tôi chỉ biết ông ấy là Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn-Gia Định lúc đó. Sau này tôi mới nghe nói đó là ông Nguyễn Văn Linh”. Chúng tôi giở lại lịch sử Đảng, thấy quả đúng là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn-Gia Định vào năm 1955-1957, là thời gian diễn ra sự kiện này.

Chúng tôi thắc mắc : “Lúc đó ông đã bàn giao toàn bộ công việc cho An ninh quân đội nên về nguyên tắc thì ông không chịu trách nhiệm gì, nhưng Trần Kim Tuyền có nghi ngờ gì ông không ?”. Ông nói : “Trần Kim Tuyền không tỏ ra có chút nghi ngờ nào. Ngay sau vụ đó, bác sĩ Tuyền giao cho tôi 2 nhiệm vụ hết sức nguy hiểm : Âm sát ông hoàng Norodom Shihanouk và bắt 3 lãnh tụ Hòa Hảo...”.

Một “sứ mạng” nguy hiểm

Lúc mới lên nắm quyền, anh em Ngô Đình Diệm đã bị các giáo phái võ trang Cao Đài, Hòa Hảo và quân Bình Xuyên gây rất nhiều khó khăn. Các nhóm võ trang này trước đây được người Pháp hậu thuẫn, khi người Pháp rút khỏi Việt Nam, họ muốn lập các "lãnh địa", không phục tùng chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đẹp cho được lực lượng võ trang của các giáo phái là một trong những mục tiêu trước mắt của họ Ngô.

Phật giáo Hòa Hảo là một giáo phái có lực lượng vũ trang hùng hậu ở miền Tây Nam Bộ lúc đó. Liên tục trong những năm 1955-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đã phải mở nhiều chiến dịch truy quét, đồng thời dùng các thủ đoạn để vô hiệu hóa những người cầm đầu, nhằm dẹp cho được lực lượng này.

Trở lại công việc của ông Ba Quốc. Ông được bác sĩ Trần Kim Tuyền giao đi bắt cho bằng được

Trịnh Quốc Khánh, một trong các lãnh tụ "Hòa Hảo dân xã" (cùng 2 người nữa là Sỹ Thanh và Văn Phúc). Trần Kim Tuyền nói rằng, nhân vụ lụt ở miền Tây năm 1956, Mỹ có ý định đưa thủy quân lục chiến xuống, danh nghĩa là cứu lụt, để "nắm" quân đội Hòa Hảo. Lại có tin Mỹ sắp đưa Huỳnh Văn Nhứt, em của Huỳnh Phú Sổ (lãnh tụ Hòa Hảo, đã chết) về thay vị trí của Huỳnh Phú Sổ. Như đã nói, anh em Ngô Đình Diệm được người Mỹ "dựng" lên, nhưng lại không muốn người Mỹ "xía" sâu vào nội bộ chính quyền. Biết tin đó Ngô Đình Nhu rất sốt ruột, giục Trần Kim Tuyền sớm "ra tay". Ngô Đình Nhu đã trực tiếp viết thư cho Trịnh Quốc Khánh, mời Khánh về Sài Gòn "để dàn xếp thống nhất lực lượng Hòa Hảo với quân đội quốc gia". Thực chất là lừa để bắt Khánh. Nhưng Khánh vẫn nhận lời.

"Sứ mạng" của ông là xuống "mời" Khánh về. Nhưng đây là một "sứ mạng" cực kỳ nguy hiểm. Ông nhớ lại trước đây Nguyễn Ngọc Thơ, tỉnh trưởng Cần Thơ, cũng mời Ba Cụt (Lê Quang Vinh, một trong những người chỉ huy quân sự Hòa Hảo) về tỉnh, với danh nghĩa là mời ra thương thuyết, nhưng rồi bắt Ba Cụt và giết đi. Lần này làm sao mà Trịnh Quốc Khánh có thể tin Ngô Đình Nhu được? Mà Khánh đã không tin Ngô Đình Nhu thì lấy gì đảm bảo rằng Khánh không giết ông? Bởi vậy chuyến đi lần này chết nhiều hơn sống.

Ông kể: "Tôi đi mang theo 3 người, dùng 2 chiếc traction. Đến An Giang, chúng tôi tới Tổ đình nghỉ ngơi, rồi gặp Trịnh Quốc Khánh. Tôi nói lại với Khánh bức thư của Ngô Đình Nhu và bảo rằng tôi được Nhu cử đến mời Khánh về Sài Gòn. Khánh bảo ông ta sẽ đi với tôi về Sài Gòn. Sau đó tôi được Khánh cùng các bô lão Hòa Hảo khoản đãi rất trịnh trọng ngay trong Tổ đình. Tôi tranh thủ gặp riêng Khánh và nói thẳng: Một bên thì rắp tâm muốn bắt, một bên thì nằm im chờ thời cơ. Tôi đến đây là theo lệnh của ông Nhu, nhưng về phía cá nhân thì tôi rất có cảm tình với các ông. Ông hãy nhớ rằng không bao giờ có sự phối hợp giữa quân đội của các ông với quân đội của chính phủ cả. Vì vậy tôi khuyên ông không nên về... Khánh không nghe tôi, ông ta nói: Thôi được rồi, không sao đâu, ông yên tâm đi...".

"Khuyên như vậy ông không sợ à? Biết đâu Khánh sẽ báo lại với Ngô Đình Nhu chuyện đó...", chúng tôi hỏi. "Tất nhiên là tôi sợ chứ. Nhưng trong tình thế đó mình phải phá chúng nó. Mà phá chúng nó thì phải chấp nhận nguy hiểm thôi. Tôi vào trong lòng địch, tôi phải thực hiện mấy nguyên tắc...". Ông nói lại các "chức năng" của người làm tình báo mà ông được giao khi mới nhận nhiệm vụ, trong đó có việc "kích động và khai thác mâu thuẫn nội bộ địch".

Ông kể tiếp: "Sáng hôm sau tôi đưa Khánh về Sài Gòn. Tôi đi một xe, Khánh đi một xe, xe của Khánh đi trước, xe của tôi đi sau. Khánh yêu cầu xe ông ta đi để tài xế của ông ta lái, tôi đồng ý. Tôi đã đề phòng trước nên bảo tài xế chạy tốc độ tối đa 70 km/giờ. Nhưng không ngờ lúc vừa ra khỏi thị xã thì đột nhiên xe của Khánh tăng tốc độ, nó chạy vùn vụt tới hơn 100 km/giờ, xe tôi không đuổi kịp. Tôi thầm nghĩ: Chắc cha này mưu đồ trốn đây. Xe của tôi rượt theo, mấy lần suýt lộn nhào mỗi lần qua

cầu. Đến bắc Mỹ Thuận thì đuối kíp, tôi lệnh cho người của tôi còng tay Khánh, đưa về Sài Gòn, đem giam ở trại giam Gia Định".

"Ông khuyên Khánh đừng về, tại sao ông lại bắt Khánh?". Ông bảo khi Khánh ở trong "căn cứ" của mình mà không đi thì ông không sao, nhưng đã dẫn đi trên đường mà chạy trốn thì ông sẽ "lãnh đủ".

"Sự việc sau đó diễn biến như thế nào?". "Ngô Đình Nhu rất hài lòng về việc này. Còn Trịnh Quốc Khánh thì rất biết ơn tôi, vì tôi có thiện chí. Tôi bảo với ông ta rằng tôi rất tiếc khi phải hành động như vậy với ông ta, vì tôi không còn cách nào khác. Khánh nói thật là ông ta nhận lời về Sài Gòn là chỉ mượn đường chạy thôi, ông ta biết rõ Ngô Đình Nhu không chỉ muốn bắt ông ta mà còn muốn bắt cả ông Văn Phúc và những lãnh tụ Hòa Hảo khác nữa". "Sau đó Trịnh Quốc Khánh bị xử lý như thế nào?". "Bị giam một thời gian". "Vì sao Ngô Đình Nhu không giết Khánh?". "Giết thế nào được. Giết thì sẽ sinh to chuyện. Hòa Hảo lúc đó là cả một hệ thống, có giáo dân, có quân đội. Giết Khánh, họ nổi loạn lên thì Ngô Đình Nhu lãnh đủ". Đối với lực lượng của Hòa Hảo, cuối cùng Ngô Đình Nhu cũng dẹp được, rồi sáp nhập lực lượng võ trang của giáo phái này vào "quân đội quốc gia".

Sau vụ đó, bác sĩ Trần Kim Tuyền giao cho ông sang Biệt khu thủ đô để "xem bọn tình báo Anh đang làm gì". Ông đi điều tra và báo cho bác sĩ Tuyền rằng họ đang triển khai một kế hoạch, gọi là "chiến dịch thần lằn" (operation Zecko), phái lực lượng biệt kích ra miền Bắc qua đường Tây Nguyên nhằm "lật đổ chế độ miền Bắc". Ông đề nghị với Trần Kim Tuyền: "Âm mưu của tình báo Anh là gây căng thẳng giữa hai miền. Trong tình hình này, việc gây căng thẳng là không cần thiết và rất nguy hiểm". Trần Kim Tuyền tán thành ý kiến của ông, báo với Ngô Đình Nhu lệnh cho Tổng trưởng sắc tộc Ibrahim dùng thủ đoạn triệt phá kế hoạch đó.

Cứu ông hoàng Norodom Sihanouk và xóa 7 ổ gián điệp Mỹ

Theo yêu cầu của Mỹ, Sở Nghiên cứu chính trị xã hội lúc đó lên kế hoạch ám sát ông hoàng Norodom Sihanouk. Cuộc ám sát hụt này sau đó đã được báo chí Phnom Penh và quốc tế loan tin và được coi là một trong những vụ mưu sát "nổi tiếng thế giới". Một quả bom được đặt trong gói quà gửi tặng Sihanouk đã nổ với sức công phá rất mạnh nhưng ông hoàng đã may mắn thoát chết. Ông Ba Quốc được Trần Kim Tuyền giao tham gia vụ này.

Để bạn đọc dễ theo dõi, chúng tôi xin nói qua một vài nét về bối cảnh chính trị lúc đó. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam giành được những thắng lợi vang dội, từ năm 1953, Pháp buộc phải đàm phán với Sihanouk và thừa nhận nền độc lập của Campuchia, nhưng thực tế vẫn còn khống chế nước này. Và cho đến khi thất bại ở Điện Biên Phủ, ách thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương mới chấm dứt. Tại Hội nghị Genève, Campuchia giành được thắng lợi trọn vẹn, không bị chia cắt như Việt Nam. Hội nghị Genève quy định Campuchia giữ nghiêm thể trung lập. Xây dựng Campuchia thành một nước trung lập lâu dài cũng là mục tiêu của Hoàng thân Norodom Sihanouk. Ông muốn biến Campuchia thành một "Thụy Sĩ của châu Á". Do những quy định của Hiệp định Genève về

Campuchia hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của mình nên Hoàng thân Sihanouk rất phấn khích và kiên quyết thi hành đường lối trung lập, không để cho Mỹ sử dụng đất Campuchia làm căn cứ xâm lược các nước khác. Bởi vậy Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm rất căm ghét Sihanouk. Mỹ không thuyết phục được Sihanouk, nên một mặt sử dụng viện trợ để lôi kéo các nghị sĩ Quốc hội và các quan chức, tướng lĩnh Campuchia, mặt khác tiếp tay cho chính quyền Sài Gòn đem quân xâm nhập miền Đông Bắc Campuchia, sâu tới 9 km. Hoàng thân Sihanouk yêu cầu Mỹ "khuyến bảo" Ngô Đình Diệm rút quân, nhưng Mỹ không nghe, lý do là Mỹ "không thể can thiệp vào cuộc tranh chấp giữa hai nước láng giềng". Quan hệ giữa Campuchia với Mỹ trở nên căng thẳng.

Dưới sự hậu thuẫn của CIA, Ngô Đình Nhu chỉ thị cho Ngô Trọng Hiếu cùng với cơ quan mật vụ của Trần Kim Tuyền thi hành một nhiệm vụ đặc biệt: Lật đổ Sihanouk. Trước đó, Ngô Đình Diệm sai Ngô Trọng Hiếu làm "thuyết khách", thuyết phục Sihanouk thay đổi chính sách trung lập "thân Cộng", đặc biệt là thay đổi quan hệ với "Bắc Việt Nam", nhưng Sihanouk từ chối. Vì vậy Nhu quyết định thực hiện âm mưu đảo chính lật đổ Sihanouk. Cơ quan mật vụ của Trần Kim Tuyền cùng Ngô Trọng Hiếu mua chuộc được viên tướng Khmer là Dap Chuon phối hợp thực hiện âm mưu này, nhưng cuộc đảo chính bị thất bại. Ngô Trọng Hiếu về lại Sài Gòn. Nhớ lại vụ này, Trần Văn Đôn, cựu trung tướng chế độ Sài Gòn viết trong một cuốn hồi ký: "Sau vụ đó, Sihanouk... ủng hộ Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng miền Nam chống lại Sài Gòn. Sihanouk cho quân Bắc Việt dùng lãnh thổ của mình ven biên giới để chuyên quân và vũ khí vào Nam, mỗi lần quân đội Việt Nam cộng hòa tảo thanh các chiến khu Việt Cộng thì quân Mặt trận Giải phóng rút lui qua bên biên giới Miên".

Âm mưu đảo chính bất thành, Ngô Đình Nhu bày tiếp âm mưu ám sát Sihanouk. Chỉ huy chiến dịch này là Hoàng Ngọc Điệp, Phó giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị xã hội. "Hoàng Ngọc Điệp đóng vai một ông chủ lớn từ Sài Gòn sang Phnom Penh ở tại một khách sạn sang trọng để chỉ đạo. Cùng đi với Điệp có một số người nữa do Điệp chọn. Tôi phải đi thuê một cô gái đóng vai vợ của Điệp", ông Ba Quốc nhớ lại. Kế hoạch là bố trí cho hai người Hoa từ Hồng Kông sang Campuchia, mang quà của người bạn thân của Sihanouk đến tặng cho ông hoàng. Bom được đặt trong món quà đó. Phương án được bố trí là đúng giờ Sihanouk nhận quà thì bom nổ. Ông Ba Quốc được giao các nhiệm vụ trọng yếu của kế hoạch này. Một mặt ông được giao liên hệ với hai người Hoa mang quà từ Hồng Kông và liên hệ với các nhân viên lễ tân để thống nhất thời gian tiếp khách. Mặt khác, ông lên biên giới Tây Ninh do cán bộ địa phương dẫn đường sang cột mốc 136 gặp người của tướng Dap Chuon để thống nhất kế hoạch đặt bom.

Còn nhớ, lúc đó Trần Kim Tuyền giao cho ông một lúc 2 nhiệm vụ: Ám sát Sihanouk và đi bắt Trịnh Quốc Khánh. Lợi dụng "nhiệm vụ kép" này, ông vừa cứu được ông hoàng Sihanouk vừa thoát nạn. Ông kể: "Khi thống nhất được thời gian tiếp khách của ông hoàng Sihanouk và kế hoạch đặt bom đâu vào đó, tôi bàn giao tất cả công việc lại cho đại úy Lưu Thành Hữu, người cùng đi với Hoàng

Ngọc Diệp. Tôi không sang Campuchia nữa, viện lý do phải đi bắt Trịnh Quốc Khánh cho kịp. Đó là lý do chính đáng, không ai nghi ngờ gì tôi, vì Ngô Đình Nhu cũng rất sốt ruột về vụ này".

"Sao ông hoàng Sihanouk không chết?", chúng tôi hỏi. Ông cười: "Tôi bố trí đặt bom lệch giờ, ví dụ: thời gian Sihanouk nhận quà là 10 giờ, tôi bảo người đặt bom cho nổ lúc 9 giờ". Cuối cùng thì bom có nổ không?". "Nổ hay không thì tôi không rõ, nhưng tất nhiên ông Sihanouk thì không chết. Khi về bọn chúng không nói gì, chỉ lắc đầu ngao ngán. Đại úy Lê Thành Hữu bị Bộ Nội vụ Campuchia bắt. Sau này Sài Gòn phải chuộc mất 7 triệu đồng (tiền Sài Gòn lúc đó) Hữu mới được thả về".

"Vì sao ông cứu ông Sihanouk?". "Tôi làm như vậy vì theo dõi đài tôi thấy ta có thái độ tốt với ông Sihanouk".

Thời gian này ông thâm nhập ngày càng sâu vào cơ quan mật vụ của địch. Ông đã phát hiện hồ sơ về 7 ổ gián điệp do Mỹ cài ở miền Bắc. Đó là những hồ sơ mang tên STAY BEHIND IN NORTH VIETNAM. Ông chụp ảnh tất cả những hồ sơ này và gửi về căn cứ. Chúng tôi hỏi ông Mười Nho về việc này. Ông Mười Nho nói: "Những thông tin anh Ba Quốc chuyển về được gửi ra Hà Nội, chuyển qua chỗ anh Trần Quốc Hoàn (Bộ trưởng Công an lúc đó), sau này ảnh còn gửi về hàng chục hồ sơ nữa. Các ổ gián điệp đó bị ta làm sạch hết. Đó là thành công lớn của chúng ta. Ta cài người vào trong các cơ quan của nó thì rất nhiều, còn Mỹ cài vào được bao nhiêu đều bị ta tóm sạch hết".

Sự vô dụng của máy phát hiện nói dối và cái hữu dụng của nghề... coi tướng số

Chế độ Ngô Đình Diệm ngày càng trở thành “độc tài gia đình trị”. Đến những năm 1959-1960, phong trào yêu nước của nhân dân ở cả nông thôn và thành thị dâng lên mạnh mẽ, bắt đầu cao trào Đồng khởi, chuyển cuộc đấu tranh chính trị thành đấu tranh vũ trang và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Chế độ Ngô Đình Diệm ngày càng trở thành “độc tài gia đình trị”. Đến những năm 1959-1960, phong trào yêu nước của nhân dân ở cả nông thôn và thành thị dâng lên mạnh mẽ, bắt đầu cao trào Đồng khởi, chuyển cuộc đấu tranh chính trị thành đấu tranh vũ trang và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Tại Sài Gòn, nội bộ chính quyền bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt. Những người chống đối chế độ bị đàn áp, Phật giáo bị kỳ thị... Trần Kim Tuyến, người cầm đầu cơ quan mật vụ, mặc dù có công rất lớn trong việc củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng bị Ngô Đình Cảnh tìm mọi cách loại bỏ. Bác sĩ Tuyến bắt đầu chán ghét gia đình họ Ngô. Ông ta không chỉ là trùm mật vụ mà còn có mưu đồ chính trị riêng.

Ông Ba Quốc kể: “Bác sĩ Tuyến không giấu tôi quan điểm chính trị của ông ta. Ông ta không tán thành chế độ gia đình trị và cho rằng Ngô Đình Nhu phạm nhiều sai lầm, đàn áp Phật giáo, không được lòng

dân. Ông ta giao cho tôi liên lạc với các lãnh tụ Phật giáo để phát động phong trào chống Diệm-Nhu và lên kế hoạch hoạt động lật đổ. Nhưng kế hoạch bị lộ, bác sĩ Tuyền bị chuyển đi làm đại sứ ở Le Caire (Ai Cập), không còn làm Giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị xã hội nữa, còn tôi được chuyển sang Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo. Tại đây, tôi và 2 người nữa bị đưa vào máy phát hiện nói dối, chúng muốn kiểm tra tôi có phải là người cách mạng cài vào không...”.

“Ông có... run không?”, chúng tôi hỏi. Ông nói: “Nghe nói vậy tôi run chứ. Tôi nghe những người ở đây nói về cái máy này tôi thấy ớn lạnh xương sống. Vào đó, tôi sẽ phải ngồi đối diện với một người Mỹ và một người phiên dịch, hai tay sẽ đặt lên một cái máy đo nhịp tim qua một sợi dây cặp vào cánh tay. Chúng nó bảo: Ông phải coi chừng, nếu ông mà có dính với cộng sản thì không thoát được đâu. Là vì nó sẽ hỏi đông dài, hỏi đông hỏi tây, rồi sẽ hỏi những vấn đề liên quan đến cộng sản, nếu ông là người của cộng sản thì tim ông sẽ đập không bình thường, như vậy ông sẽ... tiêu ngay. Nghe nói thế tôi hoảng quá”.

“Rồi ông đối phó bằng cách nào?”. Ông bảo tối hôm đó ông không ngủ được, tìm mãi cách để đối phó. Ông nghĩ đến các diễn viên điện ảnh hoặc diễn viên kịch người ta “nhập vai” như thế nào. Ông nhớ lại: “Đêm đó tôi tưởng tượng tâm lý của con một địa chủ gian ác bị cách mạng xử lý anh ta ghét cộng sản như thế nào. Rồi tôi nghĩ nếu tôi là anh ta tôi sẽ có thái độ như thế nào đối với cộng sản. Tôi thử nhập vai thành anh ta...”. “Phương pháp đó có hiệu quả không?”. “Khi vào máy phát hiện nói dối, chúng dựa vào bản khai lý lịch của tôi để hỏi. Tôi nhập được vai và giữ bình thần trong mọi tình huống. Chúng hỏi tôi 13 câu rồi cho qua, không hỏi nữa và tôi đã vượt qua được chiếc máy này. Có người bị hỏi nhiều hơn, nhưng cũng có người chỉ hỏi 4 câu đã bị loại, mặc dù anh ta là Công giáo toàn tòng, không dính dáng gì đến cộng sản. Vấn đề là anh phải giữ được tâm trạng bình thần trong mọi tình huống...”.

Ông kể tiếp: “Vào đây tôi được bồi dưỡng nghiệp vụ tình báo chống cách mạng và trở thành sĩ quan trợ lý cho Cục trưởng Cục Tình báo quốc nội Nguyễn Văn Giàu. Nguyễn Văn Giàu là thiếu tá. Đặc ủy trưởng Đặc ủy Trung ương tình báo lúc đó là Lê Liêm, trung tá. Nhưng Nguyễn Văn Giàu tỏ ra vẫn kỳ thị với tôi...”.

“Ông làm thế nào để được tin cậy?”. “Nếu bị kỳ thị thì tôi sẽ rất khó có điều kiện hoạt động cho hiệu quả, nên tôi phải tìm cách để lấy lòng tin của họ. Vì vậy tôi phải tiếp cận Đặc ủy trưởng Lê Liêm. Để có cơ tiếp cận, tôi phải khai thác cho được những thông tin mà Lê Liêm quan tâm. Một buổi sáng, tôi đến nhà Lê Liêm, ngồi ở phòng khách đợi ông ta. Ông ta từ trên lầu đi xuống, đi qua phòng khách nhưng không thèm nhìn tôi mà đi thẳng. Vợ ông ta cũng từ trên lầu đi xuống. Trông thấy tôi bà ta nghĩ

tôi là người chuyên... dặt gài cho Lê Liêm, nên phun ra một tràng lời lẽ chửi mắng hết sức thậm tệ. Nghe những lời xia xói của bà ta, tôi vẫn bình tĩnh không nói gì. Tôi nghĩ ra một cách. Tôi nhìn bà ta từ đầu đến chân, mồm tôi lẩm bẩm như nói một mình. Bà ta nhìn tôi ngạc nhiên, rồi lập tức điệu giọng hỏi: Anh biết tướng số hả? Tôi biết cá đã cắn câu, nên ra vẻ khiêm tốn: Thưa bà, tôi cũng biết chút đỉnh. Bà ta ngồi xuống ghế, rất vui vẻ: Anh thấy tướng của tôi có gì lạ? Tôi làm ra vẻ rất quan trọng: Tôi nhìn bà mà bị cuốn hút. Vì tướng của bà rất lạ, rất đặc biệt. Đó là tướng của một bậc mệnh phụ phu nhân. Ông nhà sớ dĩ được như ngày nay là nhờ tướng của bà. Nhưng không dừng lại ở đó, với tướng của bà, ông nhà sẽ còn tiến xa hơn nữa... Tôi có đọc qua một số sách vở về tướng số nên phân tích một hồi, làm bà ta hết sức phấn khích. Cuối cùng, bà ta hỏi: Anh đến đây có việc gì? Tôi nói: Tôi có việc rất quan trọng cần báo với Đặc ủy trưởng. Bà ta bảo: Sáng mai anh lại đây.

Sáng hôm sau tôi lại. Tôi rất ngạc nhiên, cả hai vợ chồng Lê Liêm ngồi đợi tôi, thái độ rất vồn vã. Khi tôi ngồi xuống, bà vợ nói mấy câu rồi đứng dậy lên lầu, để tôi ngồi nói chuyện với Lê Liêm. Lê Liêm cũng hỏi thăm tôi rất tử tế. Tôi nói với ông ta tôi ở chỗ thiếu tá Nguyễn Văn Giàu, tôi được tin người Mỹ âm mưu lật đổ chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm nhưng vì thiếu tá Giàu tỏ ra kỳ thị với tôi nên tôi không biết báo với ai. Lê Liêm nói: Tôi sẽ bảo với thiếu tá Giàu là anh làm việc riêng cho tôi. Còn những tin tức quan trọng anh nắm được anh cứ bỏ phong bì dán kín lại gửi riêng cho tôi. Thông tin về âm mưu của Mỹ tôi lấy từ những nhân vật đối lập, lúc này tôi đã thiết lập rất nhiều quan hệ với họ, trong đó có luật sư Trần Văn Tuyên. Thông tin cung cấp cho Lê Liêm tôi lấy chủ yếu từ luật sư Tuyên. Kể từ sau hôm đó, Nguyễn Văn Giàu kiêng nể tôi một phép, tôi được tự do ra vào phòng làm việc riêng của Cục trưởng tình báo quốc nội. Tôi đã lợi dụng ngay mọi thời cơ để thâm nhập vào nơi cơ mật của bọn họ. Một hôm, tôi vào phòng làm việc của Nguyễn Văn Giàu, lúc đó ông ta đã đi ra ngoài, tôi đã phát hiện và chụp ảnh toàn bộ hồ sơ những cán bộ của ta làm gián điệp cho địch, đó là 1 bí thư tỉnh ủy, 2 tỉnh ủy viên và 1 cán bộ chỉ huy quân đội hàm cấp tá...".

Kích động đảo chính

Trong một cuốn hồi ký xuất bản ở nước ngoài, ông Nguyễn Cao Kỳ, cựu Phó tổng thống chế độ Sài Gòn cũ có kể về cuộc đảo chính tháng 10/1960. Ông Kỳ viết: "Cuộc đảo chính do đại tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu, một sĩ quan của quân nhảy dù mà doanh trại nằm bên cạnh căn cứ không quân do tôi chỉ huy.."

Ông Kỳ viết tiếp: "Sáng sớm tinh sương ngày 11/11/1960, 3 tiểu đoàn nhảy dù của ông ta chiếm phần lớn các vị trí then chốt ở Sài Gòn, kể cả căn cứ không quân, làm tôi trở thành người tù của họ. Chính lúc bấy giờ Thi đã phạm phải một sai lầm tai hại. Cuộc tiến công sơ khởi không bao giờ được tiếp diễn nữa vì chiều ngày hôm ấy Diệm đã hứa với Thi là ông ta sẽ từ chức và để cho Thi thành lập

một chính phủ “đoàn kết quốc gia”.

Đối với Thi điều đó có vẻ như là chiến thắng hoàn toàn và sáng hôm sau, Thi công bố kế hoạch của ông trên đài phát thanh do ông kiểm soát. Cùng lúc đó - chắc là do đề nghị của Nhu, con người xảo quyệt - Diệm âm thầm đưa quân trung thành từ phía bắc và phía nam vào thủ đô. Ngay trước khi Thi ý thức được điều gì đang xảy ra thì các lực lượng của Diệm đã chiếm lại được nhiều vị trí then chốt ở Sài Gòn. Cuộc đảo chính đã tan vỡ”.

Còn ông Trần Văn Đôn, cựu trung tướng chế độ Sài Gòn cũ, cũng trong một cuốn hồi ký xuất bản ở nước ngoài đã miêu tả khá sinh động về cuộc đảo chính này. Ông Đôn viết: “Sáng ra tôi đến nhà gia đình vợ tôi ở Chợ Lớn theo dõi tin tức trên đài phát thanh, khoảng 10 giờ tôi nghe tiếng đại tá Nguyễn Chánh Thi kể tội gia đình nhà Ngô... Nghe đại tá Thi lãnh đạo cuộc đảo chánh, tôi hơi ngạc nhiên vì tôi biết ông Diệm cung quý ông Thi lắm...”. Ông Đôn còn cho biết, chỉ huy cuộc đảo chính này còn có trung tá Vương Văn Đông và trung tá Nguyễn Triệu Hồng, hai người này là anh em bạn rể.

Cũng theo ông Đôn: Quân nhảy dù đã vô được hàng rào của dinh Độc lập, còn cách 50 mét nữa là xâm nhập vô dinh. Lúc đó ông Diệm và ông Nhu lo sợ. Ông Diệm ký ngay sắc lệnh cử thiếu tướng Nguyễn Khánh làm Tổng tư lệnh toàn quyền vì ông Khánh đang có mặt trong dinh. Tình hình nguy ngập, họ định nhượng bộ quân đảo chánh. Bà Trần Lệ Xuân (vợ Ngô Đình Nhu) không chịu, bà ta đòi chống cự. Nguyễn Khánh tức giận nói: “Nếu bà chỉ huy, thì tôi xin rút lui. Bà rút lui tôi mới chỉ huy”. Ngô Đình Diệm phải dàn xếp, nói với bà Nhu: “Thôi bà mệt, bà vô nghỉ đi, để chúng tôi lo...”. Quân nhảy dù ở ngoài không tiến thêm, vì lúc đó ông Võ Văn Hải, Chánh văn phòng đặc biệt đã đề nghị Ngô Đình Diệm bảo Nguyễn Khánh ra nói chuyện với quân đảo chánh. Nguyễn Khánh ra gặp trung tá Vương Văn Đông. Khánh hỏi: “Mấy anh muốn gì?”. Vương Văn Đông trả lời: “Chúng tôi muốn thay đổi chánh phủ, chánh phủ hiện tại làm việc không hữu hiệu...”. Khánh vào trình lại với Ngô Đình Diệm. Hai anh em ông Diệm bàn với nhau rồi đồng ý chấp thuận. Khoảng 4 giờ chiều, ông Diệm tuyên bố qua đài phát thanh giải tán chính phủ... Trong lúc đó, Nguyễn Khánh đề nghị với ông Diệm gọi điện thoại đến đại tá Trần Thiện Khiêm - chỉ huy trưởng Sư đoàn 21 đóng tại Cần Thơ, phối hợp với đơn vị thiết giáp do thiếu tá Lý Tòng Bá chỉ huy đang đóng ở Mỹ Tho lên giải cứu Dinh Độc lập...

Ông Đôn cũng kể rằng, đến buổi chiều ngày 12/11, các sĩ quan làm đảo chính biết mình đã thua, để rút lui cho chắc chắn, họ đến bắt trung tướng Thái Quang Hoàng, tư lệnh biệt khu thủ đô đem ra phi trường Tân Sơn Nhất đưa lên phi cơ C-47 Dakota bay sang Campuchia. Nguyễn Khánh ra lệnh cho hai máy bay khu trục bay theo “xem họ đi đâu”. Hai khu trục bắt kịp chiếc C-47 Dakota đang tới biên giới Campuchia, gọi về xin chỉ thị. Đứng bên cạnh nghe thấy, bà Nhu la lên: “Hạ chiếc máy bay đó, giết hết tụi nhảy dù phản nghịch đó”. Nguyễn Khánh bực mình: “Tôi là tổng tư lệnh ở đây, quyền là của tôi”. Rồi Nguyễn Khánh ra lệnh cho hai máy bay khu trục bay về. Thuật lại chuyện đó, ông Đôn cho rằng sở dĩ Nguyễn Khánh không cho bắn hạ chiếc máy bay vì muốn chứng tỏ rằng "mình có quyền quyết định".

Về vai trò thực sự của đại tá Nguyễn Chánh Thi trong cuộc đảo chính này, ông Đôn viết: “Theo phúc trình sau này cho thấy nhóm chủ trương đảo chính đến nhà trung tá Ngô Xuân Soạn kêu gọi tham gia đảo chính, trung tá Soạn không chịu nên bị giết. Nhóm này đến nhà mời mọc Nguyễn Chánh Thi nhập cuộc và đưa ông Thi đến Dinh Độc lập. Lúc này dân chúng và sinh viên học sinh tụ tập rất đông, khi thấy Nguyễn Chánh Thi và các sĩ quan đến, họ hoan nghênh nhiệt liệt, Nguyễn Chánh Thi cũng đưa tay hoan nghênh theo”.

Trên đây là những tư liệu sơ lược về cuộc đảo chính ngày 11/10/1960. Người cầm đầu thực chất của cuộc đảo chính không phải là Nguyễn Chánh Thi mà là Vương Văn Đông, lúc đó là chỉ huy quân dù ở Sài Gòn. Vì sao Vương Văn Đông tiến hành đảo chính ? Trong vụ này có bàn tay của ông Ba Quốc. Lúc đó ông vẫn còn làm việc ở Sở Nghiên cứu chính trị xã hội của Trần Kim Tuyến.

Ông Ba Quốc kể: “Sau khi làm tổng thống, cũng cố được chính quyền, Ngô Đình Diệm bắt đầu thay dần số sĩ quan do Pháp đào tạo bằng các sĩ quan do Mỹ đào tạo. Biết rõ điều đó, tôi phải tìm cách kích động số sĩ quan do Pháp đào tạo chống lại Diệm. Tôi đến gặp ông Lê Thanh Cảnh, nguyên là Chánh văn phòng của Bảo Đại khéo léo nói rõ chuyện đó cho ông ta biết. Ông Cảnh bảo tôi đến gặp Vương Văn Bách, anh ruột của trung tá Vương Văn Đông, lúc đó đang chỉ huy lực lượng dù ở Sài Gòn. Vương Văn Đông là sĩ quan do Pháp đào tạo. Nhân vụ đại úy Không Le làm đảo chính ở Lào, tôi lại đến kích động Vương Văn Bách, tôi nói anh em Ngô Đình Diệm dự kiến sẽ thay hết các sĩ quan do Pháp đào tạo và nói lại ý kiến của ông Lê Thanh Cảnh. Vì tôi là người trong cơ quan mật vụ Phủ tổng thống nên thông tin này rất quan trọng đối với anh em Vương Văn Bách. Vương Văn Đông vốn đã bất mãn với anh em Ngô Đình Diệm, đặc biệt là Ngô Đình Cẩn, không những không cất nhắc mà còn kỳ thị với mình. Nay biết tin đó, Đông càng trở nên tức tối. Chỉ một tuần sau, Vương Văn Đông sẵn có quân trong tay, đã liên kết với một số sĩ quan khác, đưa lực lượng dù đến bao vây Dinh Độc lập. Ngô Đình Diệm xin đầu hàng. Nhưng bọn Vương Văn Đông lúng túng không biết làm gì tiếp theo nên đã bị viện quân của Diệm kéo về dẹp tan”.

Ông Ba Quốc mô tả thêm về cuộc đảo chính này: “Vương Văn Đông cùng các sĩ quan toa rập với nhau để lật Diệm cho... bõ ghét, còn lật Diệm rồi thì làm gì thì họ không biết. Đến phút chót, Nguyễn Triệu Hồng mới đưa ông cậu vợ là Hoàng Cơ Thụy và thông qua ông Thụy gọi thêm mấy người như Phan Bá Cầm, Bùi Lượng ra bàn kế sách, nhưng chỉ loay hoay cãi nhau như mổ bò... Họ giằng co mãi thì Diệm đã kịp đem viện binh về giải cứu rồi”.

Sau vụ đó, bác sĩ Tuyến giao cho ông Ba Quốc tiến hành điều tra cuộc đảo chính. Yêu cầu của Trần Kim Tuyến là phải điều tra xem trong vụ này có bàn tay của người Mỹ không, nếu có thì thực chất người Mỹ muốn gì...

Những viên kim cương, "cậu" phù thủy và anh bán giày

Trước khi nói tiếp về những điệp vụ của ông Ba Quốc, xin bạn đọc "thâm nhập" một chút vào nội tâm của con người này. Một trong những điểm khác biệt căn bản giữa tình báo "Việt cộng" trong kháng chiến với tình báo của đối phương là làm tình báo cho "Việt cộng" không được lĩnh lương.

Sự khác biệt này mang rất nhiều ý nghĩa. Đó cũng là một sức mạnh bí ẩn mà những kẻ đi xâm lược không bao giờ lường hết được. Chúng tôi hỏi ông Ba Quốc: "Ông có được cách mạng trợ cấp chi phí gì không?". Trả lời: "Không có. Cách mạng không cấp cho tôi cái gì cả. Tôi chỉ có một niềm tin thôi". Đó là niềm tin vào cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, niềm tin vào cuộc chiến đấu cho chính nghĩa.

Nằm trong tổ chức của đối phương, ông đã chứng kiến rất nhiều chuyện khôi hài. Chuyện thứ nhất: Hồi còn làm ở Sở Nghiên cứu chính trị xã hội, một buổi tối ông đi kiểm tra, ông đến một cơ sở của cơ quan tại số 2 Nguyễn Hậu, tại đó có một phòng dành cho một nhóm công tác (bí số là B42). Đến đó ông vô tình bắt gặp đại úy Lưu Thành Hữu và Tôn Thất Tuế đang đổ một túi hột xoàn ra đếm, định chia nhau. Của quý đó họ bắt của một người buôn kim cương ở đường Hồng Thập Tự. Hai người này, tuy là người của Cơ quan mật vụ Phủ Tổng thống, nhưng lại có một "thân phận" khá đặc biệt. Lưu Thành Hữu, người quản lý B42, là một sĩ quan chuyên hướng dẫn Ngô Đình Nhu đi săn. Ngô Đình Nhu rất mê người này, đơn giản là vì lần nào Hữu đưa ông Nhu đi săn, ông Nhu cũng bắn được thú rừng. Thực ra những thứ như hổ, nai, heo rừng... mà ông Nhu bắn được đều là những con vật của người dân tộc thiểu số bẫy được. Mỗi lần ông Nhu đi săn, Hữu phải tới trước địa điểm săn vài ngày, để mua những con thú đó và khôn khéo bố trí để cho Ngô Đình Nhu bắn trúng. Còn Tôn Thất Tuế là chuyên viên... đấm bóp cho ông Nhu. Suốt trong mấy chục năm sống trong lòng địch, ông luôn luôn "giữ thân", không những phải giữ cho mình trong trắng, không để cho ai khống chế, mà còn không để cho ai ganh ghét, nhất là không để cho những kẻ có chức có quyền và những người thân cận với kẻ đó biết là mình biết được những mặt trái xấu xa của họ. Vì nếu họ biết được mình biết được những "bí mật" đó thì mình sẽ khó tồn tại lâu dài. Đối với hai người này, tuy chức phận địa vị không hơn ông, nhưng lại là những kẻ hầu hạ Ngô Đình Nhu, nếu bị làm khó, chúng sẽ tìm cách trả thù ông, chúng thiếu gì cách. Theo chức năng, ông phải lập biên bản về vụ này để sáng hôm sau trình cho Trần Kim Tuyến. Nhưng ông không thể "gây thù chuốc oán" với những người này được. Song đã lỡ phát hiện rồi, ông không thể làm lơ.

Ông bảo với Lưu Thành Hữu gọi điện cho Trần Kim Tuyến báo tin bắt được một vụ buôn lậu hột xoàn có ông chứng kiến. Hữu nghe lời ông, gọi điện cho bác sĩ Tuyến. Mặc dù đã xử lý một cách "tế nhị" như vậy, nhưng mấy bữa sau bác sĩ Tuyến gặp ông và bảo ông không nên đến B42 nữa. Ngạc nhiên về thái độ này, ông nói thật với Trần Kim Tuyến là ông đi kiểm tra bắt quả tang những người đó lấy kim cương chia nhau, vì giữ thể diện cho họ và vì bảo vệ uy tín cho bác sĩ Tuyến nên ông mới bảo họ gọi điện nói như vậy. Trần Kim Tuyến ngẫm nghĩ một lát rồi nói: "Tôi hiểu, nhưng cậu cũng không

nên tới đó nữa".

Chuyện thứ hai: Thiếu tá Nguyễn Văn Giàu ở Phủ Đặc ủy trung ương tình báo là một tay "rất ác ôn". Giàu được cô vấn (phối trí viên) Mỹ Thomas Paul Carney dành cho nhiều biệt đãi khiến cho nhiều người ghen ghét. Có người phát giác Giàu sử dụng bằng cấp giả và định tố giác. Giàu rất lo lắng. Một hôm, Giàu đưa ông Ba Quốc đi uống cà phê để "thỏ lộ tâm tình". Giàu có ý định mời một thầy phù thủy "triệu âm binh" lên bảo vệ cho mình. Ông Ba Quốc rất tán dương chuyện đó. Ông bịa ra một câu chuyện, rằng hồi trước ở miền Bắc có một người con gái đẹp bị vợ cả của một tri huyện âm mưu ám hại vì ghen tuông, cô ta mời một phù thủy triệu "một sư đoàn âm binh" lên bảo vệ người con gái, viên tri huyện đã cử một người thân cận đến để "giám hộ sư đoàn âm binh" đó, vì vậy mà cô gái được an toàn tuyệt đối. Ông hứa với thiếu tá Giàu, nếu nhờ phù thủy đến ông sẽ làm nhiệm vụ "giám hộ". Giàu rất phấn khích, cùng ông xuống đường Petrus Ký gặp một phù thủy, gọi là "ông cậu". Hai bên thỏa thuận ngày "lập đàn khao quân", người phù thủy hứa sẽ "triệu" cho Giàu... 3 sư đoàn. Ông triệt để khai thác tâm lý mê tín của người này nhằm thắt chặt quan hệ "hữu hảo", mục đích của ông là hướng tới... cái tử sắt đựng những kế hoạch công tác tuyệt mật. Tuy kế hoạch "lập đàn gọi âm binh" chưa thực hiện vì sau đó Giàu thoát nạn nhờ được Lê Liêm bảo vệ, nhưng ông Ba Quốc không những được gần gũi hơn với Giàu mà còn được kiêm nhiệm thêm việc, làm trưởng một ban công tác...

Đó là hai trong nhiều câu chuyện khôi hài khiến cho ông Ba Quốc nhìn rõ hơn bản chất, trình độ của những người có chức có quyền trong hàng ngũ của đối phương và điều đó khiến cho ông càng tự tin hơn trong cuộc đấu trí vừa âm thầm dai dẳng vừa khốc liệt.

Nhưng niềm tin của ông được củng cố một cách chắc chắn hơn từ một hướng khác, thể hiện qua một câu chuyện hết sức giản dị. Đó là khi ông Ba Hội, người chỉ huy trực tiếp của ông bị bắt, một thời gian sau ông có xuống nhà một người bán giày ở đường Tân Đà. Người này là một người dân bình thường làm cơ sở cho cách mạng mà ông Ba Hội đã giới thiệu với ông. Ông đến đó để hỏi han tình hình. Anh bán giày cười nói với ông: "Anh đừng lo. Chú ấy gan lì tướng quân, mưu kế như Tào Tháo, chúng nó không làm gì được chú ấy đâu". Thuật lại chuyện này, ông nhớ lại: "Lúc nghe anh bán giày nói, tôi cảm thấy rất sượng sùng xấu hổ. Tôi biết anh bán giày nghĩ oan cho tôi. Thực ra tôi đến để nắm tin tức thôi chứ có phải đến vì động cơ sợ anh Ba Hội không giữ khí tiết mà khai ra tôi đâu... Anh Ba Hội và anh bán giày đã làm cho niềm tin trong tôi càng thêm mãnh liệt".

Giữa những cơn bão của 7 cuộc đảo chính

“Theo Hồng Liên Liên Xuân Giáo, vào đầu năm 1962, sau vụ phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc oanh tạc Dinh Độc lập, ông được mời vào Dinh gặp Tổng thống Diệm, sau gặp ông Nhu, ông được ông Nhu nhờ ra Văn khố Hoàng Triều cũ ở Huế, tìm cho ông những tài liệu về “tiểu phi” và dinh điền từ thời Nguyễn Công Trứ. Nửa năm sau, một kế hoạch tối mật được đệ trình trong đó có kế

hoạch đánh vào cân não địch.

Hàng ngày, Sở Tình báo in lại báo Nhân Dân hàng tháng in lại báo Học Tập của Cộng sản, với khổ chữ và hình thức y như của Hà Nội. Một số sách của Võ Nguyên Giáp về chiến lược chiến thuật cũng được in lại y như ấn bản chính song chỉ vài trăm cuốn và dăm trăm số báo. Riêng tờ Học tập in khoảng 50 số. Một ban chuyên môn nghiên cứu các bài quan trọng hay đoạn quan trọng trong sách rồi sửa đi một cách khéo léo, như bài bình luận ở báo Nhân Dân sửa một dòng, thêm vào một số chữ hay năm ba câu. Sách của Võ Nguyên Giáp thì thêm vào năm ba đoạn làm sai lạc ý nghĩa của chiến thuật, chiến lược. Sau đó một cách khéo léo nhất của nghề tình báo, các tài liệu này được phổ biến tận chiến khu hay hang ngũ cán bộ cao cấp của Việt Cộng. Đây là một trong những đòn phép tinh vi mà Sở Tình báo Phủ Tổng thống đã tuyệt đối bí mật thực hiện với ngân khoản tài trợ của CIA và phần kỹ thuật do Tình báo Trung Hoa quốc gia” (Cao Thế Dung, Việt Nam ba mươi năm máu lửa, Alpha, Hoa Kỳ, 1991).

Chúng tôi trích dẫn đoạn trên để thấy rằng hoạt động tình báo chống cộng của cơ quan mật vụ thời Ngô Đình Diệm tinh vi đến cỡ nào. Tuy nhiên cơ quan này vẫn dành tài lực nhiều hơn cho các hoạt động nhằm củng cố chế độ mà việc “bớt xén” tiền của Mỹ dành để mua tàu hoạt động gián điệp chống phá miền bắc vào các hoạt động củng cố lực lượng chính trị như đã đề cập ở phần trước là một minh chứng. Không những thế, bản thân Trần Kim Tuyến cũng phải lo đối phó với Ngô Đình Cẩn tìm cách thay mình. Ông kể, vào năm 1960, vợ ông bị bệnh nặng kéo dài. Hoàng Ngọc Diệp bảo ông nên cho vợ lên Đà Lạt một thời gian để dưỡng bệnh. Ông cử mấy nhân viên của ông lên trước để tìm nhà đưa vợ lên. Khoảng 1 tuần sau, Công an Đà Lạt báo tin về là những người của ông lên đó mạo nhận là người của Mặt trận dân tộc giải phóng tổng tiền một tiệm thuốc tây. Bọn tay chân của Ngô Đình Cẩn coi vụ này là thời cơ để hạ bệ Trần Kim Tuyến nên chúng hướng việc điều tra đưa những người của ông vào tội phạm chính trị. Vụ án đó kéo dài suốt một năm trời mới kết thúc. Những chuyện như vậy là rất nguy hiểm đối với ông.

Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Sở nghiên cứu chính trị-xã hội trở thành đối tượng thanh toán của phe đảo chính. Tất cả đều bị điều tra, thẩm vấn, một số khá đông có tài sản bị tịch thu và đưa đi “an trí”. Ông đã may mắn thoát nạn. Những năm tiếp đó, chính trường Sài Gòn rối ren, đảo chính xảy ra liên tiếp. Sở Nghiên cứu chính trị hay Đặc ủy Trung ương tình báo, như đã nói ở trên, đều là công cụ chủ yếu để củng cố quyền lực của những người cầm đầu chế độ nên đều là đối tượng thanh trừng sau đảo chính. Nếu không cảnh giác thì ông không bị bắt cũng bị loại khỏi bộ máy, vì vậy ông tự vệ rất thận trọng.

Thời gian này tình hình đảng phái, tôn giáo ở Sài Gòn rối như canh hẹ, các phe phái phân hóa chống đối lẫn nhau mà phe nào cũng có “Mỹ lớn Mỹ nhỏ” đứng phía sau, phe nào cũng tranh nhau nhận viện trợ của Mỹ. Phía công giáo thì Đảng cần lao tập hợp lại bằng hai tổ chức : Mặt trận quốc lực và Đảng Nhân xã. Phật giáo thì chia năm xẻ bảy chống đối, kìm chế nhau : Ân Quang, Việt Nam quốc tự,

Cổ sơn môn, Lục hòa tăng... Cao đài thì chia thành 12 hệ phái. Hòa Hảo thì có 2 đảng : Đảng dân chủ xã hội Việt nam và Việt Nam dân chủ xã hội Đảng. Ngoài ra còn khoảng 70 đảng phái, hiệp hội khác, lớn nhỏ cũng chia thành nhiều phe tranh giành ảnh hưởng... Trên chính trường Sài Gòn, chỉ một năm, từ đầu năm 1964 đến đầu năm 1965 đã diễn ra 7 cuộc đảo chính. Lúc này ông lại làm ở Sở Giao tế dân sự, một bộ phận của Đặc ủy trung ương tình báo chuyên chống đảo chính. Đó là một công việc cực kỳ nguy hiểm.

Ngô Đình Diệm bị lật đổ tháng 11/1963 thì tháng giêng năm sau Nguyễn Khánh lật đổ Dương Văn Minh lên làm thủ tướng, rồi bỏ nhiệm Dương Văn Minh làm quốc trưởng. Đến tháng 8/1964, Dương Văn Minh bị phế truất, Khánh lên làm quốc trưởng... Lúc này Mỹ trực tiếp nhúng tay sâu vào Đặc ủy trung ương tình báo. Ông Ba Quốc kể : “Tháng 8-1964, khi Lâm Văn Phát và Trần Thiện Khiêm đảo chính hụt, Khánh đuổi Dương Văn Minh và tự phong làm quốc trưởng, Trần Văn Hương làm thủ tướng. Phong trào Phật giáo chống Khánh-Hương lại bộc phát. Phan Khắc Sửu thay Khánh làm Quốc trưởng. Đầu năm 1965, Nguyễn Khánh - Nguyễn Cao Kỳ - Nguyễn Chánh Thi lại lật Sửu-Hương đưa Phan Huy Quát lên làm Thủ tướng... Sở Giao tế dân sự đã biến thành một đơn vị trinh sát chống đảo chính. Sở này phải thường xuyên phân phối nhân viên canh gác các ngã đường tiến vào Sài Gòn. Và chỉ một tin vịt thôi cũng làm cho các nhân viên của Sở mất cả tuần lễ đêm ngày hoạt động...”. Lúc này luật sư Trần Văn Tuyên đang làm Phó Thủ tướng phụ trách kế hoạch. Ông quen thân với luật sư Tuyên từ lúc ông Tuyên là chính khách đối lập thời Ngô Đình Diệm. Ông bảo : “Tôi nghĩ phải khai thác mối quan hệ này để củng cố vị trí của mình. Vì vậy tôi đã hai lần đến gặp Trần Văn Tuyên, mục đích là xin làm công cán ủy viên, để từ đó trở lại Phủ Đặc ủy trung ương tình báo bằng cửa rộng. Nhưng cả hai lần tôi đều về không, vì khi tới nơi tôi lại nghĩ nhận công việc đó rồi nếu một cuộc đảo chính nữa xảy ra thì tôi sẽ mất hết, không còn một chỗ đứng nào, kể cả chỗ đứng trong Đặc ủy trung ương tình báo”.

Nhân quan chính trị

Trong lúc ông Ba Quốc đang lúng túng trước những cơn bão của các cuộc đảo chính thì Nguyễn Gia Hiến đến tìm ông. Lúc này Phan Huy Quát đang làm thủ tướng. Ông Hiến là một kỹ sư nông cơ, người của linh mục Hoàng Quỳnh, sau khi di cư vào Nam được cử sang Mỹ học. Thời Ngô Đình Diệm ông Ba Quốc có liên hệ với vị linh mục khét tiếng chống cộng này thông qua bác sĩ Trần Kim Tuyên, khi Nguyễn Gia Hiến ứng cử vào Hạ nghị viện, bác sĩ Tuyên cử ông Ba Quốc làm cố vấn kế hoạch bầu cử cho ông Hiến, nhưng ông Hiến không trúng cử

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, linh mục Hoàng Quỳnh thành lập "Lực lượng Đại đoàn kết", đưa Nguyễn Gia Hiến làm chủ tịch với mục đích dựng nhân vật này thành một con bài chính trị. Nguyễn Gia Hiến nói với ông: "Cha Quỳnh thấy rõ nguy cơ mất nước, vì một bên là cộng sản đang tiến gần tới Sài Gòn, một bên Phan Huy Quát vừa dựa vào Phật giáo vừa bán Cam Ranh, Vũng Tàu cho Mỹ để

củng cố địa vị...". Ông Hiến đặt yêu cầu là nhờ ông làm trung gian cho sự hợp tác của nhóm Nhân Xã (hậu thân của đảng Cần lao) để "có đủ sức mạnh áp đảo" giới cầm quyền. Ông nhớ lại: "Bề ngoài tôi chấp nhận đề nghị giúp họ, nhưng tôi biết lúc đó người Mỹ đang tiếp tục gây xáo trộn để lựa chọn tay sai, tôi dính vào thì không bẻ đầu cũng sút tai".

Tháng 2/1965, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Chánh Thi lật đổ Nguyễn Khánh, trục xuất Khánh khỏi miền Nam. Về quân sự, Mỹ bắt đầu đưa quân ào ạt vào miền Nam. Mỹ cũng nắm chặt hơn Đặc ủy Trung ương tình báo. Cơ quan này lại bị thanh lọc và củng cố để "chống Việt cộng xâm nhập". Việc củng cố đang thực hiện thì Nguyễn Chánh Thi bị "đá" nốt. Nguyễn Văn Thiệu lên làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo quốc gia (ngang tổng thống), Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp trung ương (ngang thủ tướng). Đặc ủy trưởng Trung ương tình báo tất nhiên được thay bằng người của Thiệu. Lúc này ông Ba Quốc được cấp trên chỉ thị phải bám vị trí, nắm chắc các hoạt động của tình báo chống cách mạng, theo dõi những diễn biến chính trị, các kế hoạch quân sự, đồng thời tiếp tục củng cố thế đứng, thâm nhập sâu hơn vào hàng ngũ đối phương.

Khi Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ lên cầm quyền, qua những động thái của người Mỹ, nhất là qua Hội nghị Honolulu tháng 2.1966, ông dần dần biết rõ người Mỹ đã chọn được Nguyễn Văn Thiệu và bắt đầu hậu thuẫn mạnh mẽ chính quyền Thiệu - Kỳ. Từ lúc này cho đến khi kết thúc chiến tranh, người Mỹ ủng hộ triệt để Nguyễn Văn Thiệu và dập tắt tất cả những âm mưu đảo chính ngay từ trong trứng nước.

Lúc Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố bầu cử, Trịnh Quốc Khánh tìm gặp ông. Trịnh Quốc Khánh bấy giờ là Tổng bí thư Dân xã đảng của Hòa Hảo. Còn nhớ, thời Ngô Đình Diệm, mặc dù Khánh bị ông bắt về cho Ngô Đình Nhu, nhưng Khánh vẫn chịu ơn ông và hồi hận đã không nghe lời ông. Khánh đã bị giam cầm cho đến khi Ngô Đình Diệm đổ mới được thả ra. Giờ đây gặp ông, Trịnh Quốc Khánh ôn lại chuyện cũ và "tham khảo ý kiến" của ông về công việc của mình. Trước khi đi dự Hội nghị Honolulu, Nguyễn Văn Thiệu tập hợp các đảng phái ủng hộ mình thành "Mặt trận quốc gia dân chủ" để làm hậu thuẫn. Trịnh Quốc Khánh là đồng chủ tịch của mặt trận này. Sau đó Khánh được Nguyễn Văn Thiệu chọn làm ứng cử viên phó tổng thống đứng chung liên danh với Thiệu. Đối thủ dự kiến lúc đó là liên danh của Nguyễn Cao Kỳ. Trịnh Quốc Khánh tâm sự thật với ông rằng liên danh của Thiệu yếu thế hơn liên danh của Kỳ rõ rệt, rằng Nguyễn Cao Kỳ không những là đương kim thủ tướng, nắm trong tay các tỉnh trưởng, lại được các tướng lĩnh ủng hộ, do đó Nguyễn Văn Thiệu khó thắng Nguyễn Cao Kỳ. Kể xong, Trịnh Quốc Khánh mời ông Ba Quốc vào Ban bầu cử để giúp ông ta. Qua theo dõi rất chặt chẽ tình hình các tôn giáo, ông biết giới Công giáo, kể cả Công giáo Mỹ, rất bất mãn

về việc Mỹ ra lệnh giết anh em Ngô Đình Diệm - một con bài Công giáo đáng giá nhất, trong khi các chức sắc Công giáo là lực lượng chính trị chống cộng mạnh nhất ở miền Nam. Người Mỹ không thể không "rút kinh nghiệm" về việc này. Còn Nguyễn Văn Thiệu, vừa là chân tay duy nhất "còn sót" lại của Ngô Đình Diệm, vừa là người Công giáo, vừa có năng lực thực hiện các yêu cầu của người Mỹ. Vì vậy ông nghĩ Nguyễn Văn Thiệu là nhân vật được Mỹ ủng hộ tập trung nhất. Bởi thế ông vui vẻ nhận lời Trịnh Quốc Khánh, tham gia Ban bầu cử. Nhưng... ông nhớ lại: "Bữa sau, Trịnh Quốc Khánh đến báo tin cho tôi biết, Nguyễn Văn Thiệu đã khóc trong cuộc họp các tướng lĩnh và đề cho Nguyễn Cao Kỳ đứng chung liên danh làm phó tổng thống, Trịnh Quốc Khánh bị Thiệu loại ra ngoài". Nếu Trịnh Quốc Khánh không bị Nguyễn Văn Thiệu bắt đắc dĩ loại bỏ thì ông Ba Quốc chắc chắn sẽ tạo thêm được một cánh cửa rộng hơn cho hoạt động tình báo.

Những câu chuyện trên cho thấy nhãn quan chính trị và sự nhìn xa trông rộng của ông trên chính trường của đối phương. Bởi vậy mà ông vừa vượt qua được những cơn bão táp chính trị để tồn tại, vừa tận dụng mọi thời cơ để luôn sâu vào nội bộ kẻ địch. Ông không chịu ở yên để "thâm canh" trên mảnh đất đang đứng mà luôn luôn chủ động "quảng canh" để giành thêm trận địa mới.

Nhưng những nỗ lực thâm nhập vào chính trường của ông không chỉ dừng lại ở đó...

Khu vực nhạy cảm

Ông Ba Quốc có 6 người con, nhưng 2 người mang họ Trần còn 4 người ban đầu mang họ Nguyễn, sau đó 3 người đổi lại họ Trần, nhưng vẫn còn 1 người mang họ Nguyễn. Vì sao vậy? Đây là một câu chuyện rất dài và khá tế nhị của gia đình ông, như chúng tôi đã đề cập ở phần đầu của thiên ký sự này, ông không muốn "người ngoài" biết.

Nhưng khi đề cập đến các hoạt động của ông, nhất là về sau này, chúng tôi không thể không nhắc đến những người trong gia đình. Bởi vậy chúng tôi phải tìm hiểu, qua các tư liệu và qua những người thân của ông.

Còn nhớ lúc ông được cử vào Hà Nội hoạt động tình báo hồi chống Pháp, ông bảo ông vào với "danh nghĩa đi tìm vợ con bị thất lạc". Như vậy là lúc đó ông đã có vợ, có con và thực ra vợ con của ông không hề bị "thất lạc". Vợ ông, bà Phạm Thị Thanh, cũng là một chiến sĩ Việt Minh, cùng tham gia phá vụ án Ôn Như Hầu với ông sau Cách mạng tháng Tám. Cho đến khi ông vào Nam, ông và bà Thanh đã có với nhau 2 người con. Nhưng ông đã vào Nam với một người vợ khác, đó là bà Ngô Thị Xuân. Đây là một câu chuyện nhạy cảm.

Ở phần đầu của thiên ký sự, chúng tôi có nhắc đến một nhân vật. Đó là người con rể của ông Đàm Y, chính người này đã đưa ông về nhà giới thiệu với bố vợ, để từ đó ông có điều kiện thâm nhập vào lòng địch. Người con rể của ông Đàm Y hiện nay còn sống và đang ở Sài Gòn. Chúng tôi đã tìm gặp được ông. Ông tên là Đặng Văn Hàm, năm nay đã 86 tuổi. Trước khi "vào thành" với ông Ba Quốc,

ông Hàm cũng là một cán bộ Việt Minh, làm Trưởng ty Thương binh tỉnh Ninh Bình. Khi vào Hà Nội lúc đó, ông Hàm vào làm ngành bưu điện để hoạt động cách mạng, năm 1954 ông cũng vào Sài Gòn tiếp tục hoạt động, cũng làm trong ngành bưu điện. Ông đã về hưu từ nhiều năm nay, cấp hàm được công nhận là thiếu tá.

Ông Hàm kể: "Khi tôi đưa Ba Quốc về nhà bố vợ tôi, nhờ ông cụ giúp đỡ, che chở, ông cụ đã lo rất chu đáo. Ba Quốc đã ở luôn tại nhà ông cụ tôi, như người trong nhà, tôi và Ba Quốc như anh em ruột thịt. Sau đó ông cụ tôi đã xin cho Ba Quốc làm ở một đồn công an ở Bắc Ninh như các anh đã biết. Ở được một thời gian, Ba Quốc tự nhiên biến đi đâu mất. Tôi biết anh ta đi ra ngoài liên lạc với tổ chức của ta. Được một thời gian, lại quay về. Thấy nguy hiểm quá, tôi nói với ông cụ tôi: Bố ơi, bố làm thế nào lấp liếm chuyện này với tụi mật vụ cho thằng Tá. Mà các anh có biết tên Nguyễn Văn Tá là do ai đặt không? Là do chính tôi đặt cho Ba Quốc đây. Tụi mật thám lại tin ông cụ tôi nên cho qua luôn..". Chúng tôi hỏi: "Ông Đàm Y có biết ông Ba Quốc là Việt Minh không?". Ông Hàm nói: "Sao không biết. Ông cụ tôi làm quận trưởng cho Pháp, nhưng ông biết tôi là Việt Minh, do đó cũng biết Ba Quốc là Việt Minh, khi giới thiệu Ba Quốc vào làm công an cho Pháp, ông cụ đã biết rồi". Ông Đàm Y đã mất một năm trước khi giải phóng, bà vợ ông hiện vẫn còn, nay đã già yếu. Chúng tôi được biết cơ quan tình báo quân đội hàng tháng vẫn dành một khoản trợ cấp cho bà, khoản trợ cấp tuy không nhiều nhưng đầy tình nghĩa.

Qua sự giới thiệu của người con rể và nhìn cách ăn ở thật thà tình nghĩa của ông Ba Quốc, gia đình ông Đàm Y rất thương yêu ông. Ông Đặng Văn Hàm xác nhận: "Anh ấy là người rất có tình có nghĩa, có trước có sau. Tuy sau này anh ấy đã trở thành một vị tướng, nhưng đối với mọi người anh ấy vẫn một mực thủy chung". Ông Đàm Y là bạn thân của bố bà Ngô Thị Xuân nên bà Xuân được vợ chồng ông Đàm Y coi như con cháu. Biết ông Ba Quốc "tìm vợ con thất lạc" không có kết quả, vợ chồng ông Đàm Y nhiều lần muốn làm môi bà Xuân cho ông, mục đích là muốn có được một người con rể tử tế như ông, vì vợ chồng ông Đàm Y thương bà Xuân như con ruột. Đến khi chuẩn bị di cư, gia đình ông Đàm Y lại đề cập đến chuyện đó với mong muốn ông Ba Quốc cùng gia đình ông bà vào Nam. Như chúng tôi đã đề cập, ông Ba Quốc cũng nhận lệnh vào Nam hoạt động, nhưng vấn đề gay gắt nhất là hồ sơ nghi vấn Việt Minh của ông vẫn còn chỗ cơ quan công an của địch. Nếu trở thành "người nhà" của ông Đàm Y thì việc xóa hồ sơ đó sẽ dễ dàng. Ông báo cáo với tổ chức, tổ chức đồng ý. Ông trao đổi với vợ ông là bà Phạm Thị Thanh, bà Thanh cũng đồng ý và mong cho ông hoàn thành nhiệm vụ. Vì vậy, ông lấy bà Xuân làm vợ và như đã biết, ông Đàm Y đã "làm trong sạch" lý lịch cho ông. Tất nhiên, để lấy bà Xuân làm vợ, việc ông có cảm tình với bà Xuân là lẽ đương nhiên.

Vì hoàn cảnh như thế cho nên ông có đến hai người vợ, một ở lại miền Bắc cùng với 2 người con và một cùng ông vào Nam, sau này có 4 người con (và một người con đầu đã mất từ nhỏ). Hồi đó hai bà vợ của ông không gặp nhau, nhưng ông Ba Quốc đã "làm trung gian" cho hai người trao đổi thư từ

với nhau. Anh Nguyễn Vũ, con trai ông Ba Quốc (với bà Xuân) đã "tiết lộ" cho chúng tôi biết là ông Ba Quốc vẫn còn giữ một lá thư mà bà Thanh gửi cho bà Xuân, trong đó có câu: "Chị gửi anh Đức cho em chăm sóc".

Bây giờ bà Thanh không còn nữa, còn bà Xuân thì lo chăm sóc ông đang nằm trên giường bệnh. Sau giải phóng họ đã gặp nhau. Bà Ngô Thị Xuân nhớ lại: "Chị em chúng tôi gặp nhau vui vẻ lắm. Sau này mặc dù phận ai nấy lo làm ăn nhưng chúng tôi vẫn lui tới bình thường". Khi bà Thanh mất, bà Xuân bị bệnh không ra được, nhưng các con của bà đều ra đầy đủ, họ rất thương bà Thanh. Còn các con của bà Thanh cũng thương bà Xuân như là mẹ của mình.

Đó là sơ lược mấy nét về gia đình ông Ba Quốc. Họ đã được đoàn tụ sau giải phóng, nhưng suốt hơn 20 năm chiến tranh, mỗi người một hoàn cảnh, trong cách biệt hai miền, họ đã vì ông Ba Quốc mà chấp nhận một cuộc sống gian truân, nhiều khi rất nghiệt ngã...

Khi người thân vào Nam “làm tay sai cho địch”

Chúng ta thường nghe đây đó những câu chuyện về các nhà tình báo của chúng ta được cử đi "theo địch" vào Nam hoạt động, vợ con ở ngoài Bắc phải chịu cảnh éo le, vì có chồng, có cha "làm tay sai cho địch". Họ mang một bản lý lịch không trong sạch, bị chính quyền địa phương hoặc đơn vị công tác phân biệt đối xử, con cái không được học hành, vì hồi đó những người có lý lịch "không trong sạch", "không rõ ràng" thì khó mà học lên đại học.

Những người có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động tình báo nhiều khi vẫn biết gia đình đồng đội của mình bị rơi vào hoàn cảnh như vậy nhưng đành phải "cẩn răng" không can thiệp, vì nếu can thiệp thì sẽ không giữ được bí mật, rất nguy hiểm cho người tình báo.

Gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc cũng chịu một số phận như vậy. Chúng tôi đã gặp người con trai của ông Ba Quốc và bà Phạm Thị Thanh. Anh năm nay đã ngoài 50 tuổi và cũng là một cán bộ quân đội. Anh bảo: "Hồi đó sau khi bố tôi đi họp về, bảo với mẹ tôi rằng: Anh phải đi, 2 năm nữa sẽ về. Bố cũng nói với mẹ về chuyện cô Xuân, mẹ bảo vì nhiệm vụ của bố nên chấp nhận. Thế rồi không phải 2 năm mà đến 20 năm sau bố mới trở về".

Khi ông Ba Quốc vào Nam, bà Thanh đang làm việc tại công trường xây dựng Nhà máy In Tiến Bộ. Anh kể tiếp: "Mẹ tôi đang làm ở đó thì bị đưa lên Phú Thọ, nơi đầy rừng núi âm u lắm. Ban đầu bà làm cấp dưỡng cho một đơn vị, sau đó chuyển qua Nông trường chè Vân Lĩnh. Lúc đó tôi nghe nhiều thông tin về bố tôi, có người bảo bố tôi chết rồi, có người bảo bố tôi theo giặc. Mẹ tôi cũng giấu không nói bố tôi đi đâu. Chị em chúng tôi không biết gì cả. Mãi đến sau này, khi mẹ tôi bị một trận ốm rất nặng, tưởng không qua khỏi, bà mới gọi chúng tôi lại bảo rằng bố chúng tôi đi B".

Chúng tôi hỏi cuộc sống của gia đình hồi đó như thế nào, anh nhớ lại: "Lên nông trường mẹ tôi khổ lắm. Lương thì ít ỏi mà phải nuôi ba miệng ăn. Mẹ tôi là con gái Hà Nội, được học hành tử tế, vậy mà lên đến Vân Lĩnh phải làm đủ thứ công việc, từ cuốc đất trồng chè, giữ kho quần áo bảo hộ lao động

và nhiều công việc nặng nhọc khác. Mà ăn uống thì có bao giờ đủ no đâu. Cả ba mẹ con chúng tôi chỉ trông vào một suất gạo của mẹ, nên ăn sắn ăn khoai là trường kỳ, thậm chí có thời gian cả tháng trời phải ăn sắn. Tôi nhớ một lần chị tôi đi tập huấn bắn súng, vì chị tôi có năng khiếu thể thao, chị tôi tiết kiệm được mang về một ít gạo. Các anh có tưởng tượng được không, chúng tôi chỉ nấu lên chưa ăn đã thấy ngon, rồi ăn tới đâu tỉnh người tới đấy. Chưa hết đâu, ngay cả quần áo chúng tôi cũng không đủ để mặc, nên nhiều khi mẹ tôi và chị tôi phải mặc chung đồ của nhau. Mẹ tôi bị nông trường phê bình rất nhiều về việc mặc chung đồ với con gái, nhưng bà phải chịu thôi, vì quá nghèo biết làm thế nào được, cái ăn còn không đủ thì lấy đâu cái mặc".

Nhớ lại những chuyện đã xảy ra, đã lâu lắm rồi mà anh tưởng như vừa mới xảy ra. Anh nói tiếp: "Hồi ấy gần chỗ chúng tôi ở có một cái căn-tin, thấy người ta ăn phở chúng tôi thèm lắm. Nhưng phở đối với chúng tôi là cả một vấn đề. Có lần thèm quá chúng tôi về xin mẹ, mẹ không có tiền, nhưng thương con bà cũng tìm được cho chúng tôi. Tiền mẹ cho chỉ đủ mua một tô phở thôi. Thế là hai chị em hăm hở đến căn-tin xếp hàng, đến lượt chị tôi mua thì đồng xu do chen lấn đã rơi đâu mất. Chúng tôi buồn bã quay về nhà nói với mẹ. Mẹ bảo hai chị em về nhà đi, đợi mẹ. Chúng tôi vừa buồn vừa sợ. Rồi mẹ về, mẹ chỉ khóc thôi. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn không hiểu vì sao cuộc sống của chúng tôi lại cơ cực đến vậy".

"Còn chuyện ở, cũng nhiều khê lắm, cực kỳ tạm bợ. Một lần, lúc đó tôi đã lớn rồi, về nhà tôi thấy áo quần đồ đạc bị bỏ ra ngoài sân. Người ta lấy lại chỗ ở đó. Nếu muốn lấy lại nhà thì người ta chỉ cần bỏ đồ đạc của chúng tôi ngoài sân. Lúc bấy giờ mẹ con tôi lại lóc cóc, người ta chỉ đến đâu thì đến đó. Thời gian ấy có năm mẹ con tôi phải chuyển đi đến 4 lần. Bởi vì chỗ ở là của nông trường, hễ có một ai đó xây dựng gia đình, người ta lại "mời" mẹ con tôi đi chỗ khác lấy chỗ cho vợ chồng mới cưới ở, họ bảo mình tới đâu thì mình tới đó", anh nhớ lại.

Chúng tôi cũng đã gặp chị Đặng Thị Chính Giang, người con gái đầu của ông Ba Quốc. Nói thêm về chuyện nhà cửa, chị Giang bảo: "Nhà của mẹ con tôi hồi ấy không có cửa nẻo gì hết, chui ra chui vô bất cứ chỗ nào cũng được. Phía trên trời nắng thì không sao, còn trời mưa thì ba mẹ con cứ căng tấm nilon lên, dòn vào một cái giường. Cái giường là vật đáng giá nhất của mẹ con tôi, tính ra trị giá khoảng 15 ngàn đồng bây giờ".

Sống trong một hoàn cảnh như thế, bà Thanh đã có một bản lĩnh đáng nể. Anh Trần Sơn, chồng chị Giang, cũng là một cán bộ quân đội về hưu, nói về mẹ vợ của mình: "Bà là người tuyệt vời lắm. Kiếm một phụ nữ như thế là hơi khó đó, không phải bà là mẹ vợ của tôi mà tôi nói vậy đâu...".

“Ngõ cụt” trên đường học vấn của hai người con ở miền Bắc

Chị Đặng Thị Chính Giang (1) kể: “Chuyện học hành của chị em tôi nhiều khê lắm. Khi tôi học đến

lớp 4, tự nhiên nhà trường không cho học nữa. Hồi ấy vào đầu năm học, những cháu gặp khó khăn hoặc gia đình bộ đội, gia đình cán bộ công nhân viên thì được nhà trường cho sách giáo khoa hoặc tập vở, còn tôi thì không có gì.

Lại có tin bố tôi là phản động chạy theo địch nên họ không cho học tiếp. Mẹ tôi phải nhờ một ông ở nông trường đứng ra can thiệp thì tôi mới được học tiếp, nhưng cũng không được cấp sách vở. Tôi là học sinh giỏi văn đấy, nhưng trường cũng không cho đi thi. Cho đến khi tôi học xong lớp 5, thì trên Cục (cơ quan tình báo quân đội - PV) thông báo cho tôi vào học trường học sinh miền Nam dành cho nữ, khi ấy ở Hải Phòng. Thế là mẹ tôi cho tôi về Hà Nội để chờ nhập học. Tôi chờ hết tháng 8, không thấy gọi, sang đến sau mùng 2 tháng 9 cũng không thấy gọi. Ông nội tôi mới lên Cục hỏi thì các anh ấy bảo: Nếu cho cháu vào học thì anh ấy (ông Ba Quốc - PV) sẽ bị lộ. Các anh trong Cục chỉ nói với ông và mẹ tôi thôi, còn với tôi thì họ nói ngắn gọn: Trường miền Nam đủ học sinh rồi, không nhận nữa. Tôi phải về lại Phú Thọ. Còn nhớ lúc ấy tôi một mình cầm một túi quần áo và đem theo mấy cái bánh dẻo ông nội cho, ra tàu đi từ Hà Nội về đến ga Phú Thọ, từ ga đi bộ thêm 9 cây số nữa. Năm ấy lại bị lũ, tôi đi qua một cái suối, cầu thì trôi hết rồi, nên phải đi trên một cây cầu tạm lắc lư, nhìn xuống suối mà bụng bảo dạ: nếu có ngã xuống suối này cũng không sao, miễn là đừng chết và đừng rơi mấy cái bánh dẻo. Trên ấy mà có được mấy cái bánh dẻo này là cả một vấn đề, quý lắm...”.

Chị Giang kể tiếp: “Về đến trên này, tôi học đến hết lớp 7, không được thi lên lớp 8, họ chuyển tôi sang học trường phổ thông công nghiệp, dạng như trường vừa học vừa làm. Một buổi đi học, một buổi phải đi làm, thấy khổ quá, tôi nghĩ tốt nhất mình đi học trung cấp, mất hai năm rưỡi thôi, khi ra trường sẽ có một cái nghề làm kiếm tiền đỡ đần cho mẹ. Tôi làm đơn xin nghỉ học, rút hồ sơ xin vào học trung cấp vật tư. Hồi đó xin vào học trung cấp thì không khó nhưng phải nộp tiền ăn học, không có học bổng”.

Chuyện học của chị Giang là như vậy, nhưng chị bảo chuyện học của em trai chị còn phức tạp hơn nhiều. “Cũng long đong như tôi, cậu ấy học xong cấp 2 thì họ cũng không cho học nữa. Mẹ tôi gọi tôi về bảo ra trường cấp 3 xin cho em, nếu không cho học chính quy thì học dự bị cũng được. Nhưng họ dứt khoát không cho. Chính quy cũng không cho mà dự bị cũng không cho. Thế là cậu ấy phải về nông trường đi làm mất một năm, nói chính xác là đi chặt nứa về bán cho nông trường. Lúc ấy tôi đã lớn rồi, tôi chạy lên Cục nhờ các anh ấy can thiệp. Tôi làm sẵn một cái đơn nhờ các anh ấy chứng nhận, nhưng các anh ấy bảo: Không thể chứng nhận được, chứng nhận vào là bố sẽ bị lộ ngay! Cuối cùng, có một chú tên là Kinh, bạn thân của bố tôi đứng ra bảo lãnh. Chú Kinh là cán bộ quân đội chỉ huy cấp sư đoàn. Chú nhờ bạn bè lo cho em tôi vào học trường trung cấp quân giới. Cậu ấy thi và đậu vào trường này, nhưng khi đến trường thì bị đuổi về vì lý lịch. Chú Kinh lại chạy đi lo một lần nữa mới được. Chú ấy bảo: Tôi phải lo cho cháu chứ mai kia anh ấy về thì tôi biết nói sao với anh ấy đây ! Thật tội cho chú ấy, không bao giờ chú ấy còn gặp được bố tôi, vì sau đó chú ấy đã hy sinh ở Quảng Trị”.

Người em trai chị Giang còn cho biết, giữa lúc chiến tranh diễn ra ác liệt, anh đã đăng ký vào bộ đội nhưng cũng vì lý lịch “không trong sạch” của anh mà người ta đã không cho anh nhập ngũ.

Gia đình bà Thanh ở trên Phú Thọ một thời gian rất dài, mãi sau này mới về Hà Nội. Anh Trần Sơn kể: “Hồi đơn vị tôi lên sơ tán, tôi quen nhà tôi. Lúc ấy gia đình bà cụ khó khăn lắm, nhưng mọi người chung quanh rất kính trọng bà cụ. Tình cảm giữa chúng tôi ngày càng sâu đậm và thành vợ thành chồng”. Chúng tôi hỏi: “Anh là bộ đội, lấy một người có lý lịch không rõ ràng, anh có gặp trở ngại gì không?”. “Cô ấy tốt, gia đình cô ấy được mọi người kính trọng, tôi sợ gì. Vả lại, tôi tuy là đảng viên nhưng chỉ làm công tác chuyên môn thôi, nên không bị gây khó dễ. Mà có bị gây khó dễ tôi cũng chấp nhận”. Anh Sơn kể tiếp: “Trong thời gian xây dựng Lăng Bác Hồ, cả Cục Quân khí chỉ chọn một người đi xây Lăng, người đó là tôi, thành ra tôi nghĩ đơn vị không có định kiến gì với tôi qua cuộc hôn nhân này. Và chính vì được đi xây Lăng nên sau đó tôi mới chuyển được nhà tôi và bà cụ về Hà Nội. Có lần (sau giải phóng), thằng Vũ (anh Nguyễn Vũ, con ông Ba Quốc với bà Ngô Thị Xuân) ra, nó thấy một gian nhà lá ở Đông Anh, chỉ kê một chiếc giường, nó bảo: Có lẽ mẹ ở ngoài này bị đi cải tạo hay sao mà không được ở một cái nhà đàng hoàng? Tôi bảo với nó rằng không phải, vì hoàn cảnh mới như thế thôi. Căn nhà lá đó là tiêu chuẩn của nhà tôi, bà cụ về ở với con để trông cháu ngoại, chứ hộ khẩu của cụ vẫn còn trên Phú Thọ. Một thời gian sau khi ông (ông Ba Quốc) về, tôi có một anh bạn, anh ấy cho tôi một mảnh đất ở Nghĩa Đô, làm được một căn nhà cấp 4, lúc bấy giờ mẹ con tôi mới chính thức có được một cái nhà riêng”.

Tình báo cha và tình báo con

Bà Ngô Thị Xuân nhớ lại: "Bố tôi hồi đó làm công chức cho Pháp ở Bắc Ninh. Ông này (ông Ba Quốc) được ông Đàm Y gửi gắm đến làm việc chỗ bố tôi. Ông ấy ăn ở luôn tại nhà tôi, ngoài thời gian đi làm còn dạy thêm cho mấy đứa em tôi học.

Ông ấy bảo với bố mẹ tôi là ông ấy đã có vợ con, nhưng vợ con bị thất lạc, kiếm hoài không được. Tôi chỉ biết có vậy. Ông bà Đàm Y ngờ ý muốn "xin" tôi cho ông ấy. Ban đầu bố mẹ tôi rất băn khoăn, nhưng thấy ông ấy hiền, dạy các em tôi rất chu đáo, nên cuối cùng bố mẹ tôi đã đồng ý. Sau Hiệp định Genève, tôi vào trước ở với gia đình ông Đàm Y trên đường Tự Đức, hai tháng sau ông ấy vào, chúng tôi đi thuê nhà ở. Cuộc sống của chúng tôi lúc mới vào Sài Gòn khó khăn lắm, phải làm việc rất nhiều. Tôi đi lên chợ Sài Gòn lấy sợi về đan thành những cái túi xách tay (dùng để đi chợ) bán cho người ta kiếm tiền. Sau này ông làm ở Sở Nghiên cứu chính trị, rồi Phủ Đặc ủy tình báo, tiền lương của ông ấy cũng không phải dồi dào, lúc ấy lại có đông con, tôi phải đi lấy len ở mãi đồng ông Cộ về làm thêm kiếm sống...".

Trong suốt 20 năm sống ở Sài Gòn, ông phải dành một phần đáng kể tiền lương của mình cho việc "gây dựng cơ sở" hoặc sau này cho những người cung cấp tài liệu cho ông ở Bộ Tổng tham mưu (quân đội Sài Gòn cũ). Vợ ông phải cất giấu dành dụm để có tiền nuôi con, đề phòng trường hợp ông bị bắt. Vì vậy cuộc sống gia đình quá thiếu thốn. Ông Ba Quốc bảo hời đó ông sống "kham khổ như một nhà tu".

Như đã biết, làm ở Sở Nghiên cứu chính trị xã hội của Trần Kim Tuyền ông nhất thiết phải vào đạo Công giáo. Nhưng ông không vào đảng Cần lao. Vào đảng Cần lao lúc đó có thể có khả năng "thăng tiến" nhanh, nhưng sẽ không an toàn nếu thời thế thay đổi. Và thực tế chứng minh ông đã lựa chọn đúng. Cả nhà ông đi nhà thờ, các con ông học trường của Công giáo. Người con thứ ba của ông nói rằng hồi ấy anh đi nhà thờ, đi học Trường Lasan Đức Minh, Kinh Thánh thì "đến bây giờ vẫn còn thuộc", nhưng ông không cho các con ông tham gia các hội đoàn Công giáo. "Anh biết bố anh hoạt động cho cách mạng từ lúc nào?". Người con trai của ông kể: "Chúng tôi đi học về, ông bắt ở nhà, không cho giao du với ai hết. Mục đích duy nhất của chúng tôi chỉ là học thôi. Ông rất ghét Mỹ nên trong nhà không bao giờ xài đồ Mỹ. Buổi tối xem ti vi, ông chỉ cho chúng tôi coi phim hoặc văn nghệ, đến chỗ Nguyễn Văn Thiệu phát biểu hay các chương trình về quân đội ông tắt máy không cho coi. Một hôm tôi đã nhìn thấy ông viết tài liệu lên những tờ giấy dầu màu vàng, viết bằng nước trà. Viết nước trà lên giấy đó không nhìn thấy chữ, sau này tôi biết là phải dùng hóa chất mới đọc được. Mẹ tôi dặn tuyệt đối không được nói với ai chuyện này. Năm đó tôi 12 tuổi".

"Anh có giúp gì cho bố anh không?". "Năm tôi 13 tuổi, một hôm ông đem một máy chụp hình hiệu Canon về kèm theo một hộp tráng phim và thuốc tráng phim. Tôi còn nhớ hôm đó ông đem tập tài liệu "hồ sơ trận liệt" về hướng dẫn tôi chụp từng trang một. Ông lấy một thùng carton, kẹp tài liệu trên thành đứng của nó, máy ảnh đặt trên ba chân chống, ống kính cách tài liệu 40 cm, một bóng đèn rọi vào tài liệu từ phía sau. Bé Hạnh, em gái tôi, lấy hai tay căng tờ giấy cho thẳng ra, tôi chụp xong tờ nào thì bé Hạnh rút ra tờ đó, cứ thế chụp cho đến khi nào hết tập tài liệu... Chụp xong, ông hướng dẫn tôi cách tráng phim". Liên quan đến tính cẩn thận của ông Ba Quốc, anh con trai kể tiếp: "Lần tráng phim đầu tiên, tôi nhớ đó là ngày thứ bảy, tài liệu chưa gửi đi, ông bảo tôi kiểm tra độ nét của tài liệu mà chúng tôi chụp. Ông lấy tấm thẻ quân nhân của ông cậu tôi, bảo tôi chụp, rồi cắt phim mang ra tiệm chụp hình Chí Mỹ ở đường Hai Bà Trưng coi thử có rõ không. Ông chủ tiệm là ông Nguyễn Chí Bửu, có một con trai học cùng lớp với tôi tên là Nguyễn Chí Xuân, anh ta có một đứa em gái tên Nguyễn Thị Thu, tôi chơi rất thân với cô Thu. Tôi đem phim ra nhờ cô Thu rọi, thì đọc được, nhưng hơi mờ. Tôi nghĩ tấm thẻ đó chữ in lớn mà còn mờ, chắc là tài liệu chụp xong sẽ rất khó đọc. Nghĩ vậy nên trưa hôm đó, tôi cắt một đoạn phim chụp tài liệu mang đến tiệm Chí Mỹ, tôi cùng với cô Thu vào rọi trong phòng tối. Khi cô Thu sấy hình, đang đợi cho khô, thì bố tôi đi vespa chạy tới, bảo tôi thu lại tất cả mang về, không để ai nhìn thấy. Hôm đó phim chụp đọc được, nhưng hơi nhòe. Ông phải mua thêm một ông

kính... Đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái tiệm chụp hình đó. Sau giải phóng ông Nguyễn Chí Bửu về Tây Ninh, cũng mở tiệm chụp hình lấy tên Chí Mỹ, có thời gian vương phải chuyện rắc rối, cô Thu có gửi thư cho tôi. Thời gian đó bố tôi đi công tác xa. Đến năm 1990, bố tôi về lại thành phố, nhắc lại tiệm chụp hình Chí Mỹ, ông hỏi bây giờ họ ở đâu để ông lên thăm...".

Anh con trai thứ ba này của ông Ba Quốc chuyện gì cũng nhớ, anh nói chuyện này thì liên tưởng đến chuyện kia, chuyện gì cũng có tình người. Anh không những nhớ tới cô Thu mà còn nhớ hồi học lớp năm, lớp tư, lớp ba (lớp 1, lớp 2, lớp 3 bây giờ), khi ấy ông Hoàng Ngọc Điệp (Phó giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị, "cha đỡ đầu" của ông Ba Quốc) không có vợ con, nuôi hai người cháu, một người tên là Hảo, một người tên là An, học chung lớp với anh, hằng ngày ông Điệp cho lái xe đưa ba anh em đi học, những năm đó anh thường xuyên lui tới nhà ông Điệp. Anh nhớ tới người quản gia của ông Điệp là cô Lý, thỉnh thoảng vẫn dúi tiền cho anh ăn quà. Ông Điệp thì đã chết, hình như vào năm 1976, còn cô Lý, Hảo, An không biết giờ đây đang ở đâu...

Kỹ thuật truyền tin

Trước khi vào phần chính của kỳ này, chúng tôi xin nói thêm vài điều về gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc. Vì theo dõi thiên ký sự này trong những ngày qua, nhiều bạn đọc đã gửi thư về tòa soạn bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với ông Ba Quốc và khâm phục sự hy sinh của những người trong gia đình ông, đồng thời cũng nêu một vài thắc mắc liên quan đến chính sách.

Một bạn đọc tên là Jeff Nguyễn, ở Canada, trong e-mail gửi về tòa soạn có nêu vấn đề về những người thân của ông Ba Quốc ở miền Bắc: "Tôi thắc mắc là không biết sau chiến tranh họ có được Nhà nước đền bù cho những thiệt thòi to lớn mà họ phải gánh chịu một cách oan uổng hay không?". Chúng tôi định sẽ đề cập những vấn đề đó trong những kỳ sau vì thiên ký sự này vẫn chưa kết thúc. Nhưng để giải tỏa nỗi bức xúc của bạn đọc, chúng tôi xin thông tin như sau: Sau ngày thống nhất đất nước, gia đình ông Ba Quốc ở miền Bắc đã được Đảng, Nhà nước cũng như cơ quan tình báo quân đội chăm lo thực hiện chính sách một cách chu đáo. Bà Phạm Thị Thanh được chuyển hộ khẩu về Hà Nội, được cấp một căn hộ để ở và được hưởng chính sách theo chế độ chung. Gia đình hai người con đều có công việc thuận lợi, hạnh phúc và thành đạt. Riêng người con trai đã được đào tạo thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trở lại nội dung chính của kỳ này. Cho đến nay, có thể khẳng định các điệp viên của "Việt cộng" hoạt động ở Sài Gòn rất ít khi dùng điện đài, trừ việc phục vụ các chiến dịch lớn. Trong khi người Mỹ sử dụng những thành tựu khoa học hiện đại nhất và phương tiện kỹ thuật tối tân nhất cho hoạt động tình báo thì "Việt cộng" lại sử dụng các phương tiện truyền tin thô sơ nhất. Trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, rõ ràng là các phương tiện hiện đại nhất của CIA đã hoàn toàn bất lực trước các phương tiện

"dân dã" nhất của tình báo "Việt cộng". Chúng tôi tò mò hỏi anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc: "Anh có biết bố anh chuyên phim ảnh và tài liệu lên chiến khu bằng cách nào không?". Anh cười: "Biết chứ. Tôi cũng thường giúp bố tôi làm chuyện đó mà. Đối với tài liệu viết bằng nước trà trên những tờ giấy dầu màu vàng thì dùng những tờ giấy đó... gói đồ, hoặc dán lại thành cái túi đựng đồ. Còn phim thì làm theo hai cách. Một là mua một đôi dép chapeau, lột lớp phía trên ra, rồi lấy dao cắt rỗng miếng xóp trong đế dép, phim cắt ra từng khúc nhét vào đó rồi dán lại. Một chiếc dép chứa được 1/4 cuộn phim, một đôi được 1/2 cuộn. 1/2 cuộn còn lại cũng cắt ra, cuộn nhỏ lại, nhét vào đồ chơi trẻ em. Tất cả đựng vào cái túi bằng giấy dầu màu vàng nói trên, cả vỏ cả ruột đều là tài liệu. Ông đem cái túi đó để vào cốp xe vespa rồi mang đi gặp giao liên nội đô". Chúng tôi được biết, theo nguyên tắc, ông chỉ gặp giao liên nội đô thôi. Người giao liên nội đô sau khi nhận tài liệu của ông, ra khỏi thành phố sẽ chuyển cho giao liên có vũ trang mang tài liệu về căn cứ.

"Một tập Hồ sơ trận liệt mà anh chụp hình có bao nhiêu trang?". "Một tập ít nhất là trên 100 trang giấy A4, nhiều nhất là hơn 200 trang, cứ 3 ngày bố tôi mang về một tập". "Anh có biết nội dung trong đó là gì không?". "Biết chứ. Tôi vẫn còn nhớ ngoài bìa ghi là Hồ sơ trận liệt cộng sản Bắc Việt. Trong đó có ghi phiên hiệu các sư đoàn và đơn vị quân đội, trang bị vũ khí hỏa lực, nơi đóng quân, tên cấp chỉ huy, tinh thần cán binh và những diễn biến trên chiến trường". "Hồ sơ đó ông bắt đầu đem về nhà từ bao giờ và đến bao giờ thì hết?". "Tài liệu Hồ sơ trận liệt thì bắt đầu từ năm 1971, suốt cho đến ngày bố tôi bị lộ. Trước năm 1971 ông chỉ viết trên giấy dầu thôi, từ năm 1971 trở đi vừa viết trên giấy dầu vừa chụp phim, riêng giấy dầu thì ngày nào ông cũng viết".

Được biết, vào năm 1971, do quen biết với trung tá Vũ Văn Nho, Trưởng phòng 2 (tình báo) của Bộ Tổng tham mưu, ông đã biết được tin địch phát hiện ra đường dây 559 của ta suốt dọc dãy Trường Sơn. Tài liệu này ông lấy được nguyên bản và đó là bản Hồ sơ trận liệt đầu tiên mà anh con trai thứ ba của ông đã kể. Từ đó, thông qua một sĩ quan phụ trách in ấn của Bộ Tổng tham mưu ông lấy được tất cả các tài liệu nguyên bản Hồ sơ trận liệt, cứ 3 ngày một tập như trên đã nói. Những tài liệu đó cho thấy địch đã phát hiện nhiều bí mật của ta trên chiến trường, thông qua điệp báo và do thám. Có những hồ sơ cho thấy địch còn theo dõi được những diễn biến, sự thay đổi về quân số, hỏa lực, nơi đóng quân và cấp chỉ huy của từng sư đoàn của chúng ta vào những thời điểm khác nhau. Những tài liệu mà ông gửi về đã giúp ích rất nhiều cho việc điều chỉnh, đối phó, ngăn ngừa được tổn thất trên chiến trường, đồng thời cảnh giác, phát hiện được các hoạt động gián điệp của kẻ địch, vì vậy với những tài liệu đó ông đã góp phần lạng lẽ nhưng rất đáng kể vào thắng lợi của các hoạt động quân sự. Biết địch biết được những gì về ta cũng là một trong những yêu cầu của công tác tình báo.

Tuy nhiên, đó chỉ là một trong những phần việc "làm thêm" của ông. Vì như đã biết, vị trí của ông không phải ở Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn mà ở Đặc ủy Trung ương tình báo. Mặc dù vậy, việc "làm thêm" này được ông thực hiện một cách hết sức khôn khéo và miễn cưỡng, đến mức nhiều khi

ông có trong tay những tập tài liệu đó trước khi nó được đưa đến Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn. Và thật đáng tiếc, chính vì những tập Hồ sơ trận liệt này mà ông đã bị lộ, vợ con ông bị bắt... Nhưng đó là việc sau này, chúng tôi sẽ đề cập chi tiết hơn trong những kỳ cuối của thiên ký sự. Còn lúc đó, trong những năm Nguyễn Văn Thiệu cầm quyền, trong nhiệm vụ trọng tâm của mình, ông vừa lập được chiến công ngoạn mục vừa có những hành động mạo hiểm cũng ngoạn mục không kém...

"Tóm gọn" 35 ổ gián điệp

Hoạt động tình báo của ông Ba Quốc ở Sài Gòn khá đa dạng. Ông vừa làm nhiệm vụ phản gián vừa làm tình báo chính trị vừa làm tình báo hành động, nhưng thành công lớn nhất của ông có lẽ là nhiệm vụ phản gián.

Trong thời gian ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo chế độ Sài Gòn, có lúc ông làm trợ lý cho Cục trưởng Cục Tình báo quốc nội, có lúc làm Trưởng ban Đoàn thể phụ trách các đảng phái chính trị. Ông tìm hiểu khá kỹ thực chất hoạt động của từng bộ phận của Phủ Đặc ủy.

Thông qua một sĩ quan phụ trách bộ phận ra tin của Ban R, ông biết 2/3 tin tức do Ban R sản xuất là tin công khai của báo chí và phát thanh, 1/3 là tin lấy cung từ các tù binh. Những tin tức của Cục Tình báo quốc ngoại cũng tương tự, có những tin tức có giá trị cũng chủ yếu là tin của "cảm tình viên", không phải là "nội tuyến". Chỉ có Cục Tình báo quốc nội là nơi ông có thể khai thác những tin tức cần thiết để phục vụ cho yêu cầu của cấp trên. Lúc đó, cấp trên yêu cầu ông "bằng mọi giá" phải lấy cho được toàn bộ hồ sơ về mạng lưới gián điệp của đối phương. Bởi vậy, thông qua Lê Liêm, ông ngày càng bám sát Nguyễn Văn Giàu. Ông biết Nguyễn Văn Giàu giữ cái tủ tài liệu còn "kỹ hơn giữ cái đầu của mình".

Sau câu chuyện coi tướng cho vợ Lê Liêm, ông đã tận dụng triệt để mối quan hệ này. Nhưng để có chuyện mà bàn với Lê Liêm, ông lại phải tận dụng thông tin từ những chính khách đối lập đủ mọi khuynh hướng, trong đó có những người ông tạo mối quan hệ thân tình ngay từ khi mới vào Nam hoặc trước khi vào Nam. Những tin tức đó được ông xử lý rất thận trọng trên một tầm hiểu biết vừa rộng vừa sắc sảo. Ông nói với Lê Liêm: "Mặt trận Khe Sanh (lúc đó quân giải phóng đang đánh lớn ở Khe Sanh) có nguy cơ trở thành một Điện Biên Phủ thứ hai. Người Mỹ đang có nhiều tính toán để gỡ bí. Một trong những toan tính của người Mỹ là làm một cuộc đảo chính, thay chính quyền quân sự bằng một chính quyền dân sự để thương thuyết với cộng sản, nếu không có lối thoát về quân sự". Ông cũng kể cho Lê Liêm nghe về hoạt động bí mật của đại tá Mỹ Malwin trong chính giới Sài Gòn. Ông chứng minh với Lê Liêm rằng ông đủ khả năng theo dõi những âm mưu này và có thể báo trước nếu có đảo chính xảy ra. "Nghe tôi nói, Lê Liêm ngẩn người như tỉnh ngộ", ông nhớ lại. Ông đề nghị cho lập một phòng tình hình, ông hứa sẽ lo tin tức từ phía Mỹ. Nhân đó ông cũng đề nghị phục hồi lại cho ông cấp

bạc mà Nguyễn Khánh đã tước khi làm đảo chính Ngô Đình Diệm (lúc đó ông mang quân hàm đại úy). Lê Liêm yêu cầu ông bám sát các hoạt động của Mỹ và yêu cầu hằng ngày gặp ông vào 9 giờ sáng tại nơi làm việc. Cần biết, Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo ngày càng trở thành công cụ để bảo vệ người cầm quyền mà mối đe dọa lớn nhất lúc đó là các âm mưu đảo chính. Mà các cuộc đảo chính đều có bàn tay của người Mỹ. Cho nên Mỹ cũng là đối tượng của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo.

Ông kể: "Từ đó tôi gặp Lê Liêm hằng ngày. Một buổi sáng tôi không tới, ông ta gọi điện tìm tôi, gọi không được ông ta gọi điện bảo Nguyễn Văn Giàu đi tìm. Nguyễn Văn Giàu yêu cầu tôi nếu có đi đâu thì báo cho ông ta biết để nếu Lê Liêm gọi thì ông ta biết chỗ mà tìm". Như đã nói, mục đích của ông là mở cho được cái tủ tài liệu của Nguyễn Văn Giàu và ông đang "mượn thế" của Lê Liêm để tiến tới mục đích đó. Ông kể tiếp: "Hằng ngày, 7 giờ 30 sáng Giàu tới phòng mở tủ ra làm việc, 9 giờ 30 đi uống cà phê, 10 giờ 30 trở về nhận tin hay tiếp xúc với các trưởng SOC (Sở Giao dịch dân sự), ký các giấy tờ công văn... cho đến hết ngày. Sáng thứ bảy ông ta tiếp cố vấn Mỹ Tom Barret, chiều thứ bảy nghỉ... Một buổi sáng, tôi cầm một semi giấy tờ lên phòng ông ta, đến trước cửa tôi dừng lại. Ông ta biết ý, bảo: Chắc anh cần làm việc riêng cho ông Lê Liêm, anh cứ vào bàn giấy của tôi ngồi làm việc, tôi đi uống cà phê một lát không sao. Ông ta biết buông làm việc của tôi đông người, không tiện ngồi làm những việc hết sức quan trọng của sếp. Tôi cảm ơn và ngồi vào bàn của ông ta. Khi ông ta đi, tôi mở tủ và phát hiện thấy trong đó có các hồ sơ STAY BEHIND IN NORTH VIETNAM. Đó chính là những hồ sơ mà cấp trên yêu cầu tôi phải lấy cho được bằng mọi giá".

"Ông làm sao lấy được những tài liệu đó?", chúng tôi hỏi. "Tôi lấy tài liệu trong tủ ra ngồi chép lại". "Ông làm sao chép hết được?". "Hôm đó tôi chép được một ít thôi. Từ bữa đó trở đi, cứ mỗi lần tôi nhìn thấy tủ của Giàu hé mở là tôi vác đồ lên, ông ta biết ý lại vội vàng xếp đồ vào cặp rồi nhường chỗ cho tôi. Khoảng nửa tháng, tôi chép sạch hết 35 bộ hồ sơ kế hoạch của 35 ổ gián điệp cài ở miền Bắc". "Trong thời gian đó ông hoàn toàn không bị phát hiện?". "Chỉ có một lần tôi bị một nữ thư ký đánh máy tài liệu mật tên là Nguyễn Thị Lệ lên bắt gặp tôi đứng cạnh tủ tài liệu của Nguyễn Văn Giàu, nhưng cô ta không hề tỏ thái độ ngạc nhiên. Tôi nghĩ là cô ta thường thấy tôi ngồi làm việc tại bàn giấy của ông Giàu nên coi việc tôi đứng trước tủ hay ngồi ở bàn cũng không có gì lạ". "Còn Nguyễn Văn Giàu? Ông ta không lúc nào về trong khi ông chép tài liệu?". "Không. Thứ nhất là tôi chỉ chép trong khoảng thời gian ông ta uống cà phê, trước khi ông ta về tôi cẩn thận đem tài liệu để lại đúng chỗ. Thứ hai, vì ông ta biết tôi đang làm những việc tối quan trọng cho Lê Liêm, nên trong khi tôi làm việc ông ta không bước vào phòng, vì ông ta phải giữ ý tứ". Đó là khoảng thời gian sau Tết Mậu Thân 1968. Những ổ gián điệp đó, theo lời ông Mười Nho, đã bị "tóm gọn" hết.

Khi Mỹ trở thành đối tượng của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo

Sau Tết Mậu Thân 1968, quân giải phóng tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường. Mặt trận Khe Sanh trở thành "địa ngục trần gian" của quân Mỹ. Phong trào chống chiến tranh dâng cao trên khắp nước Mỹ. Giới cầm quyền Sài Gòn lâm vào hoàn cảnh đen tối.

Lúc này Johnson có tái đắc cử Tổng thống Mỹ hay không là tùy thuộc vào tình hình Việt Nam. Tháng 6/1968, Johnson tuyên bố ném bom hạn chế để đi vào Hội nghị Paris. Ông Ba Quốc nhớ lại: "Lúc đó khắp nơi phấn khởi nhưng bọn cực hữu trong và ngoài chính quyền Sài Gòn dao động đến cực độ. Vợ Nguyễn Văn Thiệu khóc oán trách người Mỹ...". Lúc này phái hiếu chiến trong giới cầm quyền Mỹ đã có liên lạc với giới chính trị chống cộng cực đoan ở Sài Gòn tác động Nguyễn Văn Thiệu phá hoại thuyết để tiếp tay cho đảng Cộng hòa hạ bệ Johnson. Kết quả là Nguyễn Văn Thiệu trì hoãn không chịu ngồi vào bàn đàm phán, rồi bày ra chuyện "chỉ xanh, chỉ đỏ", "bàn méo, bàn tròn", cù cưa kéo dài thời gian cho đến khi Johnson rút lui không ứng cử tổng thống. Trong chuyện này, Nguyễn Văn Thiệu được coi là đã góp phần đáng kể cho Nixon lên làm Tổng thống Mỹ.

Nguyễn Văn Thiệu một mặt phá hoại đàm phán để kéo dài chiến tranh, mặt khác ra sức củng cố thế đứng. Thiệu tiến hành cải tổ Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, biến cơ quan này thành tổ chức mật vụ để khống chế, kiểm soát, lũng đoạn, vô hiệu hóa các đảng phái đối lập và các lực lượng hòa bình, đồng thời theo dõi các âm mưu của Mỹ nhằm đề phòng đảo chính. Thiệu đưa người bí thư thân tín của mình là tướng Nguyễn Khắc Bình về làm Đặc ủy trưởng. Phủ Đặc ủy được cải tổ sâu rộng. Về tổ chức, ngoài Văn phòng Đặc ủy trưởng, còn có 3 văn phòng phụ tá: An ninh, Điều hành và Kế hoạch. Cục Tình báo quốc nội và Cục Tình báo quốc ngoại được "nâng cấp". Riêng Cục Tình báo quốc nội có ba nha: Nha Điệp báo (ban K), Nha Phản gián (ban U) và Nha Chính trị (ban Z). Về nhân sự, Nguyễn Khắc Bình loại hết những người của Mỹ và của "chế độ cũ" (chỉ chế độ Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh) ra khỏi các chức vụ chỉ huy từ cấp phòng trở lên. Ví dụ, trung tá Nguyễn Văn Hữu, Trưởng ban E (tình báo quốc ngoại) người của Mỹ và khoảng 25 sĩ quan từ cấp úy trở lên người của "chế độ cũ" bị trả về Bộ Quốc phòng hoặc Tổng nha Cảnh sát. Người Mỹ chỉ quản lý được ban Q (Trung tâm Thẩm vấn quốc gia), cơ quan này chỉ làm nhiệm vụ tiếp nhận các tù binh từ các quân khu đưa về thẩm tra. Mặc dù trên văn bản không nêu, nhưng nhiệm vụ chủ yếu của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo là bảo vệ Nguyễn Văn Thiệu, đối tượng của Phủ Đặc ủy là Mỹ và các thế lực chống đối trong và ngoài chính quyền. Các kế hoạch và biện pháp an ninh trong Phủ Đặc ủy được bảo đảm hết sức chặt chẽ. Từ nhân viên cho đến chỉ huy ra vào cơ quan đều qua các lần kiểm tra an ninh. Khu vực đi lại trong cơ quan được quy định nghiêm ngặt. Ngay cả các cố vấn Mỹ cũng không được tùy tiện vào ra Phủ Đặc ủy, họ chỉ được tiếp xúc với trưởng ban E, ban K, ban U. Để đối phó với thái độ của Nguyễn Khắc Bình, Mỹ cắt các khoản viện trợ về tiền và phương tiện, cắt các cố vấn SOC. Mỹ chỉ còn chi tiền cho từng kế hoạch cụ thể, còn người và phương tiện thì chỉ còn dành cho Trung tâm Thẩm vấn quốc gia mà thôi.

Ông Ba Quốc kể: "Trước khi Nguyễn Khắc Bình về Phủ Đặc ủy 1 tuần, Nguyễn Văn Giàu cho tôi biết là Giàu sẽ nằm trong Bộ Tham mưu của Bình làm kế hoạch cải tổ Phủ Đặc ủy, ông ta bảo sắp xếp xong tổ chức tôi sẽ về chỗ ông ta. Sau khi cải tổ, Giàu làm Giám đốc Cục Tình báo quốc nội. Tôi gặp ông ta để bàn công việc của tôi, nhưng Giàu khuyên tôi không nên về vì chính ông ta cũng định không nhận nhiệm vụ đó. Ông ta tỏ ra thất vọng. Tôi hỏi vì sao, ông ta nói: Nguyễn Khắc Bình đã không thực hiện đúng chức năng của một cơ quan tình báo chiến lược chống cộng. Kế hoạch đề ra chức năng là vậy nhưng sau khi đưa cho Tổng thống Thiệu duyệt, Nguyễn Khắc Bình đã biến Phủ Đặc ủy thành tổ chức chỉ để bảo vệ Tổng thống Thiệu. Giàu không chống lại việc bảo vệ chế độ của Thiệu nhưng ông ta cho rằng chỉ cần dành 30% hay nhiều nhất là 50% cho công việc này là đủ. Bình không những không nghe mà còn coi Giàu là một phần tử chống Thiệu. Từ lúc đó tôi gần như ngày nào cũng vào giải thích cho Giàu, tôi bảo với ông ta rằng chủ trương của tướng Nguyễn Khắc Bình là đúng, vì nếu không tích cực bảo vệ Tổng thống Thiệu thì rất có thể bị đảo chính. Nguyễn Văn Giàu dần dần nghe lời tôi, nhưng giữa Bình và Giàu vẫn còn mâu thuẫn, bởi vậy tuy Giàu vẫn là Cục trưởng Cục Tình báo quốc nội nhưng 3 nha của Cục này đều làm việc trực tiếp với Bình, không thông qua Giàu".

Theo ông Ba Quốc, việc củng cố và chuyên hóa Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo (cũng như Cơ quan An ninh quân đội) thành công cụ để bảo vệ bản thân mình là phản ứng tự nhiên của Nguyễn Văn Thiệu để đối phó với Mỹ và các tướng tá trong quân đội cũng như các phong trào chính trị nhằm ngăn ngừa các âm mưu đảo chính. Do vậy, Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo và Cơ quan An ninh quân đội trở thành mục tiêu thù ghét của các tổ chức khác, kể cả Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh cảnh sát. Bởi vậy mà tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng, cấm không cho Bộ Tổng tham mưu trao tin tức tài liệu cho Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo.

Trước tình hình đó, ông Ba Quốc thấy rằng, trừ các văn phòng của Đặc ủy trưởng, việc bám vào các vị trí khác của Phủ Đặc ủy, kể cả ở Cục Tình báo quốc nội hay quốc ngoại đều không đáp ứng được yêu cầu điều tra mà cấp trên giao cho ông.

Lúc này Nguyễn Văn Thiệu không chỉ đưa người thân tín về làm Đặc ủy trưởng mà còn đưa "người nhà" vào nắm các vị trí then chốt của Phủ Đặc ủy. Ông Ba Quốc lại "nhắm" vào những người này...

Mạo hiểm

Trong những người thân tín của gia đình Nguyễn Văn Thiệu đưa về "cắm" ở Phủ Đặc ủy trung ương tình báo có Nguyễn Thành Long, cháu vợ Nguyễn Văn Thiệu. Long còn trẻ, chưa vợ, được Nguyễn Khắc Bình cho làm Giám đốc Nha chính trị (ban Z). Nghĩ rằng người này sẽ có vị trí cao hơn ở Phủ Đặc ủy nên ông làm thân với anh ta, hy vọng có thể khai thác được những tin tức quan trọng sau này.

Long cũng rất tin tưởng ông và thường hỏi ý kiến ông về mọi chuyện. Anh ta nói thật với ông rằng anh ta đã nhờ vợ Nguyễn Văn Thiệu can thiệp cho mình được làm Đặc ủy phó hoặc phụ tá điều hành. Nhưng chức vụ phụ tá điều hành lúc đó đã được giao cho đại tá Nguyễn Phi Phụng mà Phụng là người của Trần Thiện Khiêm. Nguyễn Khắc Bình tuy là thủ hạ thân tín của Nguyễn Văn Thiệu nhưng vẫn sợ mất lòng Trần Thiện Khiêm vì ông Khiêm lúc này đang làm Thủ tướng. Qua điều tra, ông được biết giữa vợ Trần Thiện Khiêm với vợ Nguyễn Văn Thiệu có mâu thuẫn. Nguyễn Văn Thiệu lại có tính sợ vợ, nên nhân vụ này ông xúi Nguyễn Thành Long báo cho vợ Thiệu biết chuyện Nguyễn Khắc Bình trọng dụng người của Trần Thiện Khiêm. Quả như dự đoán, vợ Nguyễn Văn Thiệu đã làm áp lực bảo chồng buộc Nguyễn Khắc Bình đưa Long thay thế Phụng. Nhưng vụ này kết quả diễn ra ngược với mong muốn của ông và của Nguyễn Thành Long. Do sự can thiệp của vợ Thiệu, Nguyễn Khắc Bình buộc phải đưa Nguyễn Phi Phụng khỏi Đặc ủy, chuyển về Tổng nha quan thuế, nhưng lại đưa một người khác lên thay, người đó là đại tá Nguyễn Văn Tây, cũng là một người thân tín của Nguyễn Văn Thiệu. Còn Nguyễn Thành Long không những không được đề bạt mà còn bị Nguyễn Khắc Bình đưa xuống quân trường Thủ Đức. Trung tá Võ Thanh Phong về làm giám đốc Nha chính trị thay Long. Thời kỳ này dư luận chông đời Phủ Đặc ủy cho rằng phủ này là phủ “trốn tổng động viên”, nên Nguyễn Khắc Bình giải thích với vợ Thiệu rằng Long còn quá trẻ, phải đưa đi “rèn luyện” một thời gian rồi sẽ rút về cho giữ chức phụ tá. Vợ Thiệu không biết nói gì, và lại chức vụ phụ tá lúc này cũng được giao cho người của Nguyễn Văn Thiệu nắm giữ. Trong vụ này, coi như ông Ba Quốc đã đi lạc một nước cờ.

Yêu cầu của cấp trên ngày càng khẩn trương, ngoài những tin tức thường xuyên mà ông lấy được dễ dàng từ vị trí công tác của mình, ông giữ mối quan hệ tốt với Giám đốc Nha chính trị Võ Thanh Phong. Với cương vị là trưởng ban chính trị phụ trách các đảng phái, ông nắm rất chắc mọi diễn biến chính trị của các phe phái đối lập, hằng tuần ông và trung tá Phong gặp nhau để trao đổi tin tức. Ông thông báo tình hình cho ông ta vào chiều thứ sáu, sáng thứ bảy ông ta họp với Nguyễn Khắc Bình và sáng thứ hai ông ta báo lại cho ông biết về phương hướng công tác của Phủ Đặc ủy, những mâu thuẫn khó khăn trong nội bộ, những chỉ thị của Nguyễn Văn Thiệu... Tuy nhiên, nhiệm vụ quan trọng nhất của ông lúc này là phải tiếp tục phát hiện và lấy cho được các tài liệu về mạng lưới gián điệp của địch. Người mà ông "nhắm" vào là Nguyễn Đăng Khiêm, chủ sự kế hoạch của Nha Điệp báo (ban K).

Nguyễn Đăng Khiêm là một thầy tu xuất, không chơi bời hút xách và “kín như bưng”. Ông đã “đi vào tình cảm” và trở nên thân thiết với người này qua việc cùng nhau nghiên cứu đất đai trồng trọt ở Long Khánh và bàn công việc làm ăn. Từ đó ông lái dần sang những vấn đề thời sự, rồi bàn đến những việc ở Phủ Đặc ủy. Kết quả cũng thật khả quan. Từ Nguyễn Đăng Khiêm ông đã phát hiện 4 cán bộ của ta làm việc cho địch.

Đến tháng 5.1972, ông lại được cấp trên chỉ thị bằng mọi cách phải lấy cho bằng được hồ sơ của hai cán bộ ta làm mật vụ cho địch ở hai tỉnh. Ở trên đã biết là có hai nội gián làm việc cho địch nhưng

không biết cụ thể tên tuổi, chức vụ. Với tư cách là một cán bộ nằm sâu trong mục tiêu, ông phải chấp hành chỉ thị này, nhưng đây là một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Ông bảo, Phủ Đặc ủy trung ương tình báo “áp dụng chế độ phát-xít” trong nguyên tắc bảo mật, người của nha này kinh chống người của nha kia, nên việc đi lại rất phức tạp. Chấp hành chỉ thị này, ông đành phải mạo hiểm.

Thiết lập được “quan hệ làm ăn” với Nguyễn Đăng Khiêm, ông thường xuyên đến nhà Khiêm và vài ngày ông đến phòng làm việc của ông ta một lần... Ông đến phòng làm việc của ông ta mục đích là nghiên cứu kế hoạch đánh cắp tài liệu. Mỗi lần đến, ông quan sát để xác định tài liệu nằm ở tủ nào, ngăn nào, khóa gì, chìa ra sao, đồng thời quan sát quy luật đi lại, giờ giấc của Nguyễn Đăng Khiêm. Ông kể: "Sau khi nắm được quy luật, một buổi sáng tôi đột nhập vào ban K, lúc nhân viên canh gác còn đi uống cà phê. Tôi đến trước phòng làm việc của Nguyễn Đăng Khiêm lúc người tùy phái vừa làm xong nhiệm vụ mở cửa lau bàn và đã sang làm buồng bên cạnh. Tôi bước nhanh tới tủ, mở khóa. Tôi đã hai, ba lần đo khóa của ông Khiêm để làm chìa cho đúng. Tôi cũng thử làm như vậy để mở các tủ hành chính trong ban của tôi và mở rất tốt. Nhưng thật đáng tiếc, loại tủ Macadi trong phòng của ông Khiêm không mở được bằng khóa của tôi, mặc dù chìa khóa tôi làm rất đúng tầm, đúng cỡ. Đã không mở được mà chìa khóa còn bị kẹt trong tủ. Tôi hơi hốt hoảng, nhưng lúng túng một lát tôi cũng rút được chìa khóa và ngồi xuống ghế dành cho khách. Ngay lúc đó, trung tá Tiên, Giám đốc Nha Điệp báo từ cầu thang đi lên. Ông ta trân trân nhìn vào tôi, hỏi vào giờ này tôi tới đây có việc gì. Tôi trả lời rằng tôi đến gặp ông Khiêm hẹn ông ta chủ nhật đi Long Khánh. Trung tá Tiên yên lặng đi vào phòng làm việc của mình. Tôi vẫn ngồi đó, chờ cho Nguyễn Đăng Khiêm đến và rủ ông ta đi Long Khánh để chứng minh việc này là có thật. Khi ra về, tuy không lấy được tài liệu nhưng tôi yên tâm vì đã che được mắt địch. Tôi đang nghĩ đến một kế hoạch khác thì buổi chiều hôm đó đại úy Tâm, trưởng ban An ninh của Nha Điệp báo đến gặp tôi. Đại úy Tâm trước đây là nhân viên dưới quyền của tôi thời tôi làm chỗ bác sĩ Tuyên. Anh ta báo cho tôi biết là anh ta được trung tá Tiên ra lệnh theo dõi tôi. Tôi báo cáo khẩn cấp về cấp trên, cấp trên chỉ thị ngưng không thực hiện kế hoạch đó nữa. 10 ngày sau, đại úy Tâm lại báo cho tôi biết anh ta đã được lệnh ngưng theo dõi tôi. Tôi báo về trên rằng tình hình đã yên, nhưng tôi vẫn nhận được chỉ thị thôi không thực hiện kế hoạch này. Vụ đó mãi đến sau giải phóng, khi khai thác những người chỉ huy và nhân viên Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo tôi mới nắm được danh sách hai cán bộ này, qua Nguyễn Đăng Khiêm”.

"Xúi" Nguyễn Cao Kỳ đảo chính lật Nguyễn Văn Thiệu

Trong cuốn hồi ký Chúng ta đã thua trận ở Việt Nam như thế nào ? xuất bản ở nước ngoài năm 1985, ông Nguyễn Cao Kỳ kể lại: "Khi sắp bầu cử tổng thống và nhiệm kỳ 4 năm của tôi sắp hết, tôi quyết định là dù ông Thiệu có muốn tôi cũng không ứng cử phó tổng thống nữa.

Nhưng ông Thiệu không muốn và đã chọn ông Hương (Trần Văn Hương - PV). Ông Hương từng là

thủ tướng đầu tiên của Thiệu, về sau làm tổng thư ký cho Thiệu ở Dinh Độc Lập. Còn tôi, tôi quyết định ứng cử tổng thống. Nhưng cuộc bầu cử đã bị gian lận, như tôi chờ đợi, Thiệu có 2 đối thủ chính - ông Minh Lớn (Dương Văn Minh - PV), từ ngoài chính quyền trở lại và tôi - nhưng trong 4 năm cầm quyền Thiệu đã củng cố địa vị của mình đến độ không còn có thể tổ chức một cuộc bầu cử thực sự tự do được nữa. Ông đã làm ra những đạo luật khiến cho người ta khó lòng có thể tranh cử chứ đừng nói đến thắng cử...

Người muốn ứng cử phải đại diện cho một đảng lớn (tôi không phải là đảng viên của một đảng nào), hoặc phải được 40 nghị sĩ, dân biểu giới thiệu và bảo đảm. Nhưng Thiệu đã kiểm soát tất cả các dân biểu và nghị sĩ. Người ta đòi hỏi chữ ký giới thiệu của hơn 100 hội viên hội đồng tỉnh. Tôi biết là có đủ số hội viên muốn tôi ra ứng cử nhưng Thiệu lại đưa ra một đạo luật cho ông ta được quyền cách chức họ một cách độc đoán, vì thế đã đặt họ vào một địa vị khó xử.

Thiệu làm đủ điều để ngăn cản các đối thủ ra tranh cử. Nhiều nhân viên mật vụ của ông nói với tôi là có thể có đến 65 phần trăm quân đội bầu cho tôi hoặc cho ông Minh nếu có bầu cử trung thực, nhưng sau bốn năm cầm quyền Thiệu đã kiểm soát được công an và qua công an, đã kiểm soát được nhân dân.

Trong một nước mà đảo chính đã trở thành cơm bữa, dĩ nhiên là chúng tôi có thảo luận về khả năng làm đảo chính để lật đổ Thiệu. Tôi biết rằng tôi có thể hoàn toàn tin tưởng ở không quân và đa số tướng lĩnh trong quân đội, nhưng không thể nào giữ được bí mật bởi vì những người Mỹ còn lại vẫn liên lạc chặt chẽ với các đơn vị Việt Nam. Chắc chắn họ sẽ mách Thiệu.

Nhiều tướng lĩnh khẳng định là chúng tôi không cần lính. "Chỉ cần làm sao cho các sĩ quan cao cấp nhất ký một tối hậu thư là Thiệu sẽ ra đi", một người nói như thế.

Nhưng việc ấy không làm được. Các tướng lĩnh có thể ủng hộ một sự thay đổi chính phủ, nhưng những sĩ quan cao cấp nhất, những người làm việc cho Bộ Tổng tham mưu, đã được người Mỹ cảnh cáo là đừng có can thiệp, đồng thời tìm cách mua chuộc một cách tế nhị...

Có điều lạ lùng là, mặc dù Bộ Ngoại giao Mỹ đã nói cho tôi hiểu rằng họ không chấp nhận một cuộc xung đột công khai giữa Thiệu và tôi (hay bất cứ việc gì có vẻ như một cuộc đảo chính), họ lại rất muốn tôi ra tranh cử để chống lại Thiệu. Họ nghĩ rằng việc ấy sẽ làm cho cuộc bầu cử có vẻ dân chủ hơn. Một buổi chiều, Đại sứ Bunker đến nhà tôi trong căn cứ không quân và nói với tôi: "Bầu cử và độc diễn thì không phải là tấm gương tốt cho thế giới". Ông ta còn xung phong kiếm tiền cho tôi vận động bầu cử, chắc hẳn ông ta thừa biết tôi chẳng có hy vọng gì trúng cử, nhưng có lẽ người Mỹ nghĩ rằng nếu phải tốn phí mà tạo được một cái vỏ ngoài bầu cử tự do thì cũng đáng đồng tiền.

CIA cũng làm áp lực để tôi phải ra tranh cử, nhưng tôi trả lời họ như tôi đã trả lời Đại sứ Bunker: "Không thể được. Thiệu nắm chắc quá, và nhất định sẽ không chịu để cho tôi trúng cử". Rốt cuộc, cả Minh và tôi đều rút lui và cuộc bầu cử đã tiến hành với một tên duy nhất trên lá phiếu: tên của Thiệu".

Đó là cuộc bầu cử năm 1971 mà báo chí gọi là "trò hề độc diễn" của Nguyễn Văn Thiệu. Điều tra thực chất cuộc bầu cử này là nhiệm vụ trọng tâm mà cấp trên giao cho ông Ba Quốc. Nhưng ông không chỉ điều tra mà còn làm một cuộc khuấy động, khoét sâu mâu thuẫn giữa Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu.

Tiếp xúc, theo dõi các thủ lĩnh các đảng phái, tôn giáo là chức năng của ông Ba Quốc ở Đặc ủy Trung ương tình báo. Nhưng không chỉ có vậy. Ông còn "tham mưu", "cố vấn" cho họ nhiều kế hoạch. Trong cuộc bầu cử năm 1971, thông qua các "chân rết" của mình nằm trong bộ tham mưu của Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và Dương Văn Minh, ông nắm rất chắc tương quan lực lượng. Lúc này Tổng thống Mỹ Nixon tập trung ủng hộ Nguyễn Văn Thiệu nhằm chứng minh sự thành công của học thuyết "Việt Nam hóa chiến tranh". Trong cuộc bầu cử này, Dương Văn Minh được Phật giáo ủng hộ nhưng vì không nắm được âm mưu của người Mỹ nên phải rút lui. Ông Ba Quốc kể: "Bunker sợ Thiệu độc diễn nên sẵn sàng chi cho Nguyễn Cao Kỳ 2 tỉ đồng để Kỳ ra tranh cử. Ông Thái Lăng Nghiêm và ông Lê Văn Thái nằm trong Ban tham mưu của Nguyễn Cao Kỳ. Hai người này đều thân quen với tôi từ khi tôi mới vào Nam. Tôi một mặt tiếp cận với Nguyễn Cao Kỳ, mặt khác tiếp cận với Phật giáo qua thượng tọa Thích Thiện Minh. Tôi gặp vị thượng tọa này để thống nhất một kế hoạch. Sau đó, tôi xúi Hoàng Văn Giàu, người của thượng tọa Thích Thiện Minh viết bài trên tờ Lập Trường chống Thiệu, đề cao vai trò Nguyễn Cao Kỳ. Đồng thời thông qua Lê Văn Thái, tôi đến gặp Nguyễn Cao Kỳ. Khi tôi đến nhà Nguyễn Cao Kỳ, Lê Văn Thái giới thiệu với Kỳ tôi là người của thượng tọa Thích Thiện Minh, ông Kỳ có thể trông cậy vào tôi để lấy chữ ký của nghị viên Phật tử. Tôi nói với Nguyễn Cao Kỳ rằng, việc lấy chữ ký vào thời điểm này là hơi muộn, vì Nguyễn Văn Thiệu đã mua gần hết, nhưng vẫn còn có khả năng nếu ông Kỳ được Phật giáo ủng hộ. Tôi cũng thông báo cho Nguyễn Cao Kỳ biết, vấn đề quan trọng là Phật giáo sẽ ủng hộ ai trong cuộc tranh cử này. Nguyễn Văn Thiệu tất nhiên là Phật giáo không ủng hộ rồi. Tôi nói: Còn đối với ông Kỳ, một là Phật giáo không chấp nhận tính hiếu chiến của ông, hai là vụ ông Kỳ đàn áp Phật giáo ở miền Trung vừa qua họ cũng không chấp nhận. Phật giáo không cần tiền, họ chỉ cần ông Kỳ có thái độ rõ rệt đối với các yêu cầu của Phật giáo. Nguyễn Cao Kỳ nói nếu được ủng hộ ông ta sẽ làm theo yêu cầu của Phật giáo. Ông ta hẹn gặp lại tôi trưa hôm sau. Tôi về gặp lại thượng tọa Thích Thiện Minh, cho ông ta biết là Nguyễn Cao Kỳ sẽ làm bất cứ việc gì miễn là được Phật giáo ủng hộ. Thượng tọa Thích Thiện Minh nói: Ông Kỳ dù có lấy đủ chữ ký cũng không thể đắc cử tổng thống được. Vì vậy, ông ta chỉ cần sám hối việc đàn áp Phật giáo vừa qua và đảo chính lật đổ Thiệu thì Phật giáo sẽ ủng hộ. Ông ta có dám làm đảo chính không? Hôm sau tôi trở lại nhà Nguyễn Cao Kỳ, cho ông ta biết ý của thượng tọa Thích Thiện Minh. Kỳ ưng chịu ngay. Ông ta nói về phía Mỹ ông ta sẽ cử người đi vận động, vì đảo chính mà không được Mỹ ủng hộ thì không thể thành công. Kỳ cũng đi vận động Dương Văn Minh tham gia. Tôi ráp mối cho Nguyễn Cao Kỳ gặp thượng tọa Thích Thiện Minh, ông ta nói sắp xếp xong sẽ cho tôi biết thời gian gặp. Lúc đó thượng tọa Thích

Minh cáo ốm vào nằm Bệnh viện Sùng Chính đợi Nguyễn Cao Kỳ suốt cả tuần lễ nhưng không thấy tin tức gì. Tôi lại đến nhà Nguyễn Cao Kỳ. Ông ta nói rằng người Mỹ dứt khoát không ủng hộ, còn ông Dương Văn Minh thì không chịu hợp tác. Ông ta đề nghị: Chỉ còn một cách thôi, Phật giáo cứ đưa phong trào lên, tôi sẽ nhân cơ hội đó đặt người Mỹ vào một chuyện đã rồi. Nhưng thượng tọa Thích Thiện Minh vẫn một mực đòi hỏi ngược lại: Nguyễn Cao Kỳ phải công khai xin lỗi Phật giáo, rồi làm đảo chính, lúc đó Phật giáo sẽ đưa phong trào ra ủng hộ cuộc đảo chính này. Cuối cùng, hai bên đều bỏ cuộc".

Mật vụ và chính khách

Sau việc "xúi" Nguyễn Cao Kỳ đảo chính Nguyễn Văn Thiệu không thành công, khi phong trào chống Thiệu bùng phát dữ dội, ông Ba Quốc bảo ông lại xáp vào làm một cuộc vận động nữa nhưng cũng thất bại. Ông rút kinh nghiệm và điều chỉnh lại các hoạt động.

Năm 1972 là năm có nhiều biến cố quan trọng. Nếu năm 1971 quân giải phóng mới tiêu diệt địch "dã ngoại" thì năm 1972 đã tiêu diệt địch ở những cứ điểm rắn nhất, giải phóng Quảng Trị, đánh đường 13 bao vây An Lộc... Mặc dù quân đội Sài Gòn được Mỹ yểm trợ không quân và hải quân với quy mô chưa từng thấy, mặc dù Mỹ điên cuồng ném bom dữ dội xuống Hà Nội và Hải Phòng cuối năm 1972, nhưng đây cũng là năm Mỹ phải chấp nhận thất bại, buộc phải ký Hiệp định Paris vào đầu năm 1973. Đây cũng là năm mà các phái đoàn quân sự từ Mỹ, Pháp, Thái Bình Dương... qua Sài Gòn nghiên cứu đông nhất, cũng là năm mà các tướng tá quân đội Sài Gòn dao động chưa từng thấy. Lúc này ông Ba Quốc đã mở rộng thêm được nhiều mối quan hệ.

Về quân sự, từ năm 1971 ông lợi dụng mâu thuẫn giữa Đặc ủy trưởng Nguyễn Khắc Bình với Tổng tham mưu trưởng quân đội Cao Văn Viên để lấy cắp các tài liệu của Bộ Tổng tham mưu mà người cung cấp chỉ biết ông lấy cho Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo. Ông còn thân thiết với Giám đốc Trung tâm Tình báo hỗn hợp Bộ Tổng tham mưu Vũ Văn Nho, với nhiều phòng ban của Bộ Tổng tham mưu, rồi mở rộng quan hệ với chuẩn tướng Vũ Văn Giai (Quân đoàn I) và trung tướng Ngô Du (Quân đoàn II), với Phó đại sứ Mỹ Comer, với các sĩ quan Mỹ trong cơ quan

MACV... Ông không chỉ lấy được những tài liệu nguyên bản về hồ sơ trận liệt suốt từ năm 1971 đến 1974 mà còn báo những tin quan trọng về tình trạng suy sụp của Quân đoàn 2 và kế hoạch sử dụng địa phương quân của Ngô Du, về mức độ tan vỡ của hai binh chủng Dù và Thủy quân lục chiến, về việc Lonol gặp Nguyễn Văn Thiệu chuẩn bị thành lập các trung đoàn hỗn hợp dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, thông tin xung quanh việc Mỹ ném bom B52 ở Hà Nội...

Năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ một mặt ồ ạt đổ chiến cụ vào miền Nam, mặt khác tiếp tay cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vi phạm hiệp định, đẩy mạnh bình định lần chiếm. Lúc này ngoài tin tức về quân sự, ông Ba Quốc được chỉ thị đi sâu vào các tổ chức chính trị và các

phe phái đối lập. Ông kể: "Kinh nghiệm cho thấy tôi có nhiều khả năng cố vấn những âm mưu chống lại chính quyền bao nhiêu thì càng khai thác được nhiều tin tức bấy nhiêu. Chẳng hạn, tôi "gà bài" cho dân biểu Vũ Công Minh (Vũ Công Minh, người của Hòa Hảo, trước đây dẫn đường cho ông gặp Trịnh Quốc Khánh hồi ông còn làm ở Sở Nghiên cứu chính trị, nên thân với ông từ đó - PV) thì không những tôi khai thác được tin tức của các phe phái Hòa Hảo mà còn sử dụng ông ta điều tra các phe phái tay chân của Mỹ hay của Nguyễn Văn Thiệu trong Hạ viện. Góp ý với Thái Lãng Nghiêm (thượng nghị sĩ) cách chống Nguyễn Văn Thiệu, tôi có thể sử dụng ông ta điều tra bàn tay của Mỹ, của Thiệu hay của Công giáo trong Thượng viện... Còn đối với linh mục Hoàng Quỳnh, lúc đó muốn thành lập Mặt trận nhân dân đòi hòa bình, tự do dân chủ với chủ trương muốn Chính phủ của Thiệu nói chuyện với Hà Nội còn mặt trận của ông ta nói chuyện với Mặt trận dân tộc giải phóng. Linh mục Quỳnh đã liên lạc được với Cao Đài, Hòa Hảo, nhưng chưa liên lạc được với Phật giáo Ấn Quang. Âm mưu của người Mỹ là sử dụng linh mục Hoàng Quỳnh để thành lập "mặt trận liên tôn" chống cộng, nên phải lôi kéo Phật giáo tham gia, vì nếu Phật giáo không tham gia thì các tôn giáo khác sẽ không theo. Tôi hứa với linh mục Quỳnh liên lạc với Phật giáo. Và khi gặp người của thượng tọa Trí Quang, tôi biết ông Trí Quang nắm rõ âm mưu của Mỹ nên không bao giờ hợp tác với Hoàng Quỳnh...".

Ông Ba Quốc kể tiếp: "Để có thể nắm được sát âm mưu của địch trong việc thi hành hiệp định và để nếu chính phủ ba thành phần được hình thành thì tôi đã nắm được trong phe cực hữu, tôi bắt đầu tham gia vào các tổ chức chính trị. Đầu tiên tôi gia nhập lực lượng nhân dân kiến quốc của luật sư Lê Trọng Quát với cương vị Ủy viên Trung ương phụ trách Tổng bộ chính trị. Tiếp đó, trước khi Nguyễn Văn Thiệu đi Mỹ gặp Nixon, ông ta liên lạc với Trần Quốc Bửu, Chủ tịch Đảng Công nông, Nguyễn Ngọc Huy, Tổng thư ký Tân Đại Việt và Lê Trọng Quát yêu cầu lập mặt trận rộng rãi vừa để hậu thuẫn cho ông ta gặp Nixon vừa sẵn sàng cho một cuộc đấu tranh chính trị để củng cố quyền lực. Sau nhiều ngày họp tại trụ sở Tổng liên đoàn Lao công, "Mặt trận quốc gia xã hội" được thành lập, gồm Đảng Công nông, Tân Đại Việt, Lực lượng nhân dân kiến quốc Việt Nam Quốc dân Đảng (nhóm Nguyễn Đình Lương), Việt Nam Dân chủ xã hội Đảng (nhóm Hòa Hảo của Lâm Thành Nguyễn) và Đảng Xã hội của Trương Lương Thiện (Cao Đài). Tôi tham gia mặt trận này với cương vị Ủy viên Trung ương phụ trách Tổng bộ Lao động".

Việc tham gia hoạt động chính trị như vậy cũng là "chức năng" của ông ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, vì phủ này cũng cần đưa mặt vụ vào nắm giữ các vị trí trong các tổ chức chính trị, bởi vậy coi như ông làm một công đôi việc. Bên cạnh các tin tức quân sự, tin tức chính trị ông gửi lên cấp trên trong thời kỳ này là nhiều nhất...

"Tài liệu của Bộ Tổng tham mưu, Tổng tham mưu trưởng chưa đọc mà Hà Nội đã đọc rồi"

Sau Hiệp định Paris, Nguyễn Văn Thiệu sang Mỹ gặp Nixon, nhưng không được tiếp như một "quốc

khách". Lúc về, Nguyễn Văn Thiệu chỉ trích Mỹ bỏ rơi mình. Đó là chưa kể ông ta đi một loạt nước châu Âu để vận động ủng hộ nhưng cũng bị các nước này khinh rẻ, nhiều nước coi Thiệu như tội phạm chiến tranh.

Lúc này Nguyễn Văn Thiệu thi hành chính sách phát-xít, ra lệnh cấm các đảng phái không có "phái lai" hoạt động, đảng phái nào muốn hoạt động phải dồn vào mặt trận ủng hộ Thiệu. Đây là cơ hội để đưa phong trào chống chiến tranh, đòi thi hành Hiệp định Paris lên cao.

Ông Ba Quốc một mặt vẫn giữ một chân trong "Mặt trận quốc gia xã hội" - mặt trận được lập ra để hậu thuẫn cho Nguyễn Văn Thiệu, mặt khác tiếp tục "sát cánh" với ông Nguyễn Văn, người của thượng tọa Thích Trí Quang để thúc đẩy phong trào Phật giáo phản chiến bùng lên. Ông kể: "Nhưng phong trào Phật giáo lúc đó gặp hai trở ngại chính. Thứ nhất là không có tiền, không có gạo. Tôi tính với ông Nguyễn Văn là muốn đưa phong trào lên thì phải tập trung cho được khoảng 600 tấn ni và khoảng 2.000 thanh niên sinh viên Phật tử. Ông Văn vận động với Hòa thượng Thích Trí Thủ cho tiến hành một cuộc lạc quyên toàn thể Phật tử mỗi người góp 1 đồng, nhưng vì mâu thuẫn trong Viện Hóa đạo nên cuộc lạc quyên này chưa thực hiện được. Cái khó thứ hai là sự cản trở của thượng tọa Thích Thiện Minh và Hoàng Văn Giàu. Với tư cách là bạn và là người giới thiệu Hoàng Văn Giàu viết bài trên tờ Lập Trường chống Nguyễn Văn Thiệu, tôi trực tiếp vận động thượng tọa Thích Thiện Minh và Hoàng Văn Giàu thay đổi thái độ đi theo con đường hòa bình chống chiến tranh, nhưng cũng không có kết quả, vì cả hai đều chủ trương không để Phật giáo bị "cộng sản hóa". Ông Nguyễn Văn bàn với một số thanh niên Phật tử gây áp lực với thượng tọa Thích Thiện Minh và Hoàng Văn Giàu để chiếm trụ sở Tổng vụ Thanh niên rồi phát động phong trào chống Thiệu. Tôi lại dàn xếp với ông Văn ngưng vụ này, vì làm như vậy có thể dẫn đến việc một số người trong Viện Hóa đạo quay sang hợp tác với chính quyền thì phong trào sẽ bị dập tắt ngay, mặt khác do tôi đã trực tiếp can thiệp, nếu để việc đổ bể tôi chắc rằng Nguyễn Văn Thiệu sẽ truy ra và không để tôi yên".

Đó là phía Phật giáo. Còn phía công giáo, ông Ba Quốc nói: "Lúc đó Mỹ rút quân nhanh ra khỏi miền Nam, vũ khí đạn dược, máy bay yểm trợ trên chiến trường bị cắt giảm mạnh. Quân đội Sài Gòn ngày càng hoang mang dao động. Về kinh tế, giá cả tăng vọt, giá xăng tăng từ 24 đồng lên 240 đồng/lít, nạn thất nghiệp gia tăng nhanh, đã có hiện tượng người dân bị chết đói ở miền Trung. Lúc đó ngay cả các thế lực chống cộng cực đoan trong Công giáo cũng không thể ngồi yên, họ phát động chiến dịch chống tham nhũng để chứng minh họ không liên quan đến trách nhiệm về sự thối nát của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Phát động phong trào này, họ còn nhằm tập hợp lực lượng để hậu thuẫn cho những người được mệnh danh là trong sạch trong hàng ngũ tướng tá trẻ, dọn đường cho những người này lật đổ Nguyễn Văn Thiệu để lên nắm chính quyền. Một trong những người khai sinh ra phong trào này đến gặp tôi, giới thiệu với tôi một giáo sư từ Mỹ về tên là Trần Văn Nam, bạn của Kissinger. Tôi đến gặp luật sư Trần Văn Tuyên để điều tra về người này nhưng chưa có kết quả thì một sự cố nghiêm trọng xảy

ra...".

Ông Ba Quốc kể tiếp: "Đó là ngày 22/5/1974, tại địa điểm giao liên thường trực, tôi được báo tin một giao thông viên khi mang tài liệu trên đường đã bị bắt ở Suối Cụt vào ngày 20/5, tức là đúng vào ngày mà tôi giao tài liệu cho chuyển liên lạc trước. Ngày 23, tôi nhận được chỉ thị phải ra căn cứ gấp. Cấp trên cũng cho quy ước bắt liên lạc tại một rạp chiếu bóng ở Mỹ Tho vào các ngày lẻ 25, 27, 29... Nhận được chỉ thị này tôi thấy rất tiếc là mình không được hoạt động cho đến ngày thắng lợi cuối cùng mà lúc bấy giờ đang là thời kỳ hấp hối của địch. Hôm đó, tôi vẫn tìm hiểu tin tức ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo và Bộ Tổng tham mưu, nhưng không thấy động tĩnh gì hết. Buổi tối, tôi còn đến nhà luật sư Đặng Thị Tám trong nhóm của Trần Quốc Bửu gặp một người Israel đến theo lời mời của bà Tám để nghe người này trình bày về dự kiến thành lập làng Kibud (làng tổ chức theo kiểu Do Thái). Hôm sau, tôi lại nhà Vũ Văn Nho, Trưởng phòng 2 Bộ Tổng tham mưu. Ông Nho là chỗ bạn bè mà tôi thường hay lui tới để nắm tình hình. Vũ Văn Nho bảo với tôi: Trong Bộ Tổng tham mưu có phản gián của Việt cộng. Ông ta nói có lẽ vì thấy ông ta là người chống cộng vào loại đáng sợ nên phản gián của Việt cộng muốn thanh toán ông ta bằng cách đưa tài liệu của ông ta ra cho chính An ninh bắt. Đại tướng Cao Văn Viên đã gọi ông ta tới Văn phòng, đập bàn hét: Tài liệu của Bộ Tổng tham mưu, Tổng tham mưu trưởng chưa đọc, mà Hà Nội đã đọc rồi ! Cao Văn Viên nghi thủ phạm chính của vụ này là Vũ Văn Nho. Kể chuyện xong, Nho bảo với tôi: Hai bữa nữa anh lại đây tôi sẽ cho anh biết thủ phạm của vụ này là ai...".

Chống Mỹ 20 năm mới bắt đầu tập... đi chân đất

Ông Ba Quốc nhớ lại: "Nghe Vũ Văn Nho nói như vậy là sự việc đã về tới Bộ Tổng tham mưu, nhưng chúng chưa tìm ra được thủ phạm. Song chắc chắn chúng sẽ tìm ra tôi. Thực ra tài liệu đó là những hồ sơ trận liệt do trung úy Vũ Văn Mùi đưa cho tôi chứ không phải từ Vũ Văn Nho.

Những tài liệu đó do ông Mùi in, cứ in được tới đâu giao cho tôi tới đó chứ không giao luôn một đợt, còn với Tổng tham mưu trưởng thì phải chờ in đủ một đợt mới trình lên, do vậy mà tài liệu tôi bao giờ cũng có trước ông Cao Văn Viên.

Tất nhiên ông Mùi không nghĩ tôi là Việt cộng, ông ta chỉ nghĩ tôi lấy tài liệu cho Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo thôi. Hằng tháng tôi trích một phần tiền lương của tôi để trả công cho ông ta. Khi biết bị lộ rồi, tôi tới báo tin cho ông Mùi rằng tôi bận đi miền Tây mấy ngày về vụ Hòa Hảo, dặn ông ta đừng mang tài liệu ra, đợi tôi về hẵng hay".

"Lúc đó ông đi ngay về căn cứ hay còn làm gì nữa ?", chúng tôi hỏi. Ông Ba Quốc: "Chưa. Tôi phải làm hai việc nữa. Thứ nhất là tôi đến gặp một số chính khách có thiện cảm với cách mạng, mục đích là để sau này móc nối làm việc. Đó là các ông Thái Lăng Nghiêm, nghị sĩ; Vũ Văn Vị, lãnh tụ Duy Tân; Phan Bá Cầm, lãnh tụ Dân chủ xã hội, Vương Ngọc Các, con rể nguyên Thủ tướng Lê Văn

Hoạch; luật sư Trần Văn Tuyên; Nguyễn Văn, người của thượng tọa Trí Quang, Vũ Công Minh, dân biểu... Khi biết tôi là người của cách mạng, phản ứng của những người này rất có lợi cho dự kiến của tôi. Ông Thái Lăng Nghiêm nói: Cộng sản mà có anh thì cả nước này là cộng sản rồi còn gì. Các anh sẽ thắng ! Việc thứ hai là tối hôm đó tôi dặn vợ con tôi cách khai báo với địch. Trước hết khai rằng tôi báo với gia đình đi công tác 1 tháng. Cả nhà lớn nhỏ người nào thấy tôi làm gì từ trước đến nay đều khai hết và khai đúng sự thật, không giấu giếm bất cứ thứ gì, nhưng chỉ biết tôi làm cho Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, dứt khoát không nói biết tôi làm cho cách mạng". "Sau đó ông đi luôn ?". "Vẫn chưa. Sáng hôm sau tôi đến Phủ Đặc ủy làm việc bình thường. Đến một lúc, tôi dặn nhân viên của tôi có ai hỏi thì bảo tôi sang chỗ linh mục Hoàng Quỳnh và đi bằng xe của Hoàng Quỳnh đến đón. Dặn xong tôi mới đi đến địa điểm hẹn với giao thông. Sở dĩ tôi phải dặn như vậy là để đề phòng trường hợp tôi không đi được phải trở về. Và bữa đó không bắt được liên lạc, tôi phải trở về thật. Sáng ngày 27/5, tôi lại đến điểm liên lạc thường trực, gặp chị giao thông và chị đã đưa tôi tới Mỹ Tho. 9 giờ đã đến nơi rồi mà quy ước là 5 giờ chiều mới có liên lạc. Chúng tôi phải vào rạp xem ciné từ 9 giờ và ngồi xem mãi cho đến 5 giờ mới ra bắt liên lạc. Đến 8 giờ tối thì tôi được đưa về Cụm H67 (ông Ba Quốc thuộc Cụm Tình báo H67 của cơ quan tình báo miền). Tôi được nghỉ tại đây khoảng 1 tháng để... tập đi chân đất, tập lội bùn, và về đến cơ quan tình báo miền sau 1 tháng 8 ngày bằng đường dây võ trang".

"Vi sao ông phải... tập đi ?". Ông Ba Quốc cười: "Suốt 20 năm hoạt động ở Sài Gòn tôi chưa ra vùng giải phóng lần nào. Lần đầu tiên ngỡ ngàng lắm, phải tập thì mới đi được chứ !".

Anh con trai của ông Ba Quốc kể: "Đợt chụp phim cuối cùng đó tôi còn nhớ, tôi chụp cái hồ sơ trận liệt khoảng hơn 100 tờ, hết 4 cuộn phim, rồi chụp thêm 4 tờ giấy viết tay, rồi một bức thư nữa. Chụp xong, tôi đi đá banh... Mấy hôm sau, buổi chiều bố tôi về, tôi thấy ông có vẻ buồn. Tối tối, tôi nghe mẹ tôi nói: Bố bị lộ rồi. Hôm sau, trước khi đi bố tôi còn leo lên sửa lại mái nhà bị dột, dặn nếu có ai đến thì bảo bố không có nhà. Lúc đó ông Vũ Văn Mùi đến, gõ cửa hỏi : Anh Tá có nhà không ? Tôi bảo bố tôi không có nhà. Sau đó ông Mùi bị bắt. Bố tôi đi bỏ chiếc xe Vespa và khẩu súng ru-lô lại. Chiều hôm đó tôi bắt đầu thấy có hiện tượng nhà tôi bị theo dõi. Cư xá chúng tôi ở lúc đó phần nhiều là dân của Phủ Đặc ủy, nhìn họ ngó ngó nghiêng nghiêng là biết ngay. Mấy ngày sau, vào lúc 12 giờ đêm, khi còi vừa hạ giới nghiêm xong là họ ập vào nhà rất đông. Mặc dù đã chuẩn bị sẵn nhưng cũng thấy rất hoảng vì họ đến đông quá. Họ bắt đầu xét nhà, toàn bộ đồ đạc giấy tờ liên quan đến bố tôi đều bị họ dồn vào giữa nhà. Đến khoảng 4 giờ sáng họ xuống nhà xe lục tiếp và tịch thu chiếc xe, tịch thu súng. Đến 4 giờ 30 sáng họ về. Họ đi rồi mẹ tôi bảo: Thế nào chúng cũng quay lại bắt...".

Anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc kể tiếp: "Tôi có ba anh em. Tôi lúc đó chuẩn bị thi tú tài, anh trai tôi là sinh viên Đại học Phú Thọ, còn bé Hạnh, em gái tôi thì còn nhỏ. Trước khi đi, bố tôi bảo với tôi: Chúng sẽ bắt mẹ con và bắt một trong hai đứa, tức là bắt người chụp hình. Con cứ nói thật là

con chụp, còn hai ngón tay in dấu trên phim cũng cứ nói thật là của bé Hạnh. Bố tôi dự đoán rất chính xác. Đến 6 giờ sáng, họ quay trở lại. Họ bảo bố tôi đang ở Phủ Đặc ủy, mời mẹ tôi và tôi lên gặp ông. Xe chạy ra đến đường Trần Quang Khải thì họ đưa băng đen bịt mắt mẹ con tôi lại, khi đến nơi họ tách mẹ con tôi ra..."

Đại họa giáng xuống đầu vợ con

Ngay sau khi ông Ba Quốc lên chiến khu, đại họa đã giáng xuống đầu gia đình ông. Vợ và người con trai thứ ba của ông ở Sài Gòn bị bắt. Bà Ngô Thị Xuân, vợ ông kể:

"Suốt hai mươi năm tôi sống trong lo lắng, cứ mỗi lần ông về muện là tôi lại thấp thỏm không yên, không biết tai họa sẽ giáng xuống vào lúc nào. Và ngày đó đã đến. Ông vừa đi thì mẹ con chúng tôi bị chúng bắt, tra tấn tàn bạo lắm. Con tôi bị đánh mặt mũi sưng vù, chân tay lở lói, ăn uống thì thiếu thốn nên cả người nó bị phù thũng. Tôi nhớ có lần chúng đưa đi thăm vấn, tôi ngồi đằng này, con tôi ngồi đằng kia mà mẹ con tôi không nhận ra nhau. Thấy nó nhưng tôi không nghĩ đó là con của mình, mãi đến khi nó mở miệng nói thì tôi mới nhận ra nó".

Còn anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc thì kể: "Ban đầu chúng bắt mẹ con chúng tôi vào giam ở nhà giam của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, giam riêng mẹ tôi một nơi, tôi một nơi. Người hỏi cung là đại úy Phan Ngọc Sơn. Ngày đầu tiên chúng không hỏi gì hết. Đến tối, chúng đưa cho tôi một tờ giấy bảo làm bản tự khai, bảo tôi khai tất cả những việc tôi làm từ nhỏ đến lớn. Trước khi đi bố tôi dặn đi dặn lại là, tất cả những gì tôi đã làm thì phải khai cho hết, bố bảo không khai là không được vì tất cả những vân tay đều được in trong phim rồi. Tôi khai: Bắt đầu từ năm 1971, thấy bố mang máy chụp hình về, bảo chụp hình giùm bố, đó là những tài liệu về trận liệt, bố nói là chụp tài liệu cho Phủ Đặc ủy. Chúng hỏi những việc bố tôi làm ở nhà, những ai thường đến nhà và địa chỉ những người đó ở đâu... Tôi thấy như thế nào tôi nói ra như thế, những gì không biết tôi nói không biết. Tôi chỉ không khai bố tôi là Việt cộng thôi, vì trước khi đi bố tôi dặn nhất thiết không được khai chuyện đó. Hằng ngày chúng làm cung và làm cung liên tục. Vài hôm sau khi bị bắt, khi tôi đi tắm thì nhìn thấy ông Vũ Văn Mùi, tôi hơi giật mình. Vợ ông Mùi và con trai ông Mùi cũng bị bắt. Trong trại giam, tôi nằm phòng chính giữa, con ông Mùi nằm phía bên phải, ông Mùi nằm phía bên trái, hai phòng ngoài là mẹ tôi và vợ ông Mùi nằm. Ông Mùi bị chúng đánh suốt một tuần lễ, người chỉ còn da bọc xương".

"Ông Mùi khai đã đưa tài liệu cho bố anh?", chúng tôi hỏi. "Ông Mùi là người giữ tài liệu gốc ở Bộ Tổng tham mưu, đưa cho bố tôi, ông ta chỉ biết bố tôi là người của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, tất nhiên là ông ta khai như vậy. Trong trại giam bà vợ ông Mùi còn phàn nàn với mẹ con tôi rằng:

Đưa tài liệu cho ông Tá mỗi tháng chỉ được ông Tá cho một bao gạo, mà chồng tôi chỉ biết ông Tá làm cho Mỹ, không ngờ lại ra nông nổi này".

Anh kể tiếp: "Trong thời gian này tôi đang chuẩn bị thi tú tài. Những người trong Phủ Đặc ủy bảo với tôi: Chúng tôi biết anh đang chuẩn bị thi tú tài, anh khai thì cứ khai, nhưng trong thời gian rảnh, chúng tôi sẽ mang sách vở đến cho anh học thi. Và quả đúng như thế, họ bảo tôi viết thư gửi về nhà và cho người đến gặp anh tôi, cậu tôi để lấy sách vở mang vào cho tôi học thật. Hồi cung liên tục hơn 2 tháng, một hôm chúng đem những tấm hình tài liệu ra hỏi: Có phải anh chụp những tấm hình này không? Tôi đáp: Đúng là tôi chụp. Chỉ vào 2 dấu vân tay, chúng hỏi tiếp: Dấu tay này là của ai? Tôi đáp: Của bé Hạnh, em gái tôi. Sau đó chúng bảo sẽ chở mẹ con tôi đi để thả về. Nhưng mẹ tôi nói với tôi rằng: Chúng sẽ không thả đâu con. Và đúng như mẹ tôi nói. Chúng đưa chúng tôi lên xe chở đi, đến khi chúng mở băng bịt mắt thì tôi thấy nguyên một dãy nhà tù, sau này tôi mới biết đó là Trung tâm Thẩm vấn của Tổng nha Cảnh sát...".

"Tại Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo chúng có đánh mẹ con anh không?". "Tại đây chúng không đánh, chỉ hỏi cung 2 tháng thì kết thúc hồ sơ. Nhưng sang đến trung tâm thẩm vấn thì khác. Mẹ con tôi bị đánh tàn bạo. Người làm cung ở đây là đại úy Nguyễn Văn Hiệp. Gặp tôi là hấn đánh phủ đầu. Hiệp hỏi: Mày có biết bố mày là Việt cộng không? Tôi trả lời: Không biết. Hiệp: Mày mà không biết bố mày là Việt cộng hả? Hấn vừa nói vừa đánh tôi một trận như tử. Chúng đưa tôi đến nhận diện giao thông viên. Hỏi: Có biết người này không? Trả lời: Không biết. Mà thật sự là tôi không hề biết người đó. Lại đánh một trận nữa. Đến hôm khác, hấn lại hỏi: Người đưa bố mày đi là ai? Bây giờ ở đâu? Trả lời: Không biết. Lại bị đánh. Một hôm khác, hỏi: Mày thấy bố mày bắt đầu chụp hình từ khi nào? Tôi khai như khai ở Phủ Đặc ủy. Hấn bắt tôi diễn lại việc chụp hình, tráng hình... Rồi tiếp tục đánh. Hôm khác lại hỏi: Ngoài tài liệu của bố mày đưa cho mày chụp, còn có ai đưa tài liệu nữa không? Người ấy bây giờ ở đâu? Trả lời: Không có ai nữa hết. Lại đánh tiếp... Chúng thẩm vấn như vậy mãi cho đến hết tháng 11/1974 thì làm xong cung chì, lúc đó mới hết đánh...".

Chuyện “hàng xóm” và chuyện của người giao liên

Anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc kể tiếp: "Trong thời gian mẹ tôi và tôi ở trong nhà giam, ở nhà anh tôi một mình nuôi hai đứa em. Trước anh tôi cũng học Trường Lasan Đức Minh, đỗ tú tài 2 xong, do học giỏi, anh được cấp học bổng đi du học Colombia (Mỹ), Trường Đức Minh có 2 người được học bổng du học đợt đó, nhưng bố tôi không cho đi, nên anh thi và đỗ vào Trường Phú Thọ. (...)

Khi bố tôi bị lộ, mẹ tôi và tôi bị bắt, Trường Phú Thọ chỗ anh tôi học không gây khó dễ gì cho anh tôi cả. Anh tôi vừa đi học, vừa đi làm, vừa đi dạy kèm. Giám học Trường Lasan Đức Minh là fère

Bênile, thấy hoàn cảnh gia đình tôi như vậy cũng giúp đỡ bằng cách giới thiệu cho anh tôi đi dạy thêm. Trong những học trò mà anh tôi dạy có cả con của trung tướng Ngô Du, Tư lệnh Quân đoàn 2. Còn tại cư xá nhà tôi ở, phía dưới là nhà trung tá Ngô, phi công. Bên cạnh là nhà ông Đán, trợ lý của linh mục Hoàng Quỳnh. Cạnh ông Đán là nhà ông Thu, thiếu tá Biệt khu thủ đô. Trên lầu là 2 ông ở Bộ Nội vụ, cạnh đó là nhà ông Lộc, ông Phúc, ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo. Đối diện cầu thang nhà tôi là nhà đại tá Nguyễn Văn Y, trước là Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia thời Ngô Đình Diệm, lúc đó đã về hưu... Xung quanh toàn là những người như vậy cả, nhưng khi biết bố tôi là Việt cộng rồi mà không ai có định kiến gì. Ngay cả những người ở Phủ Đặc ủy cũng kêu anh tôi đến dạy cho con họ. Có lẽ do cách sống, cách ăn ở của bố tôi làm ai cũng có cảm tình, nên khi biết ông là Việt cộng rồi mà không ai sợ liên lụy cả. Chính vì vậy mà anh tôi mới có việc làm nuôi hai đứa em ăn học bình thường...".

Anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc sau này cũng trở thành sĩ quan cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam. Anh đúng là con ông Tá "bụt", hiền lành, chân chất, thấy ai tốt thì anh nói tốt, mà những chuyện tốt của người khác thì anh nhớ rất lâu.

"Còn việc bắt giam mẹ anh và anh, sau đó chúng xử lý như thế nào?". "Giam được 6 tháng, sau khi làm cung xong, một hôm chúng dẫn chúng tôi ra xe đưa qua Nha Cảnh sát đô thành. Hai ngày sau chúng thả mẹ tôi ra, còn tôi chúng cũng thả ra nhưng kèm theo một tờ giấy yêu cầu đến trình diện tại Trung tâm Nhập ngũ 3. Về tới nhà, chúng yêu cầu mẹ tôi phải đăng một mẫu tin trên báo Đại Dân tộc, nội dung chúng viết sẵn như sau: Nhấn bố thằng Q. Gia đình vẫn bình yên. Bố về gấp! Q. là em trai tôi...". "Rồi anh có trình diện không?". "Không. Lúc đó tình hình đã rất lộn xộn rồi. Mấy tháng sau thì giải phóng". "Có đăng báo không?". "Có chứ. Chúng bắt buộc phải làm như vậy". "Anh có biết chúng bảo đăng báo như vậy để làm gì không?". "Có lẽ để dụ bố tôi về".

Suốt 20 năm hoạt động trong lòng địch, trong những tình huống bất đắc dĩ hoặc do yêu cầu bức bách của nhiệm vụ, ông Ba Quốc nhiều phen phải mạo hiểm, phải "liều", nhưng ông vô cùng cẩn trọng. Theo chúng tôi biết, việc ông bị lộ là do một tình huống rủi ro ngẫu nhiên, không phải khiếm khuyết của bản thân ông hay của hệ thống liên lạc. Bà Bảy Anh (Nguyễn Thị Bảy), người giao thông nội đô cho ông kể: "Tui làm liên lạc cho anh Ba từ năm 1966 đến năm 1974. Tui có nhiều bình phong lắm, nhưng chủ yếu là làm nghề may, cũng có khi tui đóng vai làm mướn cho người ta. Tất cả những chỗ tôi ở đều không gặp nguy hiểm gì hết. Những chỗ tôi ở đều là cơ sở, biết tôi là Việt cộng nhưng không biết tôi làm ngành nào mà không ai hỏi han bao giờ. Có lúc tôi ở nhà một cơ sở của ta là dân biểu Hạ nghị viện, ở nhà đó tôi đóng vai người làm công. Tui lại có giấy tờ tùy thân đầy đủ, mà là giấy căn cước thật chứ không phải căn cước giả đâu. Tôi gặp anh Ba mỗi tuần 1-2 lần, có khi nhiều hơn. Hễ có chỉ đạo gì trong đó gửi cho anh Ba là tui căn cứ trong thư tui gặp, chứ không hề có quy định ngày giờ và địa điểm. Cứ mỗi lúc đến kỳ hẹn gặp giao thông trong cứ ra, tôi mới biết ngày giờ và địa điểm tui sẽ gặp anh Ba. Trong tất cả những lần gặp gỡ anh Ba để trao đổi tài liệu, tôi chưa bao giờ cảm thấy nguy

hiếm cả, lần nào hẹn là đều gặp được và rất an toàn. Hồi đó mỗi lần đi gặp anh Ba, tùy theo địa điểm mà tui ăn mặc, ví dụ hẹn gặp ở chợ Sài Gòn hay vào dịp lễ tết thì tui mặc áo dài, còn hẹn gặp ở những địa điểm thường thì tui mặc bà ba bình thường, có khi đi bộ, có khi đi xe lam, xích lô. Nhiều lúc đi đến nơi hẹn phải đi 2 hay 3 chặng xe. Chúng tôi gặp nhau thường chỉ kịp trao đổi tài liệu, không bao giờ kịp nói điều gì hay hỏi thăm hoàn cảnh của nhau. Sau khi nhận tài liệu của anh Ba xong thì các ngày sau tôi mới gặp giao thông trong cứ ra. Tài liệu của ảnh hóa trang rất kỹ và nhỏ gọn lắm, mang về nhà tui hay quăng đâu đó mà chẳng ai để ý. Chuyện anh Ba bị lộ là như thế này. Bữa ấy có một cô giao liên trong cứ ra gặp tôi để lấy tài liệu về. Tôi biết trên đường đi cô ấy không hề bị lộ. Nhưng trong lúc ra đến Củ Chi để đi về căn cứ, trên đường đi thì gặp một cán bộ của mình công tác ở ngành nào đó tui không rõ, tui nó bắt ông đó trên xe, tất cả những người trên xe đều bị bắt hết, cô giao liên đi trên xe đó cũng bị bắt luôn. Cô ấy bị bắt rồi thì mấy ảnh trong cứ tức tốc cho liên lạc gặp tui tại hộp thư bắt thường gọi tôi vào trong cứ. Tui báo với mấy ảnh trong đó rằng cô ấy bị bắt, dù cô ấy có ra đây cũng không biết tui ở đâu, nên tui biết chắc là tôi không thể nào bị lộ được. Nhưng cấp trên đã bảo rút thì tui phải chấp hành. Cô ấy bị bắt và địch đã phát hiện ra chính tài liệu sau cùng mà tôi nhận từ anh Ba giao cho cô ấy, từ tài liệu đó mà địch truy ra". Bà Bảy Anh chính là vợ ông Bảy Anh, người chỉ huy trực tiếp của ông Ba Quốc sau ông Ba Hội. Bà cũng lên căn cứ cùng lúc với ông Ba Quốc. Sau giải phóng bà mang quân hàm trung úy. Bà được thưởng Huân chương Chiến công hạng 3 và 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng 1, 2, 3.

Nhật ký về cuộc "hành quân" đầu tiên

Sau một thời gian "tập đi chân đất, tập lội bùn", ông Ba Quốc được đón về cơ quan tình báo miền trên chiến khu. Sau đây là một đoạn trích trong nhật ký nói về cuộc "hành quân" đầu tiên của ông:

"...Trời dần tối, đoàn người lặng lẽ men theo bờ ruộng ngoằn ngoèo, lồi lõm. Tới áp chiến lược, tin báo truyền khẩu từng người vừa đủ nghe. Trong áp khoảng 1 giờ khuya, thỉnh thoảng ánh đèn dầu le lói qua khe cửa. Ra khỏi áp chừng 2 tiếng là đến điểm bàn giao giữa hai cung giao liên. Dưới vòm trời sao lấp lánh, giữa cánh đồng mênh mông gió thổi, những đóm lửa thuốc lá lập lòe, cán bộ giao liên phổ biến tình hình để phòng tránh địch phát hiện, tránh máy bay, nên yêu cầu đi nhanh tới điểm tập kết trước khi trời sáng. Đoàn người lại nối đuôi nhau rảo bước. Đôi bàn chân vốn chỉ quen đi trong thành phố, dù đã tập luyện cả tháng trời mà lúc này bước thấp bước cao, tê dại tưởng chừng hết chịu đựng nổi, cảm giác như máu đang chảy ướm đẫm lẫn với bùn. Toàn thân dựa vào cái gậy chống, lao đi cho kịp với dòng người, chẳng ai chờ đợi ai. Tới điểm tập trung, toàn thân đau như dầm, hai chân sưng húp, vừa đau đớn vừa tê cứng.

...Nghỉ ngơi đến 5 giờ chiều, ăn uống xong, lại chống gậy đeo ba lô lên đường. Leo qua hai chiếc cầu khỉ mà tưởng như muốn rớt xuống lòng kênh sâu thăm thẳm. Bì bõm nương theo bờ ruộng, đến khoảng 8 giờ tối được báo chuẩn bị qua lộ 4. Mọi người tự tìm lấy một chỗ núp chờ để giao liên đi

nắm tình hình. Vòm trời sao thưa thớt, tiếng dế kêu như một bản đại hòa tấu vang khắp cánh đồng. Một tấm nilon được trải qua lộ cho mọi người bước đi không để lại dấu vết. Một tiếng cú kêu. Đoàn người ra khỏi những chỗ núp, lần lượt băng qua lộ. Đi một đoạn, lại báo có đèn xe jeep, mọi người lao nhanh lên phía trước. Tư Xệ, cán bộ giao thông vũ trang lùi lại mấy bước ghé vào tai tôi: Chú đi như thể địch phát hiện thì nguy. Phải chúc 5 ngón chân xuống, thế này... thế này... Pháo địch không rõ từ đâu dội tới, phá tan đội hình. Tất cả đều nằm xuống. Hết tiếng pháo, đoàn người lóp ngóp đứng dậy, người nào cũng ướt sũng.

...Sau 10 ngày hành quân, hai chân nát bầy, tưa máu mủ. Bước một bước là đau buốt lên tận óc, toàn thân đề lên chiếc gậy. Cuối cùng cũng không chịu nổi, ngất đi, được cõng vào nhà một đồng bào cơ sở cách mấy cây số. Tư Xệ mỗi ngày phải đi về 12 cây số để đón y tá trong xã ra điều trị. Một tuần sau, tuy chưa khỏi hẳn, vẫn phải lên đường trong tình trạng suy kiệt, bước thấp bước cao, nhìn cảnh vật ngày cũng như đêm, quay cuồng trong đồng nước mênh mông mù mịt...

...Sau khi vượt qua cuộc hành trình gian truân 1 tháng 8 ngày thì về đến cơ quan, tại một khu rừng le thuộc tỉnh Lộc Ninh. Niềm vui tràn ngập như đứa con đi xa lâu năm mới về. Ngây thơ, trong trắng, rộn ràng khí thế cách mạng... Các anh cho biết tình hình trong Sài Gòn - địch đã bắt Xuân và con trai. Ngoài Bắc thì cả gia đình đã biết tin mình ra vùng giải phóng...".

Sau hai mươi năm hoạt động trong lòng địch, ông Ba Quốc chịu đựng những gian khổ ít ai hiểu được. Nhưng đoạn nhật ký trên cũng cho thấy, lần đầu tiên ông Ba Quốc biết đến một sự gian khổ khác của cuộc chiến đấu mà hai mươi năm qua ông chưa từng nếm trải. Gian khổ nhưng đầy chất lãng mạn. Và "ông tướng" này lại hăng hái hướng về Sài Gòn. Con người này không bao giờ bỏ dở nửa chừng bất cứ công việc nào. Không phải ngẫu nhiên mà khi đã bị lộ rồi ông vẫn còn tranh thủ gặp người này người khác. Ông bảo, cuối năm đó (1974) ông lại xuống Củ Chi để "móc nối lại" những người mà ông đã tiếp xúc trước khi đi. Đầu tiên ông cử giao liên vào gặp ông Nguyễn Văn, nhưng thất bại. Người giao liên cho biết vì vợ con ông đã bị bắt, nhà đang bị canh chừng, bạn bè thân thích của ông đều bị theo dõi, phải chờ một thời gian cho lắng xuống rồi mới móc nối lại được.

Liên quan đến chuyện này, anh con trai thứ ba của ông Ba Quốc kể: "Sau khi bố tôi đi, lãnh đạo cơ quan tình báo miền cho giao liên mang xuống Sài Gòn gửi cho gia đình tôi 30 ngàn đồng (tiền Sài Gòn lúc đó). Số tiền này giao liên mang đến nhờ ông Nguyễn Văn chuyển. Ông Nguyễn Văn nhận nhưng sợ bị theo dõi nên không dám mang đến. Không biết làm sao với số tiền ấy, cuối cùng thì ông ấy đem đút vào ống tre, giấu kỹ trên trần nhà. Mãi đến khi giải phóng Sài Gòn rồi, ngày 2/5/1975 ông mới mang số tiền đến gửi cho mẹ tôi và nói thật là lúc ấy sợ quá không dám mang qua nhà tôi".

Còn ông Ba Quốc, sau chuyến xuống Củ Chi không thành, ông trở lại cơ quan, đi tham gia khai thác số tù binh bắt được trong trận Phước Long. Và ông bắt đầu nôn nao muốn về thăm gia đình ở Hà Nội. Đúng lúc đó thì cơ quan tình báo quân sự trung ương có lệnh gọi ông ra Bắc. Thế là ông chuẩn bị cho

một chuyến đi ra Bắc. Lúc này đã là mùa xuân năm 1975...

Hai cuộc đoàn tụ

Ông Ba Quốc lên đường ra Bắc bằng ô tô quân sự, dự định sẽ đi trên đường Trường Sơn. Ông viết trong nhật ký: "*... Ra đến Pleiku thì được tin Bình Định đã giải phóng. Xe đi sang phía đèo An Khê rồi xuống đường số 1 về Hà Nội đi thẳng ra Hà Nội. Lúc này tin chiến thắng cứ dồn dập. Quân đội, pháo, tên lửa và các phương tiện chiến tranh rầm rập chuyển vào, khí thế hùng hực, người người nô nức. Đi ba ngày đêm thì về đến Hà Nội, đúng vào lúc tiếng pháo đầu tiên đột mừng chiếm Dinh Độc Lập. Hà Nội vui như bể tung ra, đâu đâu cũng nghe tiếng reo hò...*

Tới trạm tiếp đón của cơ quan, nghỉ ngơi một lát rồi được cơ quan đưa xe về nhà bố ở khu tập thể Kim Liên. Từ trên lầu bước xuống, nước mắt dàn dụa, bố nghẹn ngào: Mày đấy ư con...! Rồi bố run rẩy ôm lấy đứa con hơn 20 năm xa cách trước sự xúc động của bà con xung quanh. Dắt tay con lên nhà, bố chỉ tấm bản đồ treo trên tường với những mũi tên bằng chì đỏ, bố nói bố chám không kịp với tin chiến thắng. Vợ chồng Dung-Hòa (vợ chồng người em trai ông Ba Quốc - PV) cũng về kịp. Cả nhà đông nghẹt người, cười nói thăm hỏi nhộn nhịp...". Về chuyện ông Ba Quốc gặp người cha già của mình, anh con trai của ông ở miền Bắc kể: "Lúc đó ông nội tôi đang dọn cơm trên nhà, nghe bố tôi về ông bàng hoàng quăng cả mâm cơm xuống đất, chén bát vỡ tan hết cả. Ông nội tôi không thể tin rằng sẽ có ngày còn gặp được con mình".

Ông Ba Quốc viết tiếp: "Chú Dung lên báo cho mẹ con Thanh xuống, lý do là tôi không thể về nhà kịp, vì lúc đó cơ quan có lệnh phải vào gấp Sài Gòn để tiếp quản Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo của địch. Đáng lẽ tôi đã nhận được lệnh trở lại ngay trên đường ra Hà Nội nhưng vì xe rẽ xuống Quốc lộ 1 nên lệnh không truyền tới kịp. Lúc ở cơ quan về lại nhà bố thì Thanh và các con đã xuống. Thanh già đi nhiều, tóc đốm bạc, da nhăn nheo, nhưng nét mặt vẫn dịu dàng hiền hậu như xưa. Lúc ra đi thì các con chưa biết gì, bây giờ thì con gái đã lấy chồng có 2 cháu, chồng là thiếu úy quân đội. Còn con trai bây giờ đã là công nhân xí nghiệp quốc phòng. Chồng vợ, cha con gặp nhau, nước mắt quanh tròn, mừng mừng tủi tủi. Buổi chiều cơm nước xong, khách đã vắng, chỉ còn lại cha con, vợ chồng, ông cháu, anh chị em quây quần hỏi han, chuyện kháng chiến, chuyện của Xuân và các con trong Nam, rồi những chuyện thăng trầm của cuộc sống, của tình người trong hai mươi năm... Đến nửa đêm, Thanh hỏi với ý trách móc: Sao anh lại đi ngay? Nhưng rồi Thanh cũng hiểu công việc và rất thương chồng...".

Ông Ba Quốc đã đoàn tụ với vợ con chỉ một hôm như vậy, hôm sau ông lại vào Sài Gòn. Anh con trai ông Ba Quốc ở miền Bắc nói: "Sau cuộc gặp đó, một năm sau bố tôi mới trở lại". Còn bà Ngô Thị

Xuân, vợ ông ở Sài Gòn thì kể: "Vào ngày 5/5/1975 nhà tôi mới về. Lúc ông về thì tôi đang dọn dẹp nhà cửa. Thấy ông bước vào mấy đứa nhỏ bảo: Mẹ ơi, bố về ! Ông chả nói gì cả, chỉ cười và chơi với con một lúc rồi vào cơ quan. Lúc ấy ông mặc đồ bộ đội, đội mũ cối".

Còn ông Ba Quốc thì viết trong nhật ký: "Gặp vợ con ở Hà Nội một hôm, lại một cuộc chuẩn bị "vì nhiệm vụ" đối với cả người ở lẫn kẻ đi. Gần trưa hôm sau xe đón sang sân bay Gia Lâm, lên máy bay quân sự, hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất lúc 6 giờ chiều... Trên đường về nhà, ngang qua một quán phở, một đám trẻ con bu theo: Ê ê... anh bộ đội! Ủa, bộ đội à... Đứng rồi, quần áo, mũ cối, dép râu, ba lô... đúng là anh bộ đội rồi. Hơi đỏ mặt, nhưng trước cái nhìn đầy cảm tình của những người trong quán, trong lòng thấy vui vui...

...Về đến cư xá khoảng 9h tối. Bọn trẻ con đang chơi chạy theo trâm trò: Bố thằng Q. về, bố thằng Q. về... Có đứa chạy trước gọi Q. Thằng Q., rồi các con chạy ra đón bố. Chưa kịp vào nhà kể những chuyện xảy ra một năm qua... Trong thời gian mẹ và anh trai bị bắt, anh trai lớn đi học và đi làm, Q. ở nhà mỗi khi thò đầu ra cửa là bị một số trẻ con trong cư xá chọc quấy: Ê... con Việt cộng... Có hôm còn bị chúng xúm lại đâm đá... Nhưng một hôm, Q. giấu một con dao cắt bánh mì vào cặp quần, chờ cho tụi trẻ tới chọc quấy, Q. rút dao ra đâm lia lịa... Thế là từ hôm sau, Q. trở thành "đầu đảng" của đám trẻ con trong cư xá, được bọn trẻ phục tùng.

... Một chuyện khác nghe kể lại: Chỉ sau hai bữa Sài Gòn được giải phóng, anh P., theo yêu cầu của cơ quan tình báo miền, đã đem xe lại đón mẹ con Xuân lên cơ quan (lúc này đặt tại Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo cũ). Trên đường đi, anh P. chỉ chiếc vali trong xe, nói: Chuyến này tôi sẽ để mẹ con nó ở nhà, nhất định đi làm cách mạng. Anh P. hồi trước là bí thư của tướng Lâm Quang Viên (Đặc ủy trưởng Trung ương tình báo trước Nguyễn Khắc Bình). Tôi được giao nhiệm vụ móc nối làm việc cho ta, nhưng anh này sau đó đã bỏ cuộc.

...Các ông Hoàng Văn Giàu, luật sư Trần Văn Tuyên và một số bạn bè tìm gặp. Họ có chung một ý kiến: Giang sơn gấm vóc này từ nay thực sự là của người Việt Nam. Chúng tôi mừng đất nước thoát nạn ngoại xâm...".

Từ đây, ông Ba Quốc lại bước vào một nhiệm vụ mới, một nhiệm vụ cũng dài lâu, gian khổ và ông cũng làm được những chuyện xuất sắc không kém những việc mà ông đã làm trong 20 năm chống Mỹ. Đang nói chuyện với ông, nhìn trên tường, lướt qua những tấm huân chương, chúng tôi thấy có một tấm "Huân chương Chiến công hạng nhất" được Nhà nước tặng cho ông trong nhiệm vụ bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc...

Tướng tình báo Ba Quốc dưới mắt tướng tình báo Phạm Xuân

Khi bị lộ lên chiến khu ông Ba Quốc mang cấp bậc là trung đoàn bậc phó, giải phóng xong ông mang quân hàm trung tá. Năm 1977, ông được phong danh hiệu Anh hùng Quân đội nhân dân Việt Nam vì những công lao đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ông không nhớ hết những huân chương ông được tặng thưởng, nhưng chúng tôi biết ông được tặng Huân chương Độc lập và nhiều Huân chương Chiến công, trong đó có ít nhất là 3 Huân chương Chiến công hạng nhất. Những năm sau giải phóng, ông đảm nhiệm nhiều trọng trách trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, được thăng quân hàm thiếu tướng năm 1990 và giữ chức cục trưởng trong ngành tình báo quốc phòng. Những hoạt động của ông trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc chúng tôi sẽ đề cập sau...

Để bạn đọc hiểu rõ hơn về con người ông Ba Quốc, không thể không nói đến những quan hệ giữa ông với đồng đội. Nhưng do ông hoạt động đơn tuyến, suốt hai mươi năm ông chỉ biết mặt có 4 "Việt Cộng". Người thứ nhất là ông Văn Tùng, người chỉ huy đầu tiên của ông khi ông vào Sài Gòn. Ông Văn Tùng liên lạc với ông được một thời gian ngắn thì bị địch bắn chết ở ngã ba Chuồng Bò. Người thứ hai, cũng là chỉ huy của ông, là ông Ba Hội, nhưng được một thời gian thì ông Ba Hội bị bắt. Người thứ ba là ông Bảy Anh. Ông Bảy Anh là người chỉ huy trực tiếp sau cùng của ông, người đã đến ở trong nhà ông vào Tết Mậu Thân năm 1968, nhưng sau đó ông bảo là ông Bảy Anh đã "mất tích". Một thời gian dài còn lại ông chỉ gặp người giao liên, đó là vợ ông Bảy Anh, người làm giao liên nội đô cho ông mà chúng tôi đã kể.

"Sau ông Bảy Anh ông có biết những người chỉ huy của ông là ai không?", chúng tôi tò mò. Ông Ba Quốc: "Không. Tôi không biết ai hết. Tôi chỉ gửi tài liệu, báo cáo về cấp trên và nhận chỉ thị từ cấp trên thôi. Còn cấp trên là ai thì tôi không biết. Khi bị lộ, được rút lên căn cứ tôi mới biết". "Ở Sài Gòn hồi đó ông có biết ông Phạm Xuân Ẩn (Hai Trung) không?". "Tôi có quen biết với anh Hai Trung, nhưng chỉ biết anh ấy là một nhà báo của Mỹ rất có thế lực và có quan hệ rất rộng mà thôi". "Là người làm ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, bằng con mắt nghề nghiệp của mình, ông có nghi ngờ ông Hai Trung dính dáng đến Việt Cộng không?". "Không, làm sao tôi có thể nghi ngờ được. Vì biết anh ấy là người có thế lực nên tôi muốn quan hệ để khai thác tin tức. Tôi báo cáo lên cấp trên về việc đó, nhưng ở trên cấm không cho tôi làm việc này. Mấy ông ấy còn lưu ý: Phải cẩn thận với thằng đó, nó là CIA đấy!".

Chúng tôi đã gặp tướng Phạm Xuân Ẩn để hỏi chuyện ông Ba Quốc: "Hồi đó ông có biết ông Ba Quốc không?". Ông Ẩn: "Có chứ. Tôi biết ông là Nguyễn Văn Tá, sĩ quan của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo. Ông tên Tá nên không hiểu sao tôi cứ nghĩ ông là thiếu tá. Cái Phủ Đặc ủy đó tôi cũng được mời tham gia sáng lập. Nhà ông Tá nghèo nhưng sống rất liêm khiết. Ông làm việc rất cẩn thận. Mỗi khi gặp ai, ông chỉ nói những điều cần nói và nghe những chuyện cần nghe, chứ không nói năng lung

tung vô tội vạ như tôi. Nhiều người bảo tôi: Ông coi ông Tá đó, ông nói năng nghiêm túc, đâu có ăn nói vãng mạng như ông. Tôi cười: Thì ông là sĩ quan tình báo ông mới như vậy, còn tôi là nhà báo thì phải khác chứ, tôi có phải làm tình báo đâu mà phải nghiêm túc như ông".

"Dưới con mắt nghề nghiệp, ông có đoán được ông Tá làm cho Việt Cộng không?". Ông Ân: "Không thể biết được". "Ông biết ông là Việt Cộng từ lúc nào?". "Khi ông bị lộ. Nhưng ông này khi bị lộ rồi vẫn còn xó rớ ở Phủ Đặc ủy mà vẫn còn tham công tiếc việc chưa chịu đi. Đến mức mấy người bên Phủ Đặc ủy, trong đó có ông Chánh văn phòng phải đến nhờ tôi: Thăng Tá là Việt Cộng bị lộ rồi, ông quen nó ông làm ơn bảo nó đi nhanh lên, chần chừ sẽ bị bắt đó". "Ông trả lời như thế nào?". "Tôi bảo với họ: Nó là Việt Cộng thì liên quan gì đến tôi. Các ông cứ bảo nó đi...".

Chúng tôi thắc mắc: "Vì sao những người đó không muốn ông Tá bị bắt?". Ông Ân: "Ông Tá bị bắt sẽ liên lụy đến họ". "Họ có quan hệ với Việt Cộng đâu mà sợ bị liên lụy?". "Tất nhiên là họ không có quan hệ gì với Việt Cộng, nhưng họ có quan hệ với ông Tá. Nếu ông Tá bị bắt, biết đâu trong những tài liệu mà ông Tá lấy có những tài liệu mà họ đã vô tình cung cấp cho ông. Bởi vậy họ mới sợ bị rày rà...".

Ông Ân vừa vào bệnh viện thăm ông Ba Quốc. Bệnh ông Ba Quốc hiện rất trầm trọng, chắc ông không còn sống thêm được bao nhiêu ngày. Ông Ân rơm rớm nước mắt khi nói về bạn mình: "Tôi nghiệp cho ông Ba Quốc. Cả một đời ông sống gian khổ vì đất nước, thanh bạch, liêm khiết cho đến những ngày cuối cùng. Gia đình ngoài Bắc và gia đình trong Nam đều phải chịu nhiều hy sinh. Cả gia đình ai cũng tốt, ai cũng nghe lời ông. Những năm trước đây, một người con dâu bị kẻ xấu tạt a-xít hồng cả khuôn mặt, cũng là do nghe lời ông chống tham nhũng mà ra như vậy đó...".

Những người chỉ huy ở phía sau

Trong 3 người chỉ huy trực tiếp ông Ba Quốc, ông Văn Tùng và ông Bảy Anh đã mất, riêng ông Ba Hội vẫn còn sống. Chúng tôi vẫn không có tài liệu nào về ông Văn Tùng mà chỉ nghe ông Ba Quốc kể lại vài dòng ngắn ngủi sau đây:

"Đầu năm 1956, theo quy ước tôi đến Sở thú gặp anh Văn Tùng. Sau khi trao đổi về tình hình, anh Văn Tùng dự kiến đưa tôi vào một vị trí khác để có tác dụng tốt hơn cho công tác (lúc đó ông Ba Quốc mới vào Nam, đang làm kế toán ở Nha Công an Nam phần - PV). Bữa sau, tôi lặng người đi khi đọc một cái tin trên báo: Anh Văn Tùng đã bị hạ sát bằng súng sáu trong lúc đang ngủ tại một căn nhà ở xóm Chuồng Bò cùng với mấy người khác... Trên đường tới viếng mộ anh, tôi cũng nghĩ tới bản báo cáo của tôi đưa cho anh bữa trước có thể lọt vào tay địch, nếu như vậy thì địch sẽ biết anh là cán bộ cách mạng và tất chúng sẽ bố trí để bắt những người đến tìm hiểu về cái chết của anh hoặc đến thăm mộ anh, nhưng tôi nghĩ anh chết tôi không đi đưa, mộ anh tôi cũng không dám viếng thì tôi không còn là gì nữa cả. Song tới nơi tôi cũng yên tâm vì người ta đến viếng mộ anh cũng rất đông, địch dù có

phục cũng không làm gì được. Khi về, trong lòng tôi tiếc thương lo buồn lẫn lộn. Anh Văn Tùng rất thông minh và còn trẻ quá. Anh mất đi, tôi không biết liên lạc với ai nữa. Tôi thấy như đôi mắt đen láy của anh lúc nào cũng nhìn tôi...". Đó là tất cả những gì chúng tôi biết về ông Văn Tùng.

Còn ông Ba Hội, tức Trần Văn Hội, năm nay gần 90 tuổi, hiện vẫn còn sống tại Hà Nội nhưng đã rất già yếu. Trong kháng chiến chống Pháp, ông là cán bộ Nha Tình báo trung ương, sau năm 1954 ông vào Nam làm chỉ huy điệp báo. Đến cuối năm 1956, ông phụ trách một cụm tình báo quan trọng gồm 18 cơ sở, nhiều lưới tình báo trong cụm của ông hoạt động có hiệu lực cao, trong đó có ông Ba Quốc. Ông bị mật vụ của Ngô Đình Cẩn bắt (năm 1958). Sau đảo chính Ngô Đình Diệm, ông được thả ra cùng lúc với ông Mười Hương vì địch không có đủ chứng cứ kết tội ông là "Việt Cộng". Ông Sáu Trí (tướng Nguyễn Đức Trí, nguyên Thủ trưởng Cơ quan tình báo miền) kể: "Anh Ba Hội là người chỉ huy tình báo rất giỏi. Anh bị bắt không quả tang, nên sau khi ra tù vẫn ở lại hoạt động trong vùng địch tạm chiếm. Nhà anh có mua một chiếc xe hơi, năm 1968, ta đã dùng chiếc xe hơi ấy chở biệt động đi đánh Tòa đại sứ Mỹ. Cơ quan tình báo miền thấy ảnh chắc chắn sẽ bị lộ vì địch truy lùng chủ chiếc xe ấy, nên rút ảnh ra căn cứ làm Cụm trưởng Cụm Tình báo A36. Anh Ba Quốc thuộc cụm tình báo đó. Anh Ba Hội là một cán bộ tình báo cao tuổi, anh mang cặp kính rất dày, đi với ngành tình báo từ Cách mạng Tháng Tám, đã trải qua đủ thử thách với các cảnh ngộ nghiệt ngã và luôn luôn tận tụy với công tác cách mạng, với ngành tình báo. Anh đã có công lớn khôi phục lại các lưới tình báo và cơ sở tình báo mật bị đứt sau vụ bê năm 1957-1958, có người có vị trí cao nằm trong mục tiêu tình báo, có cán bộ mật có năng lực và lập được nhiều thành tích. Trong cuộc sống, anh Ba Hội có thái độ lạc quan đặc biệt. Mỗi lần gặp anh, mọi người bao giờ cũng được nghe những câu chuyện dí dỏm để cười, cười đến đau bụng. Anh ra Bắc trước giải phóng".

Về ông Bảy Anh (tên thật là Nguyễn Văn An), thực ra không hề bị "mất tích" như ông Ba Quốc nghĩ. Sở dĩ ông Ba Quốc nói ông Bảy Anh "mất tích" là vì sau năm 1968 ông Bảy Anh không gặp ông Ba Quốc nữa mà thôi. Ông vẫn là người chỉ huy trong cụm. Chúng tôi hỏi ông Sáu Trí về ông Bảy Anh. Ông Sáu Trí nói: "Anh Bảy Anh là cán bộ quân sự rất giỏi và rất có kỷ luật, được học nghiệp vụ tình báo một cách có hệ thống. Ảnh là Cụm phó Cụm A36. Khi anh Ba Hội ra Bắc, ảnh làm cụm trưởng. Ảnh đã nhiều lần vào thành công tác, tiếp xúc trực tiếp với anh Ba Quốc và bồi dưỡng chính trị cũng như nghiệp vụ cho lực lượng mật trong nội thành. Ảnh là người đã sáng tạo ra cách viết báo cáo bằng tốc ký theo kiểu mật ngữ để bảo mật nội dung báo cáo từ cơ sở gửi về cụm, ảnh cũng tự mã hóa thông tin. Lúc anh Ba Quốc bảo anh Bảy Anh bị mất tích chính là lúc ảnh chuyển sang làm tình báo chiến dịch".

Chúng tôi đã kể với bạn đọc chuyện vợ ông Bảy Anh làm giao liên nội đô cho ông Ba Quốc. Ông Sáu Trí nói thêm: "Anh chị Bảy Anh là một đôi vợ chồng kiểu mẫu. Khi anh tập kết, chị ở lại miền Nam tham gia hoạt động chính trị, bị tù đầy nhưng đã giữ trọn khí tiết. Khi chồng vào Nam chiến đấu,

chị đã từng quân cùng đơn vị của chồng, làm giao liên hợp pháp cho lưới tình báo chủ lực của cụm (lưới ông Ba Quốc - PV)".

Trong câu chuyện giữa ông Sáu Trí với chúng tôi, có ông Tư Cang (Cụm trưởng phụ trách lưới tình báo Phạm Xuân Ân) và vợ ông Sáu Trí tham gia. Đến đoạn nói về vợ chồng ông Bảy Anh, bà Sáu Trí trở nên phấn chấn: "Hai ông bà đó tình tứ lắm nghen. Thư tình họ viết cho nhau cũng toàn bằng mật mã không hà...". Còn ông Tư Cang thì tranh thủ "kể công": "Chính tui đã giúp ông Bảy Anh gặp lại vợ ông đó. Hồi đó ông làm cụm trưởng, tui cũng làm cụm trưởng. Trước, ở Phú Hòa Đông bị địch ruồng bỏ gặt gao, tui phải nhờ đường dây của ông đưa về Sài Gòn. Sau này, ông nhờ tui móc nối giùm vợ ông, hồi đó ông chưa liên lạc được với vợ. Ông đã giúp đưa tôi vào Sài Gòn, còn tôi thì giúp ông gặp lại vợ". Kể xong, ông Tư Cang cười thật vui vẻ. Chúng tôi bỗng nhớ lại những tiếng cười của những "lão tướng" tình báo, họ đều trên dưới tuổi 80, nhưng ai cũng có tiếng cười thật trong trẻo, trong trẻo như trẻ thơ...

Liều lĩnh và nhân hậu

Chúng tôi hỏi ông Ba Quốc: "Ông có bao giờ thấy căng thẳng không?". Trả lời: "Tôi không bao giờ thấy căng thẳng cả". "Việc gì là nguy hiểm nhất?". "Việc cứu mấy ông cán bộ cách mạng ở Sài Gòn hồi tôi làm chỗ bác sĩ Tuyển là nguy hiểm nhất". "Khi ông bị lộ mà ông chưa đi, ông đã gặp nhiều người như các ông Thái Lăng Nghiêm, Hoàng Văn Giàu, Trần Văn Tuyên..., ông bảo với họ ông là cộng sản, ông có biết điều đó rất nguy hiểm không?". "Biết chứ, nhưng kệ".

Là Thủ trưởng Cơ quan tình báo miền trong giai đoạn chiến tranh ác liệt nhất, ông Sáu Trí coi ông Ba Quốc là một "điển hình cơ cán tình báo đi sâu", "tận tụy, cần mẫn, dũng cảm, làm việc hết mình cho kháng chiến với cường độ lao động rất lớn". Nhưng ông Sáu Trí không tán thành cách làm việc mạo hiểm của ông Ba Quốc. Ông Sáu Trí nói: "Một lần ảnh phát hiện một danh sách 12 nội gián làm việc trong tổ chức của ta. Ảnh lấy được danh sách đó là do phục rượu trưởng phòng phản gián của Đặc ủy Trung ương tình báo, khi người này nhậu say mềm rồi ngủ mê, ảnh tranh thủ mở cặp tài liệu để chép lại hồ sơ kế hoạch phản gián. Nhận được tin, tôi viết thư yêu cầu không làm những chuyện như vậy vì rất nguy hiểm. Còn chuyện mở tủ hồ sơ mật trong Phủ Đặc ủy, tôi có gửi điện phê phán cách làm mạo hiểm đó. Tôi đã chỉ thị cho ảnh không được dùng những thủ đoạn như vậy, vì rất dễ bị lộ, rất có nguy cơ bị bắt quả tang".

Là người tham gia tổng kết công tác tình báo miền Nam, ông Mười Nho nhận xét ông Ba Quốc là một trong những điệp viên "xuất sắc", "thành công lớn". Ông Mười Nho nói: "Anh Ba Quốc có nhiều cống hiến, đặc biệt trong thời kỳ 1967-1968-1969, khi các lưới tình báo của ta gặp nhiều khó khăn, một số lưới quan trọng bị bẻ (ví dụ lưới của ông Vũ Ngọc Nha...), ảnh đã đáp ứng được những yêu cầu chiến lược của cấp trên. Từ đầu ảnh không được đào tạo một cách cơ bản, ảnh làm tình báo được là do học của địch, cũng như tôi chủ yếu là học của địch. Ảnh rất trung thành, rất có kỷ luật. Cái đó khó

lắm, không phải giỡn chơi được đâu. Cũng có anh làm ăn không được, bí quá nên báo cáo sai hoặc xào nấu thông tin trên báo chí để báo cáo, nhưng anh Ba Quốc thì rất trung thực. Có lúc không có tin tức thì anh không báo cáo chứ không báo cáo sai. Làm tình báo rất cần cái này".

Ông Ba Quốc dừng cảm đến mức liều lĩnh, nhưng cũng theo nhận xét của ông Mười Nho: "Anh Ba Quốc trầm tĩnh, ít nói, không nóng giận, không vỗ ngực tự khoe. Những đức tính đó quý lắm, rất phù hợp với công tác tình báo". Chúng tôi hỏi bà Ngô Thị Xuân: "Mấy chục năm sống với bà có bao giờ bà thấy ông Ba Quốc nóng giận không?". Bà Xuân: "Không bao giờ. Đối với con cái cũng vậy, ông ấy nghiêm khắc nhưng chẳng bao giờ la mắng. Chỉ duy nhất một lần trong đời ông ấy quát tôi, chỉ một câu thôi. Đó là khi tôi định đưa bọn trẻ vào học nội trú, vì tôi sợ chúng ở bên ngoài gần bạn bè xấu dễ bị hư hỏng. Nghe tôi bảo thế ông ấy gạt ngay, ông ấy bảo không được làm thế, hãy để chúng sống với gia đình, gần mẹ gần cha...".

Ông tướng "liều mạng" này là người rất trọng tình trọng nghĩa. Cách đây vài tuần, chúng tôi có xuống Bến Tre gặp một người. Đó là người giao liên chỉ gặp ông Ba Quốc duy nhất có một lần. Bà tên là Ngô Thị Mân (Tur Mân), người đã đón ông Ba Quốc từ Mỹ Tho đưa vào căn cứ khi ông Ba Quốc bị lộ. Cùng đi với chúng tôi có ông Bảy Vĩnh (anh hùng quân đội, đại tá tình báo). Bà Tur Mân nói rằng lúc đó bà chỉ dẫn đường cho ông Ba Quốc một đoạn thôi, nhưng 15 năm sau ông đã về thăm lại bà. Sở dĩ phải 15 năm sau mới về thăm được là vì giải phóng xong ông lại tiếp tục đi làm nhiệm vụ, anh con trai của ông bảo rằng mãi đến năm 1987 hay 1988 gì đó ông mới trở lại Sài Gòn. Ông Bảy Vĩnh nói: "Lần về thăm chị Tur Mân là do ảnh giục đó. Lúc ấy công việc của ảnh rất bề bộn nhưng ảnh đòi đi thăm cho bằng được chị ấy. Nhưng gặp chị Tur Mân là chuyện rất khó khăn, vì chị đã lớn tuổi không còn công tác nữa. Chúng tôi phải vừa đi vừa hỏi, hỏi mãi mới tìm được". Bà Tur Mân năm nay đã 83 tuổi, nghe ông Ba Quốc bị bệnh nặng, bà khóc mếu máo: "Tội nghiệp ảnh quá, tôi muốn lên thăm nhưng tôi già quá rồi không đi nổi...".

Còn chuyện này nữa. Khi vào bệnh viện thăm ông, chúng tôi gặp một cán bộ cấp dưới của ông. Anh này nói với chúng tôi: "Tôi có may mắn làm việc được một thời gian dài với chú Ba. Trong nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống đời thường, ông thật sự là chuẩn mực để chúng tôi học tập. Tuy đã là cấp tướng, nhưng cứ mỗi lần đi công tác, dù ở hậu phương hay ở chiến trường (ông Ba Quốc tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam - PV), bao giờ ông cũng giành ngôi ở vị trí chiến đấu bên cạnh tài xế. Vị trí đó bao giờ cũng nguy hiểm đến tính mạng nếu bị tấn công. Chúng tôi còn trẻ, được trang bị vũ khí đầy đủ mà không bao giờ tranh được chỗ đó với ông già. Các anh biết không, chú Ba bắn súng thì hết chệ, bắn đâu trúng đó, mà ông chỉ quen sử dụng rulo thôi...".

Con người khổ hạnh

Chúng tôi chưa có đủ thông tin về những công việc của ông Ba Quốc từ sau giải phóng đến nay. Tuy nhiên theo ông Mười Nho thì công lao của ông trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc là "nổi bật hơn và có những công lao đặc biệt".

Ông Ba Quốc đã cống hiến cả cuộc đời vì độc lập, tự do của đất nước theo đúng nghĩa chính xác của những từ đó. Bởi vì ông vẫn làm việc cho ngành tình báo quốc phòng đến ngày ông vào bệnh viện. Ông sống rất kham khổ, hầu như không có ngày nào được nghỉ ngơi. Về những năm làm ở Sở Nghiên cứu chính trị và Đặc ủy Trung ương tình báo, ông kể: "Sáng tôi dậy lúc 5 giờ, tập thể dục 15 phút, đánh răng rửa mặt xong vào ăn cơm rang rồi nghe đài, lo cho các cháu đi học rồi đi làm, 12 giờ về ăn cơm, nghỉ trưa một lát đến 1 giờ đi, 6 giờ về, giặt quần áo cho các cháu, phân công các cháu giúp đỡ mẹ của chúng lau nhà, đi chợ, rửa bát... Cơm tối xong 7 giờ đi, 10 giờ về nghe đài, dạy các cháu học, viết báo cáo đến 1 giờ sáng đi ngủ. Tôi không có ngày nghỉ, không có chủ nhật, không có ngày lễ. Nói thật là hồi đó tôi rất ít khi được ăn một bát phở...". Ông biết tiếng Pháp, tiếng Anh và chữ Hán. Nhưng tiếng Anh thì khi vào Nam ông mới học. Ban đầu ông cũng hơi bảo thủ trong việc học tiếng Anh, ông nhớ lại: "Lúc đó đứng trước làn sóng người đủ mọi thành phần đổ xô đi học tiếng Anh, tôi nóng mặt nghĩ đến trước đây người ta học tiếng Pháp để làm thông ngôn cho Pháp, bây giờ học tiếng Mỹ để làm bồi cho Mỹ. Tuy biết rằng phải học để phục vụ nhu cầu công tác, nhưng nghĩ đến chuyện đó tôi thấy không hứng thú đi học. Tôi kể cho anh Ba Hội nghe tâm trạng của tôi, anh Ba Hội bảo tôi phải học. Từ đó tôi học tiếng Anh và học rất chăm".

Giữa Sài Gòn phồn hoa đô hội hồi đó ông đã sống "như một nhà tu". Còn sau này, một người con của ông ở Sài Gòn kể rằng, sau những ngày bận rộn với công việc tiếp quản Sài Gòn mới giải phóng, ông được cử đi học chính trị tại Hà Nội, nhưng chỉ học được một thời gian rất ngắn, ông lại nhận lệnh đi làm nhiệm vụ. Những tháng đầu tiên sau giải phóng, ông làm việc và ở lại cơ quan, lâu lâu mới về nhà một lần. Và suốt từ năm 1976 cho đến năm 1988, thỉnh thoảng khi 2 tháng, khi 3 tháng ông mới về thăm nhà. Đến năm 1988, ông về làm việc ở TP.HCM nhưng do yêu cầu công việc ông cũng ở luôn tại cơ quan, mỗi tuần về thăm nhà một lần. Từ năm 1990, buổi tối ông mới về nhà. "Anh có thấy bố anh nghỉ phép không?". "Không, tôi chưa thấy ông nghỉ phép ngày nào cả. Cả chủ nhật và ngày lễ ông vẫn đi làm. Còn Tết thì mừng một ông đã đi làm rồi". Người con của ông cũng cho biết tiền lương của ông thì "chia đôi", gửi cho bà ngoài Bắc một nửa, bà trong Nam một nửa. Những năm sau giải phóng bà Xuân mở một quầy bán sách báo và nuôi heo để "cải thiện" đời sống. Ông làm việc cho đến mãi cách đây 1 năm, lúc đã 82 tuổi (ông sinh năm 1922, tuổi "mụ" là 83 tuổi) mới dứt ra khỏi công việc thường xuyên, nhưng mỗi tuần ông vẫn đến làm việc ở cơ quan khoảng 1 hoặc 2 lần.

"Thú vui của bố anh là gì?". "Là đọc sách, nghe đài, coi tivi và đọc báo. Hồi làm ở Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo chế độ Sài Gòn bố tôi hình như còn làm việc kiểm duyệt báo chí nữa, mỗi ngày tôi thấy ông mang về một tập báo dày. Bố tôi đọc báo kỹ lắm, hồi đó ông theo dõi các đảng phái, tôi

thấy từng đảng phái một ông đều có hồ sơ riêng, trong đó có tất cả những bài báo viết về đảng phái đó. Ông hay đọc truyện, nhưng ông thích nhất là truyện Tàu. Hôm nào ông cũng coi tivi, nghe đài BBC, đài VOA... Khi vào nằm bệnh viện, ông còn mang cái đài theo. Mấy tuần trước ông đã yếu lắm rồi nhưng vẫn còn mở đài nghe. Khi đã ở trạng thái lúc mê lúc tỉnh, lúc tỉnh dậy ông lại bảo con cháu đọc báo cho ông nghe...". Cho đến những ngày cuối cùng ông vẫn không tách mình ra khỏi thời cuộc.

Năm ngoái, trong một lần trò chuyện với chúng tôi, lúc ấy tòa án đang xử vụ Năm Cam, ông Ba Quốc không giấu được vẻ buồn rầu khi nói đến những cán bộ nhà nước thoái hóa biến chất cam tâm làm "bảo kê" cho tội phạm. Ông bảo một số cán bộ cấp cao tiếp tay cho tội phạm trong vụ này là không thể tha thứ được, nhưng cũng do công tác tổ chức thiếu chặt chẽ. Ông cũng cho rằng nạn tham nhũng, nhận hối lộ, tiếp tay cho tội phạm của một bộ phận cán bộ không chỉ do sự sơ hở của cơ chế chính sách và sự thiếu sót của công tác tổ chức mà còn do "lương của cán bộ ta thấp quá".

Người anh hùng sống một cuộc đời khổ hạnh này không bao giờ lấy mình làm chuẩn để phán xét người khác. Ông không bảo thủ, không nhìn cuộc đời theo lăng kính của ông, ông nhìn cuộc đời như nó vốn có...

Khẩu súng và nhân tình

Chúng tôi vừa gặp một trong những người gần gũi nhất của ông Ba Quốc. Đó là người lái xe cho ông suốt hơn 20 năm qua. Trong những ngày này anh vẫn thường xuyên trong bệnh viện, anh không rời ông Ba Quốc. Anh bảo:

“Suốt hơn 20 năm lái xe cho chú Ba, chỉ duy nhất có một lần ông nổi nóng quát tôi. Đó là lần tôi đưa ông đi dự đám cưới một cán bộ trong đơn vị. Đám cưới đó ông làm chủ hôn. Lần đó tôi gặp một sự cố nên đến đón ông trễ giờ. Ông rất giận. May mà cô Xuân (vợ ông Ba Quốc - PV) nói giúp: Đám cưới bây giờ người ta tổ chức trễ lắm so với giờ mời, ông không lo. Lúc đó ông mới nguôi giận”.

Ngồi với chúng tôi trong căn-tin bệnh viện, người tài xế của ông Ba Quốc nói tiếp: “Đối với anh em trong đơn vị, ông thân tình như một người cha, người chú thật sự. Cán bộ, nhân viên dưới quyền nếu có sai sót khuyết điểm gì thì ông rất nghiêm khắc, nhưng ôn tồn chỉ bảo từng li từng tí một. Một lần đưa chú Ba ra Hà Nội công tác, bà Thanh (vợ ông Ba Quốc ngoài Bắc - PV) hỏi: Cháu đi với ông, cháu có biết tính ông không? Bà hỏi và trả lời luôn: Ông này đơn giản lắm. Rất ngang đối với cấp trên nhưng lại rất thương cấp dưới. Ông còn dạy tôi cách lái xe nữa. Ông khuyên tôi một câu mà tôi nhớ mãi: Cậu muốn lái xe cho an toàn thì cậu phải coi những người lái xe khác đang chạy đều là người say hết, chỉ mình cậu tỉnh thôi, như vậy cậu sẽ cẩn thận không để xảy ra tai nạn. Chú Ba làm việc giờ giấc cực kỳ chính xác và rất thận trọng trong mọi chuyện. Trong người ông có hai vật bất ly thân. Đó là khẩu súng và cái hộp quẹt. Ông chỉ rời hai thứ đó khi ông vào phòng tắm. Súng thì ông để tự vệ, còn hộp quẹt thì có lẽ do thói quen từ trước, ông dùng để đốt tài liệu nếu gặp bất trắc. Khẩu súng ông mới trả lại cho cơ quan được một năm nay thôi...”.

Người tài xế của ông Ba Quốc còn kể rằng hồi mới giải phóng, khi ông làm nhiệm vụ tiếp quản Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, nhiều người trong gia đình các tướng tá, sĩ quan và nhân viên cũ của phủ này đã mang quà cáp rất đắt tiền đến nhà đưa cho bà Xuân, nhờ bà Xuân nói với ông cho họ được nhẹ tội. Ông dặn bà Xuân dứt khoát không được nhận bất cứ một thứ gì, cái gì họ để lại thì phải mang đi trả cho bằng được.

Như chúng tôi đã từng đề cập trong thiên ký sự viết về tướng tình báo Phạm Xuân Ân, những người cách mạng chân chính không có kẻ thù riêng. Làm tình báo càng phải như vậy. Cũng như ông Ân, ông Ba Quốc có những bạn bè ở bên kia chiến tuyến. Ông phải thắng họ, nhưng ông vẫn trân trọng tình người. Ngay cả những người đã làm hại gia đình ông, ông cũng không định kiến. Cũng theo người lái xe của ông kể lại, khi người sĩ quan đã từng đánh đập con ông khi vợ con ông bị bắt hồi đó đến trình diện ông, người này rất sợ ông trả thù. Nhưng ông Ba Quốc đã nói với người này rằng: “Anh có tội với nhân dân, chứ không có tội gì với gia đình tôi, với con tôi cả. Bây giờ kết thúc chiến tranh rồi, anh cứ đến trình diện đi học tập theo chính sách chung để sau này về làm ăn bình thường như những người dân khác”. Nghe ông nói vậy, người này rất cảm động. Anh ta đã cởi chiếc đồng hồ đang đeo tay nhờ ông Ba Quốc mang về trả lại cho con trai ông. Chiếc đồng hồ đó anh ta đã lấy của con trai ông khi vợ con ông bị bắt.

Khi thiên ký sự này được đưa lên Thanhnien online, rất nhiều bạn đọc ở nước ngoài, trong đó có những bạn đọc ở Mỹ, Canada, Australia... gửi thư về tòa soạn bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với ông Ba Quốc. Ông Hoàng Văn Giàu, người mà chúng tôi có nhắc đến trong ký sự này, hiện cư trú tại Australia, có gửi thư cho chúng tôi. Trước đó, người thân của ông Giàu đã gửi thư nói với chúng tôi rằng: “Anh Giàu bảo dù hai người ở hai chiến tuyến, nhưng giữa anh Giàu và anh Tá (tên ông Ba Quốc hồi ở Sài Gòn trước giải phóng - PV) có mối quan hệ bạn bè tốt và chung một chí hướng là đất nước phải thống nhất và chấm dứt chiến tranh. Được tin anh Tá bị bệnh nặng, anh Giàu và chúng tôi rất buồn, cầu mong cho mọi chuyện êm ái đến với anh ấy”. Còn ông Hoàng Văn Giàu thì sau đó viết trong thư gửi chúng tôi: “Tôi thành tâm cầu nguyện cho sức khỏe anh Tá được cải thiện. Xin gia đình cho biết tôi có thể làm được gì để giúp anh Tá không?”. Chúng tôi đã chuyển lời ông Giàu đến gia đình ông Ba Quốc. Gia đình ông gửi lời cảm ơn ông Giàu và thông báo rằng ông Ba Quốc được Nhà nước và quân đội chăm sóc tận tình và chu đáo với những điều kiện tốt nhất.

Mặc dù ông Ba Quốc đang được Đảng, Nhà nước, các bác sĩ, nhân viên y tế và gia đình tận tình chăm sóc sức khỏe, nhưng đến thời điểm này sức khỏe của ông đang được tính từng giờ...

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

